N° 57 Mars 1922

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

LƯỢC-KHẢO VỀ BỘ LUẬT MỚI BẮC-KỲ

TIỀU-DẪN

Người ta sinh ra ở đời, nếu người nào phó mặc người ấy, thì không có thể đủ được mọi thứ để cần dùng về đường vật-chất và về đường tinh-thần của mình, bởi thế cho nên ngay từ khi hỗn-độn sơ-khai, vô-luận là ở đất nào, hễ đã có người tất phải hợp nhau làm thành đoàn-thể để giao-tế với nhau, bênh-vực lấy nhau; trong đoàn-thể tất phải kẻ nhượng điều nọ, kẻ chịu điều kia, kẻ đổi cái này, người trao cái khác, có đi có lại, có chịu có ăn; về thời thái-cổ ấy thường có khi chỉ lấy dây thắt nút làm tin, có khi chỉ vẽ vòng phát-thệ làm cứ; mà về phần tự-do của mỗi người trong đoàn thể tự-nhiên hình như có hạn; ấy lẽ ở chung với đoàn-thể phải như thế, giá người ta ai ai cũng theo như thế, ai ai cũng biết đạo công-bằng biết lẽ phải trái, thì thiên-vạn-cổ thái-bình, mà cần chi phải đặt ra lệ nọ phép kia. Nhưng than ôi! người ta thường hay quá tự-do, cho nên hay sinh tranh nhau hại lẫn nhau, rồi thù riêng nhau, thù riêng nghĩa là người này làm hại người kia, người kia lại phục-thù lại, nhiều khi quá cái giới-hạn bị-hại, làm cho kẻ phạm-tội phải tức-giận phải sinh đánh nhau thù nhau không bao giờ hết. Bởi thế người đứng đầu trong đoàn-thể, vì sự giữ gìn trật-tự, phải đặt ra ít nhiều lề-phép: đầu tiên đặt ra cái hình báo-phục (talion) nghĩa là kẻ phạm tội gì thì bắt lại phải chịu tội ấy, như đánh người gẫy chân thì phải bị đánh lại gẫy chân, cắt tai người thì mình lại phải bị cắt tai; thứ đến cái hình bồi-thường, (composition) nghĩa là bắt người phạm phải lấy kim-ngân mà đền cho người bị hại. Vì có hai cái hình đó mới cấm bớt được cái thù riêng, thế là từ đấy trở đi nhất-cá nhân phải lui để quyền cho người thay mặt đoàn-thể định ra lề-phép, ấy pháp-luật của nhân-quần phôi-thai từ đấy, rồi mỗi đời mỗi phiền-phức mãi ra, nhất là từ khi nhân-trí bán-khai, thêm khôn-ngoan lại bớt phần trung-hậu, sinh ra điêu-bạc, thành ra mỗi ngày mỗi thêm tội-ác, làm cho người có trách-nhiệm cầm cân thẩm-phán phải theo cái trình-độ tội-phạm mà đặt thêm ra lệ nọ hình kia, quen dùng mãi thành ra *tập-quán*, truyền-bá mãi thành ra *phong-tục*. Mỗi xứ phong-tục, tập-quán một khác, cho nên giao-tế với nhau rất khó khăn, nhưng dù khó khăn mặc lòng, người cùng một đoàn-thể khi trước xứ nào chỉ ở riêng với nhau trong xứ ấy, về sau vì sự cần dùng chung, phải giao-dịch với đoàn-thể khác ở chung quanh khu-vực mình; mà giao-dịch ra ngoài như thế ít khi lấy đường nhân-nghĩa giao-hiếu đi lại với nhau, phần nhiều chỉ chực tranh-khí

sinh-sự. Bởi thế đoàn-thể nọ mới sinh ra đánh nhau với đoàn-thể kia, đánh nhau với ngoài thì trong tất phải hợp thành đội-ngũ, người đứng đầu cầm quân phải đặt ra quân-kỷ, định ra quân-pháp, (vì lẽ đó nên luật cổ phần nhiều là luật binh) ; nhưng các đoàn-thể đánh nhau mãi tất sau cũng phải có một đoàn-thể thắng được tất cả các đoàn-thể kia ; đoàn-thể thắng ấy bấy giờ mới tôn người tướng của mình lên làm chúa-tể cả các đoàn-thể bị thua. Người chúa-tể ấy, muốn cai-trị được tất cả đoàn-thể khác xứ, khác phong-tục, khác lề-phép, tất phải đặt ra nhất-luật, định ra cùng một qui-tắc, cùng một chế-độ, thiết-quan phân-chức để thay công-quyền mà trị-nhiệm, thi-hành hình-phạt cho kẻ làm trái phép ; bởi thế mà quyền lập-pháp thi-hình từ bấy giờ chỉ thuộc về chánh-phủ, nghĩa là trong một xứ nhiều đoàn-thể khi đã thống-nhất, tất phải giữ quyền lập ra hiến-pháp, đặt ra qui-mô, nói tóm lại là phải làm ra pháp-luật nhất-tế thi-hành cho cả các đoàn-thể hợp-nhất. Lẽ đó là lẽ tự-nhiên mà lại là lẽ tất-nhiên, dù ở vào thời nào cũng thế, xứ nào cũng thế. Này ta hãy xét như bên Thái-tây khi trước người La-mã nhất-thống Âu-châu, có lập ra pháp-luật rất là công-minh mà lại nhân-hậu, bởi thế pháp-luật La-mã thành ra có một cái ảnh-hưởng rất mạnh với pháp - luật của các nước Âu-Tây bây giờ. Lại như vua Napoléon nước Pháp, khi đã lập thành đế-quốc, tức thì san-định lại tất cả luật-lệ cũ, tập-thành luật-thư toàn-bộ, theo một chủ-nghĩa rất văn-minh là chủ-nghĩa trên phải giữ vững lấy sự trị-an của chánh-phủ, dưới phải bảo-toàn quyền-lợi cho bình-dân hợp với sự khai-hóa trong nước. (Luật Napoléon tức là luật của nước Pháp hiện-hành bây giờ nhiều chỗ đã thay đổi lại, song cái cốt-tử phần nhiều vẫn còn). Lại xét bên Á-Đông như vua Cao-Tổ nhà Hán (nước Tàu) khi vào Quan-trung đầu tiên đã ước-pháp tam-chương, mà dân tín-phục, chỉ có tam-chương mà hầu gần tóm được hết luật-ý thời nay : *sát-nhân* tức là tội phạm về thân-thể người ; *đạo* tức là tội phạm về tài-sản ; còn *thương-nhân*, là gồm tất cả các tội phạm khác về thân-thể người, mà nói rộng ra thì cũng gồm cả tội lỗi khác hại về danh-giá, tài-sản của người. Lại như đức Gia-Long về quốc-triều ta, khi đã hợp-đồng nam-bắc, thống-nhất sơn-hà, cũng tức thì giáng-chiếu sai các quan san-định lại luật-lệ qui-tắc cũ, làm thành bộ luật thi-hành cho cả toàn-quốc cho đến ngày nay. Bộ luật Gia-Long là một bộ luật rất tinh-tường, chia tội-phạm có phân-biệt, định hình-phạt có sai-cấp, khi trước đủ thi-hành cho quốc-dân chỉ chuyên về nghề canh-nông, nhưng bây giờ cứ nguyên như cũ mà thi-hành thì không hợp : Một là bộ luật Gia-Long chỗ nào cũng thi hình-phạt, tức là luật Hình, quốc-triều định ra như thế không phải có ý ghét gì dân đâu, song chỉ lấy lẽ « xuất-hình-nhập-giáo » cốt để giữ dân lánh khỏi điều tội-ác, làm điều lương-thiện mà thôi. Hai là bộ luật ấy nhiều chỗ khuyết-điểm về đường dân-sự, trong luật phần nhiều chỉ định sự giao-tế của dân đối với chánh-phủ, ít chỗ định về sự giao-tế của dân đối với dân, nhất là như thời bây giờ vì sự tiến-hóa, nước nào cũng phải bảo-trọng dân-quyền ; huống-chi ngày nay nhờ có cách-trí hóa-học, đường kinh-tế mỗi ngày một thêm rộng, thì đường giao-tế cũng phải mở rộng, phải định rõ quyền-lợi, nghĩa-vụ

của mọi người. Về hai phương-diện ấy luật cũ nguyên thi-hành ở Bắc-kỳ là xứ đã quá thời-kỳ bán-khai cần phải san-định lại cho hợp với phong-trào thời nay. Bây giờ chả riêng gì một xứ ta nên sửa lại pháp-luật, cả thế-giới đều thế. Khi trước các nước làm luật thì trong gia-tộc ngoài làng nước, toàn lấy hình-phạt mà bắt tội người ta, bây giờ theo lẽ văn-minh, phần nhiều thiên-trọng về đường tự-do của nhất-cá-nhân, có khi cùng một tội-phạm khi trước trừng-trị theo hình-sự, bây giờ trừng-trị theo dân-sự mà thôi. Gia-dĩ về đường vật-chất vì sự chế-tạo sự phát-minh, làm đổi cả cách thương-mại, kỹ-nghệ, làm thay cả sự giao-tế trong nhân-quần, mà cũng vì các sự ấy sinh ra nhiều tội-phạm mới, phải thêm hình-phạt mới. Nhưng đường vật-chất tiến, đường tinh-thần cũng tiến, cách luận-tội bây giờ cũng nhiều chỗ khác cách luận-tội khi trước ; các nhà làm luật khi trước muốn hành-tội một cách thảm-hại, bây giờ có ý khoan-thứ ; ngày trước muốn làm cho thực sợ-hãi, bây giờ có ý trừng-giới ; ngày trước bắt tội kẻ phạm bắt tội lây cả đến người đồng-tôn, bây giờ có ý chỉ bắt ai làm nấy chịu ; ngày trước hay bắt tội về thân-thể, bây giờ có thứ hình-phạt chỉ làm mất danh-giá ; ngày trước muốn làm cho người phạm thành người bỏ đi, bây giờ có ý rèn lại người phạm khiến cho tự biết tỉnh-ngộ. Ấy hai cái tôn-chỉ làm luật xưa nay khác nhau như thế, cho nên dù ít dù nhiều, nước nào cũng phải theo trình-độ tiến-hóa, nhất-quyết làm sự cải-lương. Kìa như Nhật-bản phải mời luật-sư bên Pháp sang nghiên-cứu kể quá mười năm, mới làm thành bộ luật bây giờ. Lại như nước Tàu là nước ngày trước chỉ biết tự-tôn tự-phụ, thế mà nay cũng phải mời luật-sư Thái-tây về nghiên-cứu làm lại tất cả các pho luật cũ, các nước nhiệt-thành như thế, nay nước ta có làm như họ cũng là hợp-thời. Nhà-nước Đại-pháp từ lúc sang Bảo-hộ, sau khi lo việc dẹp yên, thì có định nhiều chương-trình cải-lương, mà chương-trình cải-lương pháp-luật khởi-thảo đã lâu, nhưng từ khi Kim-thượng lên ngôi đến giờ mới là thực-hành. Vì Kim-thượng là đấng anh-quân, thâm-hiểu thời-thế, phàm việc gì liệu có ích cho quốc-dân, thì nhất-quyết làm ngay, cứ xem bài diễn-thuyết của Kim-thượng ở toà Thượng-thẩm Hà-nội (1918, khi ngự-giá Bắc-tuần) nói nên phân-biệt các quyền hành-chánh và tư-pháp (séparation des pouvoirs Administratif et Judiciaire) thì đủ biết Kim-thượng nhiều tư-thường mới. — Về sự cải-lương nam-luật nam-án ở Bắc-kỳ, thì khi nhà-nước mới sang bảo-hộ thấy hiến-pháp bên này đã có nề-nếp vững-vàng, trước chỉ thay đổi ít nhiều về hình-thức, nghĩa là về cách-thức thẩm-án, về quan-chức phải kiểm án : Từ khi bãi nha Kinh-lược (năm 1897) đến năm 1901 phàm các án của những toà nam-án xử đều giao cho hội-đồng tái-thẩm (commission de revision) duyệt-trình quan Thống-sứ Bắc-kỳ. Từ năm 1901 trở đi có sắc-lệnh đặt ra hội-đồng thượng-thẩm (Commission d'appel) cách tổ-chức thì có 3 quan Đại-pháp thẩm-nghị ở toà Thượng-thẩm và 2 nam-quan, hội-đồng ấy chuyên xét lại về các việc án của quốc-dân An-nam ở Bắc-kỳ. Đến năm 1905 có sắc-lệnh đặt ra phòng thứ 4 thuộc hẳn về tòa Thượng-thẩm Đông-Pháp, cách tổ-chức cũng giống như hội-đồng Thượng-thẩm, song thủ-tục kiêm-bị hơn. Cùng năm 1905 lại

có sắc-lệnh bãi bỏ tất cả các cách nhục-hình cũ, như suy, trượng, giảo, lăng-trì, v. v.. mà thay hình-phạt mới như hình xử-tử tức thời, khổ-sai, phạt giam, phạt-bạc v. v. Chánh-phủ thử bước mấy bước đầu tiên vào con đường cải-lương như thế, thấy dân đẹp lòng bền vững chân bạo bước đi luôn. Bởi vậy năm 1913, quan nguyên Toàn-quyền SARRAUT sức san-định lại tất cả luật cũ Bắc-kỳ, đến năm 1917, Kim-thượng giáng-chỉ ban-hành các luật san-định lại ấy là: 1° luật Pháp-viện-biên chế ; 2° luật Dân-sự thương-sự-tố-tụng ; 3° luật Hình-sự-tố-tụng ; 4° luật Hình. Bốn quyền luật ấy đem thi-hành ra trong mấy năm thấy kết-quả một cách rất hiệu-nghiệm, đối với pháp-viện thấy làm mau việc mà giản, đối với nhân-dân thấy được xử-đoán thoả-đáng hơn xưa. Vì vậy đến nay quan Toàn-quyền LONG đồng ý với Nam-triều, nhất-định làm cho bộ luật Bắc-kỳ được hoàn-hảo, đặt hội-đồng giao cho đính-chính, tăng-bổ tất cả luật cũ. Hội-đồng làm luật ấy vừa có quan Đại-Pháp vừa có quan An-nam, theo đuổi làm mấy năm nay, đến năm ngoái mới làm xong, cả thảy được năm quyền luật: — 1o Dân luật (quyền thứ nhất) (Code Civil livre 1er), đã do nghị-định ngày mồng 9 tháng 11 tây, năm 1921, tuyên-bố thí-nghiệm trong tỉnh Hà-đông, rồi sau dần dần trong 5 năm sẽ thi-hành cả toàn-kỳ. — 2o Luật Pháp-viện-biên-chế (Code d'organisation des juridictions Annamites). — 3o Luật Dân-sự thương-sự tố-tụng (Code de Procédure civile et commerciale). — 4o Luật Hình-sự-tố-tụng (Code de Procédure Pénale). — 5° Luật Hình (Code Pénal). Bốn quyền luật dưới đã do nghị-định ngày mồng 2 tháng 12 năm 1921 tuyên bố đến ngày 1er tháng 5 năm 1922 sẽ bắt đầu thi hành trong cả Bắc-kỳ. Trước khi lược-khảo đến các quyền luật ấy, tưởng nên nói qua về cái lý-do làm luật. Về bộ dân-luật, thì nhà làm luật bằng chiếu : 1° ở luật Gia-Long ; 2° ở phong-tục tập-quán bản-xứ ; 3° ở lẽ-nghi thái-độ của bản-quốc ; 4° về vấn-đề mới, thì chiếu luật Đại-Pháp, nhưng có châm-chước. — Về bộ dân-luật mới xong có quyền thứ nhất, định về người và tài-sản. Còn gia-tộc, hợp-đồng khế-ước thừa-kế v. v. cần phải nghiên-cứu và thí-nghiệm, rồi sẽ làm sau. Quyền dân-luật thứ nhất ấy, đã có M. T. T. lược-khảo đăng trong báo Thực-nghiệp ; lại có M. LÊ-VĂN-HIỀN giải-thích làm theo lối bài dạy học, đã in thành sách. — Nay Bản-chí chỉ lược-khảo về 4 quyền luật sau. Về các lý-do làm ra 4 quyền luật ấy thì 1° cốt-từ bằng chiếu ở luật Gia-Long, hình-thức thì chiếu ở luật Đại-Pháp, nhưng châm-chước lại một cách rất giản ; 2° gần đây từ khi thi-hành 4 quyền luật trước (16 tháng bẩy năm 1917) thì bằng chiếu ở các lời tư-bẩm hàng ngày của các quan coi việc nam-án ; hay là ý-kiến của các quan hành-chánh bày tỏ theo sự kinh-lịch ; các lời tư-bẩm ấy, các ý-kiến ấy làm ra thành sách, giao cho hội-đồng làm luật nghiên-cứu bàn bạc thật kỹ rồi tùy nghi theo đó mà làm thành ra các quyền luật ấy Ngoài 5 quyền luật nói ở trên, lại có hai bản Lệ-Phí - Giá-Mục, định về các tiền Lệ-phí dân-sự và hình-sự để sẽ thi-hành trong các toà nam-án Bắc-kỳ. — Bản-chí làm bài lược-khảo này, không dám gọi là một khoa chuyên-môn học luật, chỉ mong

rằng hiến các bạn đọc-báo một khoa phổ-thông học luật, vì thế nên không kiện nghĩa từng điều trong luật, chỉ nói lượt về luật-ý ; lại cũng không nói nhất-khái chỉ bàn đại-khái mà thôi. Mong rằng khoa này sẽ có ích cho các ngài ít nhiều, vì xem hết khoa này, rồi sau mở luật (code) ra mà xem thì đã có ý sẵn mà hiểu mau lắm. Các luật sẽ lược-khảo sau đây là luật Bắc-kỳ mà nói rằng có ích cả cho các bạn đọc-báo là sao ? là vì luật thời này của các nước văn-minh, đều là đại-đồng tiểu-dị, nghĩa là đại-ý luật của nước nào cũng thế, chỉ có khác nhau là như hình-phạt khác, thủ-tục riêng ; còn như cách thẩm-cứu, cách vậng-án v. v., thì nước nào hầu gần giống thế cả, cho nên hễ đã biết luật kim-thời thì có thể đi đâu làm quan thẩm-phán cũng được, bởi thế mới nói rằng khoa này cũng có thể ích cho cả bạn đọc báo như một khoa phổ-thông vậy. Nay xin dần dần lược-khảo các luật đã nói ở trên ra sau này :

. . .

PHÁP-VIỆN-BIÊN-CHẾ

Pháp-viện-biên-chế là luật định về cách tổ-chức các nha-môn tư-pháp ; luật ấy gồm có 37 điều chia làm 9 chương, trong bài lược-khảo này theo cách xếp-đặt riêng, chỉ chia làm có ba chương : 1° chương thứ nhất nói về cách tổ-chức các tòa sơ-cấp, đệ-nhị-cấp, đệ-tam-cấp ; 2° chương thứ hai nói về thẩm-quyền ; 3° chương thứ ba nói về lệ chấp-hành riêng.

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Nói về cách tổ-chức các tòa sơ-cấp đệ-nhị-cấp, đệ-tam-cấp.

Chương này nói riêng về cách tổ chức các tòa nam-án và những vấn-đề phụ-thuộc. Luật mới đặt ra ba cấp nha-môn cũng là mô-phỏng luật cũ (luật Gia-Long), vì khi trước phàm các việc án đều do quan Phủ quan Huyện sơ-thẩm ; rồi lên đến quan Án ; những việc trọng-hình thì phải đệ về Bộ phúc-thẩm. Bây giờ chia làm 3 cấp hoạch-định quyền-hạn rõ ràng hơn trước, khi trước từ việc trọng-tội đến việc tạp-tụng, nhất nhất đều giao quyền cho Phủ, Huyện xét xử rồi cùng việc ấy lại đem lên Tỉnh, cũng có khi lại phải đệ vào Bộ ; luật cũ định ra như thế là rất hay, mà thực-hành nhiều khi sinh ra lắm tệ-đoan. Bởi thế luật mới định lại một cách minh-bạch hơn : về hình-sự thường bao giờ cũng có hai cấp, việc sơ-cấp xử đem kháng-cáo lên đệ-nhị-cấp, việc đệ-nhị-cấp xử đem kháng-cáo lên đệ-tam-cấp ; về dân-sự thì ở Phủ, Huyện bao giờ cũng được quyền xử chung-thẩm, ở Tỉnh thì có việc chung-thẩm có việc chỉ sơ-thẩm. Luật mới định lại như thế là vừa giữ cho hết lẽ công-bằng, vừa giữ cho khỏi sự phiền-phí. Luật mới chia làm ba cấp : sơ-cấp thì vẫn như xưa, nghĩa là vẫn do quan-phủ quan-huyện quan-châu vừa làm chức hành-chánh vừa làm chức tư-pháp ; về hình-sự thì phủ, huyện bây giờ chỉ có quyền xử đến án vi-cảnh, nhưng về dân-sự thì lại có quyền được xử chung-thẩm. Đệ-nhị-cấp là thay vào Niết-ti khi trước, thì do Pháp-quan làm chức chánh-án, nam-quan làm chức bồi-thẩm ; sự đổi mới đó là bởi đương lúc giao-thời, vì luật mới nhiều chỗ theo luật Đại-Pháp, nên để Pháp-quan làm chủ-tọa là cốt giữ cho sự thi-hành pháp-luật được hoàn-bảo và để đỡ bớt cái

trách-nhiệm khó khăn cho nam-quan. Còn đệ-tam-cấp tức phòng thứ hai tòa Thượng-thẩm Hà-nội là tuân theo cách tổ-chức đã định ở trong các sắc-lệnh lập ra phòng ấy.

Tiết thứ I
Các tòa tư-pháp

Các tòa tư-pháp ở Bắc-kỳ chia làm 3 cấp:

1°) *Tòa sơ-cấp*, do quan phủ, quan huyện hoặc quan châu đầu trong địa-hạt làm chức đơn-độc thẩm-phán. Nếu địa-hạt là sở-tại tòa án tỉnh, thì có thể chọn một quan trợ-thẩm kiêm làm chức sơ-cấp thẩm-phán.

Phiên tòa. — Về tòa sơ-cấp, thì trong mỗi một tuần-lễ, ít ra phải mở hai phiên tòa công; gặp khi nhiều việc, thì có thể xử kiện hằng ngày, mỗi ngày hai buổi, dù là ngày chủ-nhật hay là ngày lễ cũng được; vả quan thẩm-phán sơ-cấp lại có thể nhân ngày phiên chợ hay là bất-cứ ngày nào, thân-hành đến nơi xa cách bản-nha, chiếu kỳ mở phiên tòa công để người sở-thuộc đến thưa cho tiện (điều 12 Pháp-viện-biên-chế).

Quản-hạt. — Quản-hạt tòa sơ-cấp là gồm tất cả tổng xã trong bản-phủ, bản-huyện, bản-châu, theo giới-hạn hành-chánh. Nếu cần phải thay đổi quản-hạt, thì sẽ do quan Toàn-quyền chiếu đồng-ý quan Thống-sứ và quan Nam-án thủ-hiến Bắc-kỳ mà nghị-định. Vả thuộc về mấy châu miền thượng-du, quan Toàn-quyền lại có thể chiếu đồng-ý cùng các quan thủ-hiến ấy mà làm nghị-định riêng để mở rộng hay là thay đổi chức-quyền và thẩm-quyền quan thẩm-phán sơ-cấp (vì thế nên có mấy quan châu có thể vừa làm chức thẩm-phán sơ-cấp, lại vừa làm chức bồi-thẩm đệ-nhị-cấp).

2°) *Toà đệ-nhị-cấp* (nhất-danh là tòa án tỉnh) do quan Chánh-công-sứ bản-tỉnh làm chức chánh-án, và do một nam-quan cao chức nhất trong hàng tỉnh làm chức bồi-thẩm. Nếu quan chánh-án bận việc, thì có thể do quan Phó-sứ hoặc do một quan tư-pháp sung làm chánh-án. Vả quan bồi-thẩm An-nam bận việc, thì cũng có thể do quan Thống-sứ trình quan Toàn-quyền xin bổ một quan trợ-thẩm thay làm bồi-thẩm. Vậy thời ở toà án tỉnh thông-thường chỉ có hai chức thẩm-phán: quan chánh-án Đại-Pháp và quan bồi-thẩm An-nam; trừ ra ở các tỉnh lớn, sẽ đặt thêm một Nam-quan ngang hàm án-sát trở lên để giúp quan chánh-án giữ chức dự-thẩm về hình-sự, hay là giữ chức điều-tra về dân-sự.

Phiên tòa. — Luật không định rõ rằng mỗi tuần lễ tòa đệ-nhị-cấp phải mấy lần mở phiên tòa công; bởi vậy tùy quan chánh-án đệ-nhị-cấp được tự định lấy, song ít nhất trong một tuần lễ cũng phải có một phiên tòa, vì rằng cứ như sau này sẽ nói, thì mỗi tuần lễ phải gửi lên quan Nam-án-thủ-hiến một bản trích-lục sổ phiên tòa thuộc về hình-sự.

Quản-hạt — Quản-hạt tòa án tỉnh sẽ do quan Toàn-quyền chiếu lời trình của quan Thống-sứ Bắc-kỳ và quan Đông-Pháp tư-pháp-tổng-trưởng mà định.

3°) *Toà đệ-nhị-cấp*, tức là phòng thứ hai tòa Thượng-thẩm Hà-nội (nhất-danh là viện kháng-tố), có 3 quan thẩm-nghị (conseilleur) Đại-Pháp và hai Nam-quan; hiện bây giờ tòa ấy có chia làm hai ban.

Phiên tòa. — Vì tòa đệ-tam-cấp là phòng thứ hai tòa Thượng-thẩm Hà-nội, cho nên đều thông-dụng thủ-tục của tòa án Đại-Pháp, nghĩa là hầu gần có đủ cả các cơ-quan, mà mỗi cơ-quan đều có chức-vụ nhất-định. Thí-dụ như cách bài-bố phiên tòa thì các quan nghị-thẩm ngồi giữa, khi nói cứ ngồi mà nói; bên tả là lục-sự; bên hữu là

chưởng-lý, chưởng-lý khi nói phải đứng mà nói ; ở dưới tụng-đình là để làm chỗ đứng nói cho các người đương sự; sau các người đương-sự là các viên biện-hộ trạng-sư ; ngoài cùng là chỗ công-chúng đến bàng-thính. Các viên-chức trong tòa đệ-tam-cấp khi ra phiên tòa đều mặc chế-phục riêng ; mấy cái ninh-thức đó khác hẳn với sơ-cấp đệ-nhị-cấp.

Quản-hạt. — Quản-hạt tòa đệ-tam-cấp là gồm hết các tỉnh hạt (trừ ra mấy nơi nhượng-địa Đại-Pháp) trong xứ Bắc-kỳ, và chỉ chuyên coi về việc nam-án Bắc-kỳ mà thôi.

Tiết thứ II

Các chức thẩm-phán

Chức thẩm-phán (*juge*) là một chức chuyên về việc án; có khi cũng gọi là chức tư-pháp (*magistrat*), nhưng chữ tư-pháp chỉ nghĩa rộng, vì gồm tất cả các viên-chức chuyên việc tư-pháp. Nhân giải nghĩa chữ thẩm-phán, tưởng nên nói thêm về mấy điều cốt-yếu trong việc tư-pháp : 1° là sự phân-biệt quyền hành-chánh và quyền tư-pháp; về sự ấy, đức Hoàng-thượng đã nói ra từ năm 1918 (như trên đã nói), song chưa thực-hành được, vì còn thiếu người. 2° là trong các viên-chức tư-pháp nên chia ra chức thẩm-phán và chức chưởng-lý; chức chưởng-lý thì thay mặt xã-hội, trông nom về sự thi-hành pháp-luật, truy-sách tầm-nã kẻ phạm đến trước công-môn để quan thẩm-phán kết-nghĩ. Nhưng chức chưởng-lý được tự-ý khởi sự công-tố, còn chức thẩm-phán thì phải thụ-lý (nghĩa là phải có chức chưởng-lý yêu-sách hay là người đương-sự đến kiện) mới được khởi-phán. Thí-dụ : như có sẩy ra một việc phạm-pháp, thì khi chức chưởng-lý đã biết, phải đốc-sức để thẩm-cứu cho phát-minh ra sự thực, nhiên-hậu mới giao việc án cho chức thẩm-phán ; kịp khi việc án đã đem ra trước phiên toà, thì chức chưởng-lý kể tội-trạng rồi xin chức thẩm-phán kết án; chức chưởng-lý buộc tội rồi thì biện-hộ trạng-sư viện lẽ cãi lại. Chức thẩm-phán nghe một đằng buộc tội một đằng gỡ tội sẽ xét lý thẩm tình mà chiếu luật khép tội. Về việc nam-án thì thủ-tục ấy mới thi-hành ở trước đệ-tam-cấp mà thôi.

Cách lựa bổ các chức thẩm-phán

Sơ cấp. — Chức thẩm-phán sơ-cấp thì hoặc giao ngay quan hành-chánh đầu trong địa-hạt (quan phủ quan huyện, quan châu) kiêm-nhiệm; hoặc bổ riêng một quan thẩm-phán chuyên-nhiệm riêng về địa-hạt sở-tại tòa án tỉnh, có thể giao luôn cho quan trợ-thẩm trong tòa án ấy kiêm làm, về cách lựa bổ thì do quan Thống-sứ Bắc-kỳ chiếu đồng ý quan Nam-án thủ-hiến, mà nghị-định.

Đệ nhị cấp. — Chức chánh-án thì thông-thường do quan Chánh-công-sứ bản-tỉnh kiêm làm, khi nào quan Chánh-công-sứ tạm-thời bận việc, thì do quan Phó-công-sứ sung làm ; hay là do một quan tư-pháp của viện Đông-Pháp tư-pháp tạm ủy sung vào chức ấy. Chức bồi-thẩm tức là chức thẩm-phán An-nam thì do quan cao chức nhất trong hàng tỉnh sung làm ; nếu không thì do quan Thống-sứ trình quan Toàn-quyền xin bổ một quan trợ-thẩm, nhất-danh là quan thẩm-phán dự-khuyết (juge suppléant).

Đệ-tam-cấp. — Các chức thẩm-nghị Đại-Pháp (conseillers) ở đệ-tam-cấp thì đều theo kỷ-luật Đại-Pháp như các chức thẩm-nghị khác ở tòa Thượng-thẩm, nghĩa là do sắc-lệnh quan Giám-quốc Đại-Pháp bổ-nhiệm, và thuộc quyền quan chánh toà Thượng-thẩm. Các chức thẩm-nghị Annam thì do Triều-đình Annam Khâm-sai, giao quan Toàn-quyền chọn bổ.

Tiết thứ III

Các chức chưởng-lý

(Ministère public)

Chưởng-lý là chức gì, và tổ-chức thế nào, thì tiết trên đã nói; lại có nói rằng ở sơ-cấp, đệ-nhị-cấp chưa đặt chức chưởng-lý; song cứ xem như luật Hình-sự-tố-tụng nói rằng quan chánh-án đệ-nhị-cấp có quyền trông nom tất cả các quan thẩm-phán trong hàng tỉnh và đốc-biện việc thẩm-cứu về hình-sự, thì tức luật Đại-Pháp cho là làm chức chưởng-lý vậy. Kỳ-thực chỉ ở toà đệ-tam-cấp ở Hà-nội mới có chức chưởng-lý. Chức chưởng-lý ở toà ấy tức là quan Chưởng-lý (Procureur Général) hay là quan Tá-lý (Substitut du Procureur Général). Chức chưởng-lý, đối với toà đệ-tam-cấp, có quyền được yêu-sách (réquisitions) hoặc kết-luận (conclusions) về tất cả các việc nam-án; đại-khái chức chưởng-lý được thay xã-hội, hoặc thay pháp-luật mà làm việc kháng-cáo án sơ-thẩm, thu-hồi nguyên-án, thủ-tiêu nguyên-án; đề-khởi các việc tái-thẩm, phục-quyền (các chữ này để sau nói đến luật Dân-sự thương-sự-tố-tụng, luật Hình-sự tố-tụng, sẽ giải nghĩa) cũng là thuộc về khi trừng-trị các quan thẩm-phán An-nam phạm tội. Chức chưởng-lý lại giám-thị về cách trị-sự trong các tòa nam-án; muốn đạt sự hành-vi ấy, các tòa sơ-cấp, đệ-nhị-cấp phải chiếu kỳ trích-lục các hạ dùng về việc nam-án, như sổ thu-đơn, sổ phiên-tòa, đệ-trình lên quan Chưởng-lý. Luật định ra như thế là sở-dĩ để cho chức Chưởng-lý biết rõ được công-việc của mọi viên-chức làm, và pháp-luật thi-hành có đúng hay không. Các việc kể ở trên này sau nói đến luật Dân-sự-tố-tụng luật Hình-sự-tố-tụng sẽ nói tường.

Tiết thứ IV

Các viên bổ-trợ

Các viên bổ-trợ thì hoặc do quan-chức có quyền bổ-nhiệm hoặc do pháp-luật định ra để giúp về việc nam-án.

Lục-sự. — Trước hết nên kể các viên lục-sự. Điều thứ 3 trong Pháp-viện biên-chế định rằng: « Các viên lục-sự tòa sơ-cấp thì do quan Thống-sứ Bắc-kỳ lựa bổ từng người. » Điều thứ 12 P. V. B. C. cũng nói: « Các viên lục-sự tòa-án tỉnh do quan Thống-sứ lựa-bổ từng người » Vậy thì ở sơ-cấp cũng như ở đệ-nhị-cấp, đều có lục-sự. Luật không định rõ mỗi cấp phải đặt mấy viên, song về sơ-cấp chỉ một viên lục-sự cũng làm đủ công việc. Về đệ-nhị-cấp thì trong các tỉnh lớn, phải nên có hai viên lục-sự, một viên chuyên về dân-sự thương-sự, một viên chuyên về hình-sự. Thuộc về dân-sự, thương-sự, thì chức-vụ các viên lục-sự là phải vào sổ các đơn kiện đệ đến bản-nha, giúp-đỡ toà án trong khi phiên toà, ký tên vào các án-văn cùng với quan chánh-thẩm-phán, vào sổ các sự kháng-cáo, kháng-án, thủ-tiêu-nguyên-án, thu-hồi nguyên-án, trích-lục về các việc ấy để đính vào các bút-lục, trích-lục các thứ sổ về việc nam-án để hằng kỳ đệ lên quan Nam-án-thủ-hiến, và đại-khái kiêm cả các việc giấy-má trong việc tư-pháp. Thuộc về hình-sự, thì các viên lục-sự cũng phải làm cả các việc nói ở trên; song không những giúp-việc toà-án thẩm-phán về hình-sự, mà lại giúp-việc cả quan thẩm-cứu trong thủ-tục thẩm-cứu nữa. Các viên lục-sự tự mình làm cả bấy nhiêu công việc thì thường có khi không đủ thì giờ, cho nên khi có cần cũng có thể được thêm người giúp việc, gọi là trợ-biện-lục-sự. (Commis-greffier).

Thông-dịch.— Vì trong các quan coi việc Nam-án, (trừ ở sơ-cấp không kể) vừa có Pháp-quan vừa có Nam-quan, cho nên nhiều khi cần phải có viên thông-dịch: về ngạch thông-dịch, giúp việc Nam-án, luật không minh-định, là ý để do quan quản-hạt tùy-nghi bổ-dụng.

Thừa-phát-lại (huissier). — Các việc thừa-phát-lại tuy không trực-tiếp làm việc ở toà-án, song vì chức-vụ các viên ấy liên-thuộc với việc tư-pháp một cách rất mật-thiết, cho nên có thể cho vào ngạch bổ-trợ của các nha-môn.

Các chức-dịch khác. — Điều 16 Ph. V. B. ch. định rằng: « Phàm những ty-thuộc các công-nha An-nam không khi nào và vì lẽ gì mà được sung làm chức bổ-trợ hay là chức-dịch gì khác trong các toà-án, trừ khi nào quan Thống-sứ có lựa-bổ rõ ràng thì không kể ». — Nguyên khi trước các quan tỉnh, phủ, huyện, làm chức vụ hành-chánh và tư-pháp, không có phân-biệt, nên trong các ty-thuộc công-nha thường không chia rõ viên nào làm việc chánh, viên nào làm việc án; bây giờ đã chia rõ chức-vụ hành-chánh khác hẳn với chức-vụ tư-pháp thì phàm thuộc về việc án bất-cứ là viên ty-thuộc nào cũng phải có nghị-định quan Thống-sứ, mới được sung làm chức bổ-trợ trong các nha-môn tư-pháp.

TIẾT THỨ V

Quan-kỷ

Các quan làm việc tư-pháp, dẫu nguyên là ngạch hành-chánh, cũng thuộc về quyền quản-đốc của quan Nam-án thủ-hiến. Điều 17 Ph. V. B. Ch. nói: « Quan Nam-án thủ-hiến quản-đốc tất cả các quan thẩm-phán, quan bồi-thẩm, viên lục-sự và các viên phụ thuộc trong các tòa nam-án Bắc-kỳ. — Qaun Nam-án thủ-hiến có quyền chiếu lời trình của quan Viện-trưởng và quan Trưởng-lý tòa Thượng-Thẩm mà răn bảo và cáo-giới những viên-chức nào sai nhẫng phận-sự của mình, và có thể tùy theo kỷ-luật của mọi hàng viên-chức mà xin nghĩ-phạt». Vậy thì quan Nam-án thủ-hiến có thể trực-tiếp răn bảo và cáo-giới những viên-chức có lỗi; còn muốn thi các khoản phạt khác thì điều 18 nói rằng « Nếu người nào đã bị răn-bảo và cáo-giới mà vô-hiệu hay là sự can-cữu có thể hại đến phẩm cách nhà tư-pháp thì quan Nam-án thủ-hiến sẽ xin chiếu theo qui-luật Nam-quan mà trường-phạt ». Các khoản-phạt nói đây là các khoản phạt thuộc về quan-kỷ, mỗi ngạch một khác, nên luật không nói rõ; (nhưng không nên lẫn khoản phạt trong quan-kỷ với hình-phạt trong luật Hình. Khoản-phạt quan-kỷ là riêng cho từng ngạch mà chỉ đến cách-chức là cùng; còn hình-phạt về luật Hình là chung cho cả các người cùng thụ-trị theo một pháp-luật, mà có thể làm tội tới thân-thể người phạm). Thuộc về các viên thừa-phát lại, thì do quan nam-án thủ-hiến nghĩ-định quan-kỷ đối với các viên-chức ấy, quan thủ-hiến có thể trực-tiếp răn-bảo và khi có cần lại có thể xin cách-chức. Các chức-dịch An-nam kiêm làm thừa-phát-lại, cũng thuộc về quyền quan Nam-án thủ-hiến; đối với các chức-dịch ấy, quan thủ-hiến cũng có thể xin nghĩ-phạt như đối với các thừa-phát-lại vậy.

TIẾT THỨ VI

Hồi-tị và cáo-tị

Bất-cứ thuộc về án-vụ nào, quan thẩm-phán An-nam cũng có thể tư xin hồi-tị hay là bị người đương-sự cáo-tị (điều thứ 23 Pháp-viện biên-chế).

Giải nghĩa. — Hồi-tị và cáo-tị là hai cái thủ-tục đặc-biệt: Khi nào vì duyên-cớ sẽ kể sau này, quan thẩm-phán liệu định không nên đứng phân-xử một việc kiện nào của bản-nha đã thụ-lý, mà tự-ý trình ra sự ấy thì gọi là xin hồi-tị,

nghĩa là xin lánh không xử. — Khi nào vì duyên-cớ sẽ kể sau này, người đương-sự xin không để cho quan thẩm-phán đã thụ-lý đứng phân-xử về việc kiện quan-hệ đến mình, thì gọi là xin cáo-tị quan thẩm-phán.

Luật nói : « *bất-cứ thuộc về án-vụ nào* », nghĩa là về hình-sự cũng như về dân-sự thương-sự ; « *quan thẩm-phán* » phải định nghĩa rộng, vừa là quan thẩm-phán chuyên-trách, vừa là quan thẩm-phán dự-khuyết (trợ-thẩm) vừa là quan bồi-thẩm, vừa là quan thẩm-cứu ; « *người đương-sự* » thì không cứ là chính bên nguyên chính bên bị hay là người bị đòi ra dự-sự, tự ra can-thiệp, song cái duyên-cớ viện-dẫn phải quan-thiết đến mình thì xin cáo-tị mới có hiệu.

Duyên-cớ. — Luật hạn-định những duyên-cớ sau này :

1° Hoặc là quan thẩm-phán đối với bên nguyên hay là bên bị là vai họ nội từ hàng anh em con-chú con-bác trở lại, hay là vai họ ngoại từ hàng cậu hàng cháu trở lại. Luật định thế là để khỏi vị tình họ-hàng, song chớ nên hiểu rộng quá, vì chữ *trở lại* nghĩa là ngoài ra không kể.

2° Hoặc là quan thẩm-phán đối với người đương-sự, trước đã có hay là hiện đương có việc kiện, mà thuộc về việc kiện ấy thì án nhất-định (nghĩa là hết hạn chống án) kết chưa quá một năm.

3° Hoặc là quan thẩm-phán đối với việc kiện đương thưa ở tòa có lợi-quyền gì hiện có can-thiệp đến mình ; vì không có lẽ mình lại phân-xử lấy lợi-quyền cho mình.

Thủ-tục. — I Thủ-tục thông-dụng cho quan thẩm-phán An-nam.

1° — *Về việc hồi-tị.*

a) *Hình-thức.* — Phàm quan thẩm-phán muốn xin hồi-tị phải làm tờ trình nói rõ lý-do ; nếu quan xin hồi-tị là quan sơ-cấp, thì đệ tờ trình lên quan chánh-án đệ-nhị-cấp, để quan ấy chuyển trình lên quan chánh-án đệ-tam-cấp ; nếu là quan đệ-nhị-cấp, thì đệ tờ trình lên quan chánh-án tòa ấy, để chuyển-trình lên quan chánh-án đệ-tam-cấp ; nếu là quan đệ-tam-cấp, thì đệ tờ trình lên quan chánh-án tòa ấy.

b) *Kỳ-hạn.* — Tờ trình xin cáo-tị phải làm trước khi chưa bắt đầu công-phán thuộc về tình-lý việc kiện, nghĩa là trước khi chưa bắt đầu xét đến công-việc tranh kiện.

c) *Thẩm-phán.* — Quan chánh đệ-tam-cấp tiếp tờ trình sẽ sức biện-minh các lẽ rồi họp tòa ấy để quyết-nghị trong phòng nghị-sự. Quyết-nghị thế nào sẽ thông-đạt cho quan xin hồi-tị biết. Nếu tòa đệ-tam-cấp chuẩn đơn hồi-tị, thì quan-chức xin hồi-tị sẽ không được xét-xử về việc xin hồi-tị ; về việc ấy sẽ do quan khác đứng xử thay. Nếu tòa đệ-tam-cấp bác đơn xin cáo-tị, thì quan-chức xin hồi-tị phải cứ giữ quyền phân-xử như thường.

2° — *Về việc cáo-tị.*

a) *Hình thức.* — Phàm người đương-sự muốn xin cáo-tị phải làm đơn theo cách-thức làm đơn khởi kiện theo điều thứ 2 luận Dân-sự Thương-sự-tố-tụng, trong đơn phải nói rõ duyên-cớ xin cáo tị ; phải đính theo giấy-má làm chứng-cứ. Nếu cáo-tị quan sơ-cấp thì đầu-đơn lên quan chánh-án đệ-nhị-cấp ; nếu cáo-tị quan đệ-nhị-cấp hay là đệ-tam-cấp, thì đều đầu-đơn lên quan chánh-án đệ-tam-cấp.

b) *Kỳ-hạn.* — Người xin cáo-tị phải đệ đơn chậm nhất là sau khi giải-hòa mà giải-hòa không thành hay là trước khi tòa-án chưa bắt đầu công-phán thuộc về tình-lý việc kiện.

C) *Thẩm-phán.* — Cáo-tị quan sơ-cấp thì thuộc về tòa đệ-nhị-cấp thẩm-phán; trước hết quan chánh-án tòa ấy thông-tri cho quan bị cáo-tị để quan ấy thuyết-minh, rồi tòa đệ-nhị-cấp sẽ chung-thẩm về sự cáo-tị.

Cáo-tị quan đệ-nhị-cấp hay là đệ-tam-cấp thì thuộc về tòa đệ-tam-cấp thẩm-phán : trước hết quan chánh-án tòa ấy thông-tri cho quan bị cáo-tị biết rồi tòa đệ-tam-cấp (nếu là quan thẩm-phán An-nam đệ-tam-cấp bị cáo-tị, thì phải chọn một quan thẩm-phán An-nam ở ban khác hoặc một quan trợ-thẩm để làm bồi-thẩm) sẽ chung-thẩm về sự cáo-tị.

Nếu đơn cáo-tị bị bác, thì người xin cáo-tị phải phạt bạc: cáo-tị quan sơ-cấp thì phạt 5 $, cáo-tị quan đệ-nhị-cấp thì phạt 10 $, cáo-tị quan đệ-tam-cấp thì phạt 20 $; ngoài sự phạt bạc tòa án lại có thể xử người xin cáo-tị phải bồi-thường.... Nếu đơn cáo-tị được chuẩn, thì quan bị cáo-tị sẽ do quan thẩm-phán khác tạm thay.

II. Thủ-tục thông-dụng cho quan thẩm-phán Đại-Pháp

Nếu quan xin hồi-tị hay là bị cáo-tị chính là quan hành-chính, hoặc quan tư-pháp Đại-Pháp sung làm chức chánh án đệ-nhị-cấp, thì do toà đệ-tam-cấp đứng xử, không có quan An-nam bồi-phẩm ; khi ấy toà đệ-tam-cấp sẽ cử một quan thẩm-nghị Đại-Pháp thay quan An-nam và chiếu thủ-tục thông-dụng cho quan thẩm-phán An-nam mà xử.

Nếu quan xin hồi-tị hay là bị cáo-tị chính là quan thẩm-phán Đại-Pháp ở đệ-tam-cấp, thì sẽ chiếu theo thể-lệ luật Đại-Pháp.

H. T.

(*Còn nữa*)

Cách ngôn

Cái nghĩa-vụ thứ nhất của thần-dân đối với nước, là cốt phải tuân-thủ pháp-luật. Pháp-luật đặt ra là lấy cái quyền-lực công-chính vô-tư, để hạn-chế bụng tư-dục của người ta và giữ gìn sự ích-lợi cho công-chúng : trừng-phạt kẻ gian-ác là để che chở cho người lương-thiện, và giữ sự trị-an cho nhà-nước. Thế cho nên làm kẻ thần-dân trong một nước phải nên phục-tùng pháp-luật, mà trước nhất là phải nên hiểu pháp-luật.

VĂN-HỌC-SỬ NƯỚC TÀU (1)

II

THIÊN THỨ II

Thời-đại từ-thắng

Lời tổng-thuật. — Từ đời nhà Hán, các nhà từ-phú thịnh lên, biết bao nhiêu người danh-nho tuấn-tài trước sau đua nhau, mãi đến đời nhà Đường hơn một nghìn năm, đại-đề chỉ chuộng văn-từ, cho nên gọi là thời-đại từ-thắng, nguyên-nhân bởi như sau này :

Một là quan-hệ về học-thuật :

A) *Sùng-thượng kinh-học.* — Từ khi đức Khổng phu-tử tu-đính sáu kinh, các học trò đều đem cái học-thuyết của thầy truyền cho lại truyền-thụ lẫn cho nhau, từ bấy giờ kinh-học càng thịnh. Đến đời vua Võ-đế nhà Hán nghe lời Đổng Trọng-Thư, Vệ-Quán, ruồng bỏ cả trăm nhà, chỉ tôn-sùng một đạo Nho, nào là lập nhà Thái-học, đặt ra quan Bác-sĩ để dạy các đệ-tử sinh-viên, phong-khí đã khai dần, rồi đến đời Ngụy, đời Tấn, đời Nam-Bắc-triều, Tùy, Đường, phàm các học-sĩ đại-phu đều đua chuộng về lối học chương-cú huấn-hỗ và các danh-vật, ảnh hưởng nó lan ra, đến văn-học cũng chỉ sùng-thượng văn-từ, không đoái xét chi đến cái lẽ chất-thực nữa.

B) *Lối chữ viết phổ-thông.* — Đời Hán vốn còn đạo cổ, vẫn sùng-thượng tự-học, cho nên Tiêu-Hà làm luật có một điều định rằng : « Hễ kẻ học-đồng hay đọc được lối chữ *Lựu-thể* tự chín nghìn chữ trở lên, thời được làm quan sử » Vì thế những người văn-hào trong đời thường thường làm ra sách khảo chữ, Tư-Mã Tương-Như thời có thiên *Phàm-tương* 凡將 ; Dương-Hùng có thiên *Huấn-toản* 訓纂 ; mãi đến đời Lý-Đường vẫn còn lấy sách *Thuyết-văn*, sách Tự-lâm để thi hỏi học-trò về các lối chữ, tích-lũy lâu ngày, nên về sau lại càng thịnh mãi lên.

C) *Kẻ sĩ-phu sùng-hướng.* — Đời Hán-sơ còn chịu cái ảnh-hưởng của Khuất-Nguyên, Tống-Ngọc, hễ ai làm được lối văn Sở-từ, là bậc văn-nhân cực-phẩm, cho nên kẻ nho-sinh như là Giả-Nghị 賈誼, Đổng Trọng-Thư 董仲舒, kẻ từ-khách như là lũ Mai-Thừa 枚乘, Nghiêm-Kỵ 嚴忌, Tư-Mã Tương-Như 司馬相如, Chu Mãi-Thần 朱買臣, Mai-Cao 枚皋, Nghiêm-Trợ 嚴助, trong sách sử đều khen những người ấy có tài văn Sở-từ, cho nên trong đám sĩ-lâm tập-thành phong-thói, trải hơn nghìn năm vẫn không suy.

D) *Quân-chủ đề-xướng.* — Các vua đời Hán-sơ không chuộng văn-từ, song những các hàng phiên-vương như là Ngô vương Tị, Sở Nguyên-vương Giao, Lương Hoài-vương Ấp, Hiếu - vương Võ lại thích văn-từ lắm, mà hai vua nước Lương lại hết sức đề-xướng văn-học, cho nên những kẻ văn-sĩ như Giả-Nghị, Mai-Thừa, Nghiêm-kỵ, Tư-Mã Tương-Như đều là môn - hạ cả, đến khi vua Võ-đế lên ngôi, tính lại thích văn-từ, mà làm vua lại lâu năm, nên mới tập-thành ra phong-thói. Sau như các vua đời Ngụy đời Lương cũng tự mình xướng-suất mãi nghề văn-từ, đời vua Văn-hoàng lại càng thích từ-hoa lắm. Vì thế cái phong-

(1) Xem *Nam-Phong* từ kỳ 56. Dịch theo quyển Trung-quốc văn-học-sử của ông Vương Mộng Tăng 王夢曾

thói sùng-thượng từ-phú, liên-miên mãi trải đến hơn nghìn năm, nay chia ra bốn thời-kỳ như sau này :

1° Thời-kỳ thứ nhất : Lối văn từ-phú cực-thịnh. (Từ đời Hán-sơ đến đời vua Võ-đế).

2° Thời-kỳ thứ hai : Lối văn từ-phú biến ra lối biền-lệ (1). (Từ đời vua Hán Tuyên-đế đến cuối đời Tây-Tấu).

3° Thời-kỳ thứ ba : Lối văn biền-lệ thành-lập. (Từ đời Đông-Tấn đến đời Lương Trần).

4° Thời-kỳ thứ tư : Lối văn biền-lệ lại chuyển ra lối cổ-văn. (Từ đời Tùy đến đời Đường đời Ngũ-đại).

Chương-thứ III

Thời kỳ từ-phú cực-thịnh

Tiết thứ 15

Đại-khái văn-học đời Hán-sơ. — Nhà văn-học đời nhà Tần thời Lý-Tư là tay cự-phách. Tư là người nước Sở, cho nên văn-chương cũng chuộng từ-hoa, song cái thể-cách với khí-cốt hãy còn cái lối cũ như văn chư-tử bách-gia. Đời Hán-sơ mới yên việc binh-qua, khắp mọi nơi chia ra các nước phiên-bang, hình như cái cuộc chiến-quốc phân - tranh, vì thế kẻ văn-nhân thời ấy cũng còn theo cái thói đời nhà Tần, như là lũ Lịch Tự-Cơ 酈食其, Lý Tả-Xa 李左車, Khoái-Thông 蒯通, Vũ-Thiệp 武涉, Tùy-Hà 隨何, Lục-Giả 陸賈, thời vẫn căn-bản theo cái học-thuật tung - hoành của họ Tô họ Trương. Còn như Giả-Sơn 賈山, Giả-Nghị 賈誼, Triều-Thố 晁錯, thời cũng bắt chước họ Tuân, họ Mạnh, họ Tôn, họ Ngô, họ Quản, họ Yến, song vì thiên-hạ còn nhiều việc, nên chưa bàn đến việc văn-chương phong-nhã được.

Tiết thứ 16

Đời vua Văn vua Cảnh, lối văn từ-phú mới nổi lên. — Đời vua Văn vua Cảnh không chuộng lối văn từ-phú, mà từ-phú lại khởi-phát lên từ thời ấy. Sáng-thủy ra trước là tự Giả-Nghị. Nghị là người đất Lạc-dương, vì ở thời ấy bất-đắc-chí, nên có làm ra bài phú Tích-thệ 惜誓, bài Điếu Khuất-Nguyên 吊屈原, bài phú Phục-điểu 鵩鳥, đều bắt chước tự Khuất-Nguyên Tống-Ngọc. Phong-khí khai dần mãi ra, rồi đến ông Châu-Dương 鄒陽, Mai-Thừa, Hoài-nam Tiểu-sơn 淮南小山, Nghiêm-Kỵ nối theo, vẫn còn theo trong cái phạm-vi lối văn Ly-tao, như là bài *Mai-thúc-thất-phát* 枚叔七發 thời thoát-thai ở bài *Thiên - vấn thất-gián* 天問七諫; bài *Đối-Sở-vương-vấn* 對楚王問 thời làm biến-hóa ra cho kỳ-quái diễm-lệ, cái mành-mối lối văn từ-phú nhà Hán là phát-đoan ra từ đó.

Tiết thứ 17

Thời vua Hán Võ-đế lối văn từ-phú cực-thịnh. — Vua Võ-đế sùng-thượng văn - học, làm bài chiếu-lịnh nào ra cũng văn - hoa trang-sức quá hơn đời vua Cao-tổ, vua Văn vua Cảnh, cho nên những người tả-hữu cận-thần toàn là người văn-học cả. Khi ấy có Trang-Trợ 莊助 là tiến lên trước nhất, rồi đến Chu Mãi-Thần 朱買臣, Ngô Khâu-Thọ 吾邱壽. Lại có Tư-Mã Tương-Như 司馬相如 tên tự là Trường-khanh 長卿 người đất Thành-đô, khi vua Võ-đế mới lên ngôi, đọc bài phú *Tử-hư* 子虛 của Trường-khanh lấy làm hay, bèn sai tả-hữu vời đến, cho làm bài phú *Thiên-tử du-liệp* 天子遊獵, vua Võ-đế lấy làm thưởng-thức lắm. Rồi lại có lũ Đông - Phương-Sóc 東方朔, Mai-Cao, Chung-Quân

(1) Lối văn đặt đối nhau từng câu song-quan cách-cú.

終軍, mà Tương-Như thời đứng đầu, những bài phú *Thượng-lâm* 上林 *Tử-hư* 子虛 của ông dẫu nguồn gốc tự bài phú *Cao-đường* 高唐, song tứ-tảo khí-phách lại hơn. Thứ hai đến Sóc 朔 với Cao 皋, văn ông Sóc thời hơi tạp giọng khôi-hài, văn ông Cao cũng đồng-bệnh ấy, song có tài mẫn-tiệp. Văn ông Sóc thời có bài *Đáp-khách-nạn* 答客難 và bài luận *Phi-hữu-tiên-vương* rất hay, dẫu rằng khí-phách tứ-hoa không bằng ông Cao, song chính-đính hơn ông Cao. Ông Trường-Khanh thời hơn hết cả.

TIẾT THỨ 18

Cái trạng-huống văn luận-lý sau khi văn tứ-phú nổi lên. — Từ sau khi lối văn tứ-phú nổi lên, các nhà làm tản-văn, dẫu không được thịnh bằng lúc Hán-sơ, song các nhà đại-văn-gia xuất-hiện ở thời ấy cũng nhiều, như ông Đổng Trọng-Thư làm ra bài *Thiên nhân-tam-sách* 天人三策, đã bỏ cái lời cấp-thiết của ông Giả-Nghị, mà giọng văn đã hàm-dưỡng thung-dung, lý-luận rất là thuần-chính. Công-Tôn Hoằng 公孫弘 có bài *Hiền-lương đối-sách* 賢良對策, lời văn cũng ôn-hậu nho-nhã. Lại còn như Chủ-Phủ Yển 主父偃 có tờ thư can dừng đánh rợ Hung-nô, rõ rệt và nghìn lời nói, lời văn cũng sơ-khoáng khoái-hoạt. Từ-Nhạc 徐樂, Nghiêm-An 嚴安 có bài điều-trần thế-vụ, lời văn cũng chỉnh-khiết có phép. Còn như văn Tư-Mã Thiên 司馬遷 thời thực là hoành-tuyệt thiên-cổ, cũng xuất-hiện ra ở thời ấy. Thế thời trong hơn năm mươi năm đời vua Hán Vũ văn-học thực là thịnh đến cực-điểm.

TIẾT THỨ 19

Thể kỷ-truyện của nhà chép sử thành-lập. — Ông Thiên sinh ra ở đất Long-môn, cha tên là Đàm 談, năm đầu đời vua Võ-đế làm quan Thái-sử-lịnh đã có trước-thuật sử lịnh-đại, chửa xong mà mất. Thiên nối giữ chức của cha, bèn khởi-phát lập ra phàm-lệ, làm thành pho *đế-kỷ-liệt-truyện*. *Thế gia biểu-thư* một trăm ba mươi thiên, thực là một pho đại-trước-tác không-tiền tuyệt-hậu, mà thực là một ông tị-tổ về thể văn quốc-sử kỷ-truyện vậy. Song ông Thiên sở-trường không phải ở phàm-lệ mà cốt tại ở văn, cứ như lệ thời thể kỷ-truyện thế gia gốc tự kinh Thượng-thư Quốc-ngữ; thể biểu thời gốc tự thể Thế-bản, thể bát-thư thời gốc tự thiên Vũ-cống, thiên Chu-quan; ông Thiên chẳng qua nhặt lấy những điều sở-trường của người trước, hợp lại mà làm thành ra một pho sách, sở-dĩ nguy-nhiên làm tổ cả các nhà văn-gia, sử-gia trăm đời ấy là cốt tại ở văn khéo phô bầy sự-lý, biện-bác mà không văn-hoa, chất-thực mà không quê-mùa, không điều tốt nào là không nói đến, không điều thiện nào là không chép đủ, những các nhà cổ-văn về đời Đường đời Tống trở về sau, nếu bắt chước được một đôi chút-đỉnh, cũng đủ ngạo-nghễ một đời. Người ta khen ông Thiên hay nối được lối văn Tả-thị, thực là chí-đáng vậy.

TIẾT THỨ 20

Thơ ngũ-ngôn và lối nhạc-phủ mới xướng-khởi lên. — Đương thời ấy lại có lối thơ ngũ-ngôn và lối nhạc-phủ. Từ đời Hán mới chia ra *thơ* với *nhạc* khác nhau. Bài ca *Đại-phong* 大風 của vua Hán Cao-tổ, là còn thừa cái phong-khí cuối đời nhà Chu, vẫn còn là lối thơ thất-ngôn. Bài ca *phỏng-trung* của bà Đường-sơn phu-nhân, thời là nhân cái ảnh-hưởng tự bài Thành tướng của Tuân-khanh, vừa làm tam-ngôn tứ-ngôn lẫn lộn, đời Hán cho đó là lối *nhạc*. Bài ca *Hồng-hộc* 鴻鵠 của vua Cao-tổ, bài ca *Tử-chi* 紫芝 của ông Tứ-hiệu Thương-sơn, bài thơ phúng-gián của ông Vi-Mạnh, đều là tứ-ngôn, đời Hán bèn cho đó là lối *thơ*. Đến đời vua Văn vua Cảnh lối thơ ngũ-ngôn mới khởi-phát ra, xướng

khởi ra trước là tự Mai-Thừa, nay còn truyền cổ-thi 19 bài, như những bài: *Thanh-thanh hà-bạn thảo* 青青河畔草; *Tây bắc hữu cao lâu* 西北有高樓; *Thiệp giang thái phù-dung* 涉江採芙蓉; *Đình trung hữu kỳ-thụ* 庭中有奇樹; *Thiều-thiều Khiên-ngưu tinh* 迢迢牽牛星; *Thành đông cao thả trường* 城東高且長; *Minh-nguyệt hà hiểu-hiểu* 明月何皎皎. Bài *Ngọc-đài tân vịnh* 玉臺新詠 người ta cũng đều cho là Mai-Thừa làm ra. Vua Võ-đế lại thích làm lối thất-ngôn, như bài *Biểu-tử-ca* 匏子歌 thật là cổ-kính, bài *Thu-phong-từ* 秋風辭 thật là mĩ-lệ uyển-chuyển, và những bài vua tôi xướng-họa vịnh đài Bách-lương, đều là thể thất-ngôn cả. Các nhà văn-nhân lại thích làm thơ ngũ-ngôn, Trác Văn-Quân 卓文君 có bài *Bạch-đầu-ngâm* 白頭吟; Tô-Vũ 蘇武 Lý-Lăng 李陵 có bài *Hà-lương tống-biệt* 河梁送別 thơ họ Tô họ Lý thời thật là ý-trường thần-viễn, âm-hòa điệu-thích đủ làm tổ trăm đời cho lối thơ ngũ-ngôn, thơ đời Hán thịnh lên từ đó. Vả tự vua Cao-tổ định cho bài *Phòng-trung-ca* 16 chương làm nhạc tế; vua Võ-đế định lễ tế giao, bèn mới lập ra nhạc-phủ, nhặt các câu thơ lại để hát đêm, lấy cả những câu âu-ca nước Triệu cùng nước Tần nước Sở, cho Lý Diên-Niên 李延年 làm quan Hiệp-luật đô-úy, họp cả mọi người văn-học như là Tư-Mã Tương-Như, Mai-Cao làm ra bài ca tế giao 19 chương, nhà Hán từ đó mới đủ các khúc nhạc-phủ, mà thực làm tiên-thanh cho các từ-khúc tự đời Tống, Nguyên trở về sau.

Chương thứ IV

Thời-kỳ từ-phú biến ra lối biền-lệ

Tiết thứ 21

Thời-kỳ thứ nhất. — Tự đời vua Chiêu vua Tuyên cho đến đầu đời Đông-Hán là thời-kỳ thứ nhất, họ Mai họ Mã dẫu biến các thể-cách từ-phú của Khuất-Nguyên, Tống-Ngọc, song làm ra lời uyển-chuyển để đạt-ý, điệu tổng-thác để thành-văn, vẫn chưa thoát khỏi cái diện-mục bản-lai của lối từ-phú. Đến thời vua Tuyên-đế lại theo như việc cũ vua Võ-đế, vời những người tài văn Sở-từ như là lũ ông Bị-Công 被公, Lưu-Hướng 劉向, Trương Tử-Kiều 張子僑, Hoa-Long 華龍, Liễu-Bao 柳褒; ông Vương-Bao cũng là người tài giỏi được vời vào. Ông Bao là người nước Thục làm văn thuần dùng lối văn biền-ngẫu, xem như bài tụng *Thánh-chú-đắc-hiền-thần* thời biết.

Đó thực là trên biến lối văn họ Mai họ Mã, mà dưới khởi-phát cho họ Thôi họ Sái. Đến đời vua Thành vua Ai lại có ông Dương-Hùng 楊雄 nổi lên, một mình lập-dị ra một lối văn. Ông Hùng cũng là người ở Thành-đô, lối văn hay mô-phỏng bắt chước ông Tương-Như, có làm bài phú *Trường-dương* 長楊, cũng giống như một cách-điệu với bài phú *Tử-hư* của ông Tương Như. Lối văn biền-ngẫu của Vương-Bao khai mào ra, cuộc văn-chương đã muốn biến mà không thể biến đổi ngay được, cũng là vì có công Dương-Hùng vậy. Nối theo sau lại có Ban-Cố 班固, Trương-Hành 張衡, Cố là người Phù phong, cảm-giác những lối văn của Tương-Như, Thọ-Vương, và Đông-Phương Sóc ngày trước, có làm bài phú *Lưỡng-đô*, cũng bắt chước bài phú *Tử-hư* và bài *Thượng-lâm* mà làm khôi-trương ra cho rộng, dẫu có hơi bề-bộn quá, nhưng cũng là cái cách-điệu lối văn Tương-Như. Ông Hành người Nam-dương, thường bắt chước bài phú *Lưỡng-đô* của Ban-Cố mà làm bài phú *Lưỡng-kinh*, nghiền ngẫm đến mười năm. Thuyết-giả có người bảo rằng: Bài phú Tây-kinh thời hùng-vĩ, đủ sánh được bậc Lan đài; còn bài Đông-kinh thời khí văn

yếu không được lưu-loát, dễ thường cái lưu-phong dư-vận của họ Tư-Mã đến đó đã hơi suy mà muốn chuyển biến khác vậy.

TIẾT THỨ 22

Lối văn luận-lý biến cách. — Đồng-thời với Vương-Bao thời có ông Lưu Hướng 劉向, Ông Hướng tên tự là Tử Chính 子政, con cháu sau vua Nguyên-vương nước Sở, văn-chương quán-thông cả mọi sách, kể đường yêm-bác thời hơn Đồng Trọng-Thư, nhưng tinh-vi thời không bằng; tuy rằng bút-lực không bằng họ Đồng, nhưng bác-hợp hơn mà lại có cái khí hùng - kiệt. Kịp đến ông Phùng-Diễn 馮衍 nổi lên mới biến hẳn văn cách. Ông Diễn tên tự là Kinh-thông, người đất Kinh-triệu, làm văn thời thuần là phô-diễn đối nhau, như bài thuyết *Liêm-dan*, bài thuyết *Pháo-vĩnh* và bài sớ-tự điều-trần, đều là phô-diễn đối nhau cả.

Từ đó trở về sau, như bài *Luận-hành* 論衡 của Vương-Sung 王充, bài luận *Tiềm-phu* 潛夫 của Vương-Phù 王符, bài *Xương-ngôn* 昌言 của Trọng Trường-Thống 仲長統, bài *Chính-luận* 政論 của Thôi-Thực 崔寔, bài Thân-giám 申鑒 của Tuân-Duyệt 荀悅, những bài trên đó luận-biện thời-sự, phân-biệt phải chăng lối văn đều phô-diễn bày ra chớ không có cái khí-khái tuấn-vĩ lỗi - lạc, đó là tự lối từ - phú mới biến ra lối văn biền-lệ mà chửa thành, mà lối văn luận-lý lại ra trước nhất.

TIẾT THỨ 23

Lối văn chép sử mới ngắt ra chép từng đời. — Bản sử-ký Tư-Mã Thiên làm ra là sách Thông-sử. Tự khi Ban-Cố chịu tờ chiếu nhà vua biên-tập sách Hán-thư, cứ theo sự-tích một đời Tiền - Hán làm thành ra thể kỷ-truyện biểu-chí 120 quyển, đời sau ngắt ra từng đời mà làm ra sách sử là trước tự đó. Trong sách chép từ đời Võ - đế trở về trước, thời nhặt lấy ở Sử-ký; chép từ năm Thái-sơ trở về sau, thời nhặt lấy cả văn của Sử Hiếu-Sơn 史孝山, Trử Thiếu-Tôn 褚少孫, Dương-Hùng 揚雄, Lưu-Hâm 劉歆, Ban-Bưu 班彪, Tào đại-gia 曹大家, văn-thể rất là bác-tạp không được thuần, không bằng sách Sử-ký làm thành ra là ở tay Đàm, Thiên hai cha con có phẩm tinh-túy hơn. Vả lại sách Sử-ký sơ-lược mà sách Hán-thư mật - sát, sách Sử-ký hoằng-phóng mà sách Hán-thư tường-chỉnh, cứ như thể sách-sử mà nói thời Hán-thư đắc-thể, cứ như văn mà bàn thời Hán-thư kém Sử-ký một bậc.

TIẾT THỨ 24

Thời-kỳ thứ hai. — Là tự đời vua Minh vua Chương đến cuối đời Đông-Hán là thời-kỳ thứ hai. Phùng Kinh-Thông đã lấy lối văn bài-diễn biến cái thể-cách văn luận-lý, đến khi làm bài phú Hiền-chí 顯志, cũng phỏng thể Ly-tao chuộng làm lời văn biền-ngẫu, thể biền-ngẫu bắt đầu ra từ đó. Kinh-Thông thời là thổi cái gio tàn của Vương Bao, mà ông Ban Cố, họ Thôi họ Sái lại nối thêm lửa vào cho cháy lên. Ông Cố có làm ra điển-dẫn, thể-tài cũng mật - sát, thực là mở ra thể văn biền-ngẫu. Ông Thôi Nhân 崔駰 có bắt chước thể *Giải-trào* của Dương Hùng làm ra thiên *Đạt-chỉ* 達旨, lời văn bài-ngẫu mà ý nông nổi. Sái Ung 蔡邕 thời nhân cảm-súc cái bài *Khách-nạn* của Đông-Phương Sóc và các lối văn của Dương Hùng, Ban Cố, Thôi Nhân, làm ra bài *Thích-hối* 釋誨 cũng chuộng thể biền-ngẫu, song tài không giỏi cho nên khí văn càng kém. Đương lúc ấy lại có người cổ-điển độc-đàn đề-xướng lối văn của họ Mai họ Mã là ông Mã Dung 馬融, Vương Diên-Thọ 王延壽. Ông Dung làm ra bài phú *Quảng-thành* 廣成 mĩ-lệ điển-nhã, ba lan rộng rãi. Ông Diên Thọ làm ra bài phú *Lỗ Linh-quang điện* 魯靈光殿

văn-thái phát-việt, linh-cơ lưu-loát, cũng còn có cái di-phong lối văn Tây kinh. Song lối văn Đông-kinh, tuy bài-diễn ra mà không đối, làm theo biền-thể mà không nệ, khí-cách dẫu kém Tây-kinh, nhưng vẫn khác lối văn về đời Tấn, Ngụy.

TIẾT THỨ 25

Thể chữ biến-đổi. — Đời nhà Tần đã làm ra lối chữ *Triện* chữ *lệ*, đời Hán dẫu kiêm tập cả tám thể chữ, song những ấn tín thời dùng chữ *Triện*, còn các việc khác đều dùng chữ *Lệ*. Thời nhà Tần lại có lối chữ *Thảo*, song vẫn chưa thông-hành. Đến đời vua Nguyên-đế nhà Hán, quan Hoàng-môn-lịnh là Sử-Du làm chương *Cấp tựu* 急就 viết bằng chữ *Thảo*, song lối chữ còn nhiều chỗ gợn vấp. Đời Đông-Hán đã biến văn-thể, cho nên tự-thể cũng biến đổi, Trương Chi 張芝 đặt ra lối *Thảo-thư nhất-khí*, Vương Thử-Trọng 王次仲 đặt ra lối *bát-phân*, Trần-Tuân 陳遵 đặt ra lối *biến-thể*, dụng để viết những tờ biểu-chương tiên-ký trình-khóa, nên gọi là lối chữ chương-trình. Trung Do 鍾繇 thời làm ra lối chữ *khải*, Lưu Đức-Thăng 劉德昇 lại làm ra lối *hành-thư*, tự-thể đến thế mới đủ dùng.

TIẾT THỨ 26

Thời-kỳ thứ ba.— Là về thời-kỳ Tấn Ngụy, Lúc đời Tam-quốc, có cha con họ Tào, và bảy nhà danh-thi Kiến an, đều có tiếng hay chữ-Song Ngụy-Võ thời giỏi về bút pháp chớ không giỏi về văn. Văn-đế thời tứ quẫn mà không rộng rãi; Khổng Dung 孔融 thời sở-trường về bút-pháp; Vương Sán 王粲 thời sở-trường về phú; Từ Cán 徐幹 thời sở-trường về luận; Trần Lâm 陳琳, Nguyễn Vũ 阮瑀 thời sở-trường về văn hịch; Lưu Trinh 劉楨 Ứng Dương 應瑒 thời sở trường về văn thư-ký. Kiêm cả sở-trường của các nhà mà hơn nhất thời ấy thời có ông Tào Thực 曹植. Thực tên tự là Tử-Kiến 子建, văn làm ra thời mô-phỏng lối văn Đông-kinh, mà lại chỉnh-khiết, cho nên lối văn biền-lệ lại càng khoáng-trương mãi ra,-xem như bài phú *Lạc-thần* 洛神 thời biết, lời văn đẹp đẽ như ngọc châu, lối văn Lục-triều mĩ-lệ là tự ông Thực khai mào ra vậy. Đến khi Lục Cơ 陸機 nổi lên, cái văn-phong ấy lại càng thịnh, đời nhà Tấn có ông Trương Hoa 張華, Tôn Sở 孫楚, Chi Ngu 摯虞, Thúc Tích 束晳, Kê Khang 嵇康, Nguyễn Tịch 阮籍, dẫu văn chương có vẻ thanh-kỳ cùng đạm đều có sở-trường cả, song cũng đều là theo sau họ Ngụy, trông theo đời Lưỡng-Hán, chớ không có câu nệ gì lối văn biền-lệ. Ông Cơ là người nước Ngô, cuối năm Thái-khang cùng với em là Vân 雲 vào đất Lạc, nổi tiếng văn-chương hoa-tảo, đối đáp tinh-công, mà Lục-Cơ lại càng tuấn-tú hơn. Xem như bài phú *Hảo-sĩ* và bài *Vân-phú*, đi vần liên-châu, lại mở ra cái lối văn tứ-lục, thể văn biền-lệ như thế cũng ví như con ngựa kỳ-ký chạy sộc xuống dốc không thể nào hãm-ngữ lại được. Song đương lúc đời Tấn đời Ngụy giao-tiếp, các nhà văn-nhân phương Bắc, hãy còn nệ giữ cái qui-củ đời Lưỡng-Hán, như là Tào Nguyên-Thủ làm bài luận lục-đại, văn-từ phóng-dật còn có cái di-phong đời Tây-Hán, Hà Bình-Thúc làm bài phú *cảnh-phúc*, văn cũng đẹp-đẽ cứng-cáp, đều là thoát-thai lối văn Đông-đô. Đương khi Cơ, Vân vào đất Lạc, phương bắc còn có ba anh em họ Trương là: Tái, Hiệp, Cang, cũng chí muốn địch với họ Tào họ Vương, theo kịp họ Mai họ Mã. Đồng-thời với Cơ-Vân, lại có ông Phan-Nhạc 潘岳, xem như bài phú *Tịch-điền*, *Xa-trĩ*, khí-lực hùng-hồng có khác gì Ban Mã. Cùng với Phan-Nhạc tề-danh lại có ông Tả-Tư 左思, làm ra bài phú *Tam-đô*, hoa-tảo dẫu không bằng Sĩ-hành, nhưng Sĩ-hành cũng phải chịu, bởi vì văn-thể cách-cục của ông, muốn vượt hơn Tào

Thực, Vương Sán, mà đè cả Dương Hùng, Ban Cố, thực là một cái cột đá đứng ở giữa dòng, là nhờ có ông vậy.

TIẾT THỨ 27

Phát-minh cổ-sử-học. — Đương thời ấy các nhà sử-học theo thể-lệ cũ mà làm sách sử, thời có sách *Tam-quốc-chí* của Trần-Thọ 陳壽 nước Tấn, lại chép tôn nước Ngụy cho là chính-thống, đời sau dẫu chê là không phải, nhưng xưa nay vẫn liệt làm chính-sử. Còn như mới phát-minh ra ấy là sách cổ-sử. Tư-Mã Thiên làm ra sách Sử-ký, chép từ đời vua Hoàng-đế trở xuống. Từ khi đời Hán có cái học sấm-vĩ nổi lên, kẻ học-giả thường lấy lời sấm để giải kinh, lại đem sao chép lại để làm sách cổ-sử. Ngô Vi-Chiêu 吳韋昭 có bài *Đồng-ký*, chép từ đời họ Bào-hi. Thục Tiêu-Chu 蜀譙周 có bài *Cổ-sử-khảo*, cho vua Thần-nông, vua Viêm-đế làm hai người, lời nói cũng khá tin được. Tấn Hoàng-Phủ Bật 皇甫謐 làm sách Đế-vương thế-kỷ, chép bắt đầu từ đời Tam-hoàng. Bởi thế những việc đời hoàng-cổ, mới dần dần có thể kể ra được.

TIẾT THỨ 28

Thi-học lại chấn-hưng. — Từ đời Hán Võ trở về sau, nghề làm thơ đã suy dần, trong khoảng đời vua Nguyên vua Thành, chỉ có bài thơ *Tự-hặc* của ông Vi Huyền-Thành 韋玄成, thời thực là cổ-kính uyên-thâm, có thể sánh với bài văn *Tại-châu* của Vi-Mạnh được, đó là thể tứ-ngôn. Bài *oán-ca* của nàng Ban-Tiệp-Dư, dụng ý dịu-dàng tinh-vi, âm-vận hoà-bình, đáng khen là bậc nhất ở thời ấy, đó là thể thơ ngũ-ngôn. Còn về sau thơ tứ-ngôn như ông Phó-Nghị, không theo gót kịp được hai họ Vi. Thơ thất-ngôn như bài Đông-đô của ông Ban-Cố, lại hầu giống như vận-văn. Đến như bài Ngũ-y 五噫 của Lương-Hồng, bài Tứ-sầu 四愁 của Trương-Hành, lại tự thành ra một thể thơ riêng, không thể sánh với thơ đại-nhã được. Chỉ có bài thơ *Ẩm-mã Trường-thành* 飲馬長城 của Sái-Ung, bài thơ tặng vợ của Tần Gia, hai bài ấy đều ý-tứ chiền-miên khúc-chiết, hoà-nhã động lòng người, song cái di-phong hồn-hậu của nhà Tây-Hán cũng đã xa vắng đi mất cả. Đến khi bảy nhà danh - thi Kiến-an (về đời Ngụy-Tào) nổi lên thời thi-học mới lại chấn hưng. Thơ vua Ngụy Võ thời trầm-hùng, phảng-phất được như thơ tam-hầu; thơ vua Văn-đế thời uyển-chuyển, gần giống như bài Thu-phong; còn như thơ ông Tào-Thực thời lại đủ cả ngũ-sắc rỡ ràng, hợp cả bát-âm hoà xướng, trên nối được họ Tô họ Lý, dưới khai được trăm đời, nay kể những điều quan-hệ về thi-giới đời sau như sau này:

1º là *điệu*. — Cổ-thi thời không phải cần nghĩ ngợi, song thơ Tử-kiến thời khởi-điệu lên tất dụng-công, đều cố ý làm cho thật công-xảo.

2º là *chữ*. — cổ-thi không phải rèn đúc từng chữ, song Tử-kiến thời luyện từng chữ rõ khéo, đều chọn những chữ tiêm-tân rèn đúc cho rõ luyện.

3º là *thanh*. — Cổ-thi âm-hưởng tiết-tấu tự-nhiên, song thơ Tử-kiến thời tiếng bằng tiếng trắc ồn-luyện, bài nào cũng âm-điệu khanh-tương, đã phát-lộ ra cái mành-mối thơ Đường-luật.

Đó là phân-biệt thơ Hán với thơ Ngụy, song thể thơ khí văn của đời Ngụy, vẫn còn chửa mất cái lối cũ đời Tây-Hán. Trong thất-tử đời Ngụy thời Công - Cán 公幹, Trọng-Tuyên 仲宣 hơn cả, ví với Tào-Thực, cũng như là Hàn-Tín, Bành-Việt ví với vua Hán-Cao. Đời nhà Tấn thời có Trương Hoa 張華 Phó - Huyền 傅玄 cũng

là tay hay thơ. Ông Thúc - Tích bồ những bài thơ mất ở trong kinh Thi, cũng phong-nhã lắm. Ông Cơ ông Vân nối nên thời chỉ chuyên-công thơ vịnh-vật, ngoài cái lối cổ-thi ngôn-chí ra, lại mở thêm một đường thơ nữa, chồng-chất những câu bài-ngẫu, cùng với ông Phan-Nhạc cùng làm biến mất cái phong-cách thơ hùng-kiện của hai đời Hán, mà đem vào lối phô bày nông nổi. Thi-nhân đời ấy mà hay nối được thanh-âm họ Tô họ Lý, chỉ có Nguyễn-Tịch với Tả-Tư mà thôi. Bài thơ vịnh-hoài của Nguyễn-Tịch, thời thiên-cơ linh-động; bài vịnh-sử của Tả-Tư, thời sơ-khoáng nhàn-nhã, đều có phong-cốt cứng cỏi đủ ngăn được cái sóng đồi-ba của họ Lục họ Phan.

ĐÔNG-CHÂU dịch

AI-LAO HÀNH-TRÌNH (1)

Ngại ngùng chân bước lên tầu,
Kẻ đi người ở thành sầu ai xây ?
Trường-đình tiễn biệt là đây,
Kìa trăng sông Nhị, nọ mây núi Nùng.
Chia tay trong lúc hàn-đông,
Ngàn mai vẻ tuyết, non tùng hơi sương.
Mấy lời đinh-chúc tỏ tường,
Ngọc-vàng há dám coi thường tấc-gang.
Tình thân-thích, nghĩa chi-lan,
Dầu lòng xa cách quan-san nghìn trùng.

Sau mặt nhà Ga, trước đường thiết-lộ, hồi một giờ ngày mười tháng chạp năm canh-thân, đông đủ cha mẹ, anh em, bè bạn, ra đưa chúng tôi lên tầu, để sang tòng-sự bên xứ Ai-lao. Người sầu nét mặt, kẻ gạt hàng châu, lời dặn trân-trọng của thân - nhân, tiếng chào ân-ái cùng quí - hữu. Trông tình mà cảm, nghĩ nỗi thêm buồn ! Thấm thoát nửa chuyền đồng-hồ, tiếng còi nổi hiệu, tỏa ngọn khói đen, chân bước lên tầu, sầu chia đôi ngả. Tầu chạy đã xa ga, càng trông càng khuất, nhìn mãi lại, nào còn thấy chi, trông cảnh cảnh nhạt, trông mây mây rầu, trông hoa hoa khuất, trông người người xa, *Bâng-khuâng nhớ cảnh nhớ nhà, cảnh xa lạ cảnh nhà xa lạ nhà.*

Tôi ngồi trên tầu thơ thần, ruột tằm trăm mối tơ vương, ngoảnh mặt trông về miền núi Nùng sông Nhị, tấm lòng yêu nhớ, hạt lụy khôn cầm. Tầu chạy vùn vụt, qua sông qua tỉnh, kinh-thành lấp bóng, thôn-dã lộ hình. Coi phong cảnh đổi thay, nhanh như chớp mắt, há cuộc đời dâu bể cũng như thế chăng ru !

Bỗng chốc, tầu đã tới Ga Hải-phòng, chúng tôi xuống tầu, trong lòng ngơ ngẩn. Trông về phương tây, một vừng đỏ chói đã gần chân trời; đàn chim nhạn đang bay về tổ, con la con bồng, tiếng kêu ríu-rít, vui vẻ cùng đàn, thấy vật mà cảm tình, ngắm cảnh mà ngán dạ. Chợt nhớ câu :« *Nam-nhi chí tại tứ phương* », lại tự nghĩ rằng : « Quản chi trèo núi lội sông, gió trăng một túi tang bồng đôi vai ». Lúc bấy giờ bóng chiều đã tà-tà, tôi đến sở Đốc-lý trình giấy, lấy vé ở nhà tầu bể, mang hành-lý xuống tầu. Đoạn rồi, chúng tôi lên chơi xem phố ta phố khách, coi phong-cảnh vui vẻ mà bụng nào có vui, người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.

Quá khuya, chúng tôi về nghỉ nhà người bạn. Nhưng thể nào mà yên được giấc hòe. Tôi ngồi tựa ghế cho tới gà gáy, tỉnh như mơ, lo cùng

(1) Bản-chí tiếp được bài *Ai-lao hành-trình* của ông Trần Quang-Huyến khi sang làm việc bên Vientiane là có công ký-thuật những điều kiểm-văn trong khi lịch-lãm, vậy cứ nguyên-văn lục đăng như sau này.

nghĩ, sầu riêng khôn xiết nói ra. Đêm khuya canh vắng, lại nghe tiếng đồng-hồ kêu tích! tắc!... như gợi cơn buồn. Chuông báo 4 điểm, chúng tôi lên xe ra bến tầu. Vừng đông vừa rạng, bóng thỏ đã mờ, nước biển mông-mênh, gió sa lồng-lộng. Thấp thoáng đàng xa mấy ngọn Đảo, nhấp nhô mặt sóng mươi cánh mành. Cảnh tạo-hóa ưa nhìn, bức tranh sơn thủy thiên-nhiên, bút tiên khôn họa.

Bóng Hằng vừa khuất non tây,
Vừng đông tía ngắt, nước mây một mầu.
Lồng đáy nước bóng tầu thấp-thoáng,
Ánh thái-dương nhấp-nhoáng đầu non,
Ngư-ông chiếc bách con con,
Nhấp nhô mặt sóng, lon son giữa dòng.
Mở cõi-mắt mênh-mông biển Cả,
Cảnh tự-nhiên bút tả nên thơ.
Xuống tầu, hành-khách ngẩn-ngơ,
Buồn trông mặt bể chân bờ xa xa.

Chúng tôi xuống tầu « Orénoque », vừa tang-tảng sáng, ở riêng một phòng, trong phòng có sáu giường nằm, bắc từng lên hai bên, bàn rửa mặt, gương soi, một ngọn đèn điện. Phòng ăn cũng gần đấy, bữa ăn có chuông báo. Chiếc tầu ấy dài rộng, cũng là một chiếc tầu lớn chạy bể.

Hồi 7 giờ, súp-lê một tiếng, tầu quay mũi ra, sình-sịch trên mặt nước, rẽ sóng ra hai bên; chân bờ càng trông càng xa tít. *Coi đà xa cách nước nhà, chân mây mặt bể biết là quê đâu?* Ra khỏi Đầu-sơn, mông-mênh một trời một nước, tiếng sóng ào-ào, tiếng gió vu-vu, tầu du như võng đưa, chềnh bên nọ, nghiêng bên kia, trông ra bể, sóng hoa cả mắt, chúng tôi thấy trong bụng nôn nao, nằm yên trong phòng không dám dậy.

Suốt đêm, trời trong trăng sáng, mặt bể gấm thêu, đáy nước vàng lát, nằm trên mặt sóng, trông lên cung trăng, biết bao nhiêu sự mơ-tưởng: Ước gì được lên gốc Đa, ngồi với chú Cuội, để ngắm Thế-giới: Kẻ tranh danh, người tranh lợi, kia đua trí, nọ đua tài, nghìn hình muôn trạng, biến hóa khôn cùng, như hoa sen nở, như cánh trà tươi, như ngọn lửa cháy, sáng khắp chân trời, như dòng nước lên, đầy chân mặt đất. Núi sông gấm vóc, cây cỏ quỳnh giao, hiện ra một chốn vũ-đài, áo xiêm rực rỡ, cờ quạt bảnh bao, múa hát tưng bừng, trống chuông rầm rĩ, vui thú biết nhường nào!

Đài-múa, nay ra đủ mặt trò,
Cung-trăng coi tỏ tấn tuồng to.
Thử nhờ đi gió đưa tin hộ,
Nhắn Cuội đem thang bắc xuống cho.

Quá nửa đêm rạng ngày 12, tầu chạy qua cửa Thần-phù. Sóng lên cuồn-cuộn ầm ầm như sấm, hết lớp nọ đến lớp kia; gió thổi vu vu, rào rào như bão, thôi cơn này kế cơn khác. Tầu chạy lúc bấy giờ, coi cảnh-tượng thiệt rất hãi-hùng!

Thần-phù có phải chốn này không?
Cửa biển tầu qua sóng hãi-hùng!
Khói tỏa lưng trời mây tám mạn;
Mây chao mặt bể nước mênh-mông.
Nổi chìm truyện cũ nào ai biết?
Khéo vụng đường tu thử mắt trông.
Thần sóng cớ sao to mãi thế?
Mũi tên Tam-thánh há còn dung!

Đến 5 giờ chiều, tầu tới Tourane, lại mới trông thấy bờ với núi. Tầu đỗ ngoài xa, có thuyền ra tải đồ chở khách. Trông lên ba phía bờ, lố-nhố những trái núi, cây cỏ xanh um. Trên núi dưới nước, thấp-thoáng gương lồng. Đến 7 giờ, tầu chạy ra bể, thôi lại chỉ thấy trời với nước. Đêm trăng vắng vạc, sóng bể ầm ầm. Đối cảnh há chẳng cảm tình ru! mà người vẫn chếnh-choáng bởi vì say sóng.

Lênh-đênh tầu chạy mới đêm qua,
Khỏi núi Đồ-sơn tít nẻo xa.

Rượu biển say nghiêng bầu tạo-hóa,
Sóng Thu trao lộn bóng Hằng-nga.
Mặt vàng luống dãi sương cùng gió,
Gan tím nào quên nước với nhà.
Dẫu chẳng hơi men nhưng chếnh choáng,
Trời cao bể rộng một lòng ta.

Đến trưa 13, tầu ghé vào Qui-nhơn, cũng đậu ngoài xa, vài chuyến đồng-hồ lại chạy. Mười giờ đêm, tới Phan-rang, tầu đỗ lại một giờ. Chân bờ còn xa, chỉ thấy bóng đèn thấp-thoáng, ánh nước rập-rờn. Một tiếng còi vang, tầu lại lênh-đênh mặt sóng. Chiều 14, qua Cap-Saint-Jacques, tầu chạy ven bờ. Mông-mênh sóng biếc, vòi-vọi non xanh; phong-cảnh vui mắt, non nước có tình.

Tầu rẽ vào cửa bể. Đến 9 giờ tối, tới Sài-gòn. Ở trên bến tầu, ánh đèn bóng nhà, kẻ chờ người đợi. Trong bụng ai chả vui thầm! Bốn ngày đi bể, sóng gió say-sưa, nay được đến bờ, tinh-thần khoan-khoái, hình như có cái thanh thú êm-đềm. Sáng bữa sau, chúng tôi đi xin giấy; đoạn rồi đến lấy vé ở nhà tầu thủy, lại phải đợi kỳ tầu thứ bảy.

Chúng tôi ở lại Sài-gòn một tuần lễ, ăn ở khác lối, cách thức lạ-lùng. Đường đi bỡ-ngỡ, tiếng nói khó nghe. Hào gọi là cắc, xu gọi là chim, quả gọi là trái, hoa gọi là bông v. v. . . . Nói tiếng ngoài mình người Nam cũng khó hiểu.

Tỉnh Sài-gòn to rộng đông vui, đường phố như bàn cờ, lâu-đài như bát-úp. Dinh cao tòa lớn, vườn hoa tượng đồng, trên bến dưới tầu, thiệt là nơi danh-đô thắng-cảnh. Đẹp mà vui nhất là phố « Catinat ». Từ nhà Thờ thẳng ra bến tầu, hai bên phố: hiệu tây hiệu ta hiệu khách, cửa kính đồ hàng choáng lộng. Mĩ-hóa kỳ-vật, tinh-cơ xảo-khí, coi rất lạ mắt. Nhà hàng cơm « Hotel Continental », nhà hát tây, lâu-đài trang-trọng. Đến tối, đèn điện thắp lên, rõ ra một chốn đô-hội rực rỡ. Các phố khách cũng đông vui, nhưng chỉ nhiều cửa hàng khách.

Thẳng giong bể Á ngọn phong-trào,
Ngắm cảnh danh-đô đẹp xiết bao!
Tầu bến vẻ vang thương-phụ lớn,
Dinh tòa rực-rỡ tượng đồng cao.
Văn-minh đủ mặt người Âu Á,
Danh-lợi đua tay kẻ phú-hào.
Quang-cảnh ngày nay đi mới biết,
Bắc Nam non nước khác chi nào!

Chợ mới Tân-thành cũng to bằng chợ Đồng-xuân ngoài ta, mà kiểu làm đẹp hơn. Cửa chợ làm hình như gác chuông, có cái đồng-hồ lớn. Bốn mặt có bốn cổng. Chung quanh đường rộng, xe ngựa tới-lấp. Trong chợ cũng bán đủ các thức hàng-hóa vật-thực. Nhiều thứ thanh bông hoa quả mà ở ngoài ta chửa đến mùa. Dừa thì hằng-hà sa-số. Người mua kẻ bán, cũng đông vui như chợ Đồng-xuân vậy.

Bốn bề tới tấp ngựa xe quây,
Chính phải Tân-thành chợ mới đây.
Cầu rộng thênh-thang đông buổi họp,
Lầu cao ngất-ngưởng bóng kim xoay.
Thượng vàng hạ cám hàng không thiếu,
Kẻ bán người mua khách xúm đầy.
Dạo gót qua chơi xem cảnh chợ,
Đồng-xuân cũng ná cảnh vui này.

Trước cửa chợ, có mấy đường xe-hoả chạy. Lên ngược xuống xuôi, dồn toa đổi chuyến, tầu chạy sinh-sịch luôn. Đường phố sạch-sẽ quang-đãng, có xe-hơi tưới nước rất tiện.

Nhân được ở lại lâu, chúng tôi đi xe hơi sang Tỉnh « Thudaumot » cách Sài-gòn hơn 30 Kilomètres. Xe chạy khỏi kinh-thành, lại ra phong-cảnh nhà-quê. Đồi cao bãi rộng, trại lớn làng to, trông lưng chừng trời bát ngát những ngọn dừa phất-phới. Nơi Tỉnh, giữa có một cái chợ, trông xuống một con sông con, hai bên thì hai dẫy phố, cũng buôn bán sầm-uất. ở đấy chơi ba ngày, chúng tôi lại trở về

Sài-gòn. Rồi đi xe lửa sang tỉnh «Chợ-lớn». Tỉnh ấy chỉ thấy rặt các chú Hoa-kiều, như là một tỉnh Trung-hoa vậy. Các hiệu Khách xan-xát như ở phố hàng Buồm ngoài ta. Thôi thì thượng-vàng hạ-cám bán chẳng thiếu gì; đồ Tầu, đồ Ang-lê, đồ Hoa-kỳ, cửa hàng thật đẹp, có phần đông vui hơn Sài-gòn.

Cả thảy ở vừa 7 ngày, được ngao-du trong mấy tỉnh. Thôi thế nào cũng đành tâm, đã đi cho biết đây biết đó. Tới ngày 21, chúng tôi xuống tầu « Attalo » 9 giờ đêm tầu chạy, lại ra cửa bể; rồi rẽ lên ngọn sông khác. Ở dưới tầu trông lên bờ, nghĩ cảnh lại nhớ. Nào biết bây giờ đi đâu? *Lênh-đênh qua khắp mặt dòng, chơi cho thỏa chí tang-bồng một phen.*

Đã thôi ra bể lại vào sông,
Bể rộng sông dài bát-ngát trông.
Nhẩn hỏi ông Xanh quen đất lối,
Phải chăng dòng nước ngọn Mê-kông?

Tầu chạy đêm, trên trăng dưới nước; vân-vân mây xanh, rập-rờn sóng biếc. Bên bờ thấp thoáng, cây cối um tùm, cá nhảy mặt dòng, dế kêu trong bụi. Lác-đác mấy bóng nhà tranh, lập-lòe ngọn đèn ngư-phủ. Đương trong lúc bốn bề thanh vắng, tầu đi dưới bóng trăng, chợt nghe tiếng gà gáy, tiếng chim kêu trong thôn-dã; trời đã rạng đông. Tới ban ngày, cảnh-tượng lại càng thanh-thú, chỗ làng xóm lưa-thưa mươi nóc nhà; chỗ quãng đồng xào-xạt những người làm. Cảnh vui nông-phố, tiếng hát mục-đồng, lấm lòng như giục nhớ quê nhà.

Quá trưa, tầu tới Mỹ-thọ, trong tỉnh có đường xe-lửa chạy về Sài-gòn. Đến chiều ghé bến Vĩnh-long. Những hàng quà lên bán, các trái quả, cua bể với tôm luộc. Những con tôm lớn râu dài, gọi là tôm hùm.

Loài tôm ở bể thuận dòng bơi,
Hùm lấy làm tên nghĩ nực cười.
Mình lớn râu dài coi cũng dữ,
Giống chăng chẳng giống mọ ba-mươi.

Lại suốt đêm ở mặt nước, đến 3 giờ ngày tết ông Táo, tầu tới Nam vang (Phnompenh), kinh-đô Cao-miên vốn là nơi danh-thắng. Dinh tòa rực rỡ, chùa tháp nguy-nga. Ngoài bờ sông, có các công-sở. Trong phố, dân-cư đông đúc, buôn bán vui vẻ. Có hai cái chợ, riêng một cái để bán cá. Ở đấy lắm cá; nhân-dân phần nhiều chỉ chuyên nghề chài lưới.

Dinh vua lộng lẫy, cung-điện oai-nghi. Ở gần đấy, có Chùa Vàng chùa Bạc, cảnh đẹp có tiếng; trong có tượng tuyền bằng vàng, bằng bạc, lại lắp mặt kim-cương lóng lánh, còn lắm đồ kim ngân châu báu, coi rất kỳ-dị. Ở bến tầu trông lên, tháp cao mấy từng, lầu cao mấy mái, trót vót lưng trời, ánh lồng đáy nước. Suốt một dọc sông, lâu-đài quang-cảnh, thiệt là ngoạn-mục.

Tám giờ tầu tới bến Nam-vang,
Là chốn kinh-thành cảnh cũng sang.
Oai-vệ phủ Vua và phủ Tướng,
Nguy-nga chùa Bạc với chùa Vàng.
Bản đồ xưa thuộc nơi văn-hiến;
Phong-hóa nay theo lối phú-cường.
Ai đó vẽ mình còn thói cổ?
Xiêm quàng khăn quấn ấy Cao-miên.

Bốn giờ chiều, chúng tôi sang tầu « Bassac », đi lên ngọn sông trên, thôi lại chỉ trông thấy rừng với nước; thỉnh thoảng gặp vài người Cao-miên quấn cái xiêm xanh đánh cá bên sông mà thôi. Năm giờ ngày 24, tầu ghé vào tỉnh « Kratié ». Hết đường tầu chạy, phải đi thuyền, vì có thác. Chúng tôi lên bờ đi xe hơi, ở trọ lại hai ngày, để chờ chuyến xe. Nhà trọ của Nhà-nước « Bangalow », làm lối nhà sàn. Tỉnh nhỏ, mà tối cũng có đèn điện, lèo tèo vài dẫy phố, ngày đêm quạ kêu buồn

rứt. Sau tỉnh giáp rừng, thường tối có cọp ra.

Một giờ ngày 26, chúng tôi lên xe hơi. Xe chạy trong rừng, trên con đường mới đắp, hai bên cỏ gianh. Độ hai chuyền đồng-hồ, xe tới Sambot; xuống thuyền lên Sambor, có tầu «Gougeard» chờ ở bên bãi cát. Ngủ lại ở đấy một đêm, tầu nhỏ không có phòng, nằm cả ở trên khoang. Đêm trông ra trên rừng dưới nước, bốn bề mù mịt, nghe tiếng dế kêu nước chảy, như gợi cơn buồn. Lại nghe những hành-khách nói chuyện: Ở trên Lèo có giống ma, gọi là «*Chầu hý bụp*», hay làm người đau, để hiện vào trong bụng ăn ruột gan, với những sự bùa ngải» lắm điều huyền-hoặc, lại thêm nỗi chán-ngán.

Tang tảng sáng ngày 27, tầu mở máy chạy, qua dòng nước xoáy, bãi cát gồ. Hai bên, rừng xanh cây rậm. Có một quãng rừng, công ra như đàn gà, con đậu da bờ, con bay qua sông, trông rất vui mắt.

Chốn ấy sao mà thấy lắm công?
Con bay con đậu ở dia sông.
Sinh ra đã sẵn đeo vừng nguyệt,
Thẳng hướng đường mây một cánh lông.

Nhiều khúc sông, những tảng đá lớn nổi trô-trồ trên mặt nước, không biết bao nhiêu mà kể; nên tầu không dám chạy tối, sợ vướng đá. Thác nhỏ cũng nhiều. Chiều tới «Stungtreng», tầu đỗ giữa sông, lại sang tầu «Albatros», cũng nhỏ, ăn nằm cũng vậy.

Sáng 28, tầu chạy lên «Khone-Sud», quanh-co hết khúc sông nọ đến khúc sông kia, nước xuôi tầu ngược, 2 giờ mới tới. Có cu-li Lào ra tải đồ lên xe lửa. Tiếng người gọi phu nhao nhao: «*Ma phi! Ma phi!*» (Lại đây) — «Au pay! Au pay!» (Mang đi). Đi một quãng đến nhà ga, làm mấy gian bằng nứa. Có một chiếc xe-lửa, một chiếc chở khách với một chiếc xe tải đồ. Đường sắt bắc qua trong rừng; xe chạy độ nửa chuyền đồng-hồ, rồi xuống, vào trình giấy ở sở dây-thép; lại đi thuyền mươi phút tới Khone Nord, có tầu «Trentinian» ghé ở bến,

Quanh khúc sông Mê ngọn nước giao.,
Ngang dòng lại nổi cái gò cao.
«Khone Nord» tới đó tầu quay mũi,
Xe hỏa đưa sang địa-giới Lào,

Xe Hỏa đưa sang địa-giới Lào.
Tầu chờ «Khone Sud» rẽ dòng trao.
Sông sâu thăm thẳm rừng xanh ngắt,
Non nước buồn trông lạ xiết bao!

Non nước buồn trông lạ xiết bao!
Cỏ cây ríu-rít tiếng chim chào.
Kìa ai kéo vó bên sông đó?
Thấp thoáng lưng đen mấy chú Lào.

Thấp thoáng lưng đen mấy chú Lào,
Đầu thì trọc lốc khố thì cao.
Lửa reo trên bãi nồi xôi chín,
Sắp sửa dừng tay cất vó vào,

Sắp sửa dừng tay cất vó vào;
Bốc xôi chẳng quản cá tanh-tao.
Nhủ tầu ghé lại cho ta hỏi:
Mắm nhái Lào ăn ướp thế nào?

Sáng ngày 29, tầu ngược dòng lên, sông khúc quanh queo, bên núi bên rừng, có quãng hai bên bờ, những tảng đá lớn chĩa tua-tủa ra sông, chỗ nước chảy reo, chỗ hai dòng xô lại. Trong khúc sông ấy, thường lắm cá-xấu, con bơi trên mặt dòng, con phơi mình bên bãi-cát. Lại một quãng rừng, biết bao-nhiêu cò-trắng, bay như bươm-bướm, trắng xoá một khúc sông.

Trắng xóa bên sông một lũ cò,
Khéo sao lặn lội kiếm ăn no.
Lòng tham những muốn tìm chai nuốt,
Luống để ngư-ông được lợi to.

Vừng ô đã khuất non tây, khí núi che mờ mặt nước, cảnh chiều hôm như giục tấm lòng! Tầu ghé ngủ bên bãi-cát, hai bên rừng xanh. Đêm văng-vẳng tiếng vượn hót, nghe rõ buồn rứt.

Trông chung quanh bóng cây mờ mịt, thấp-thoáng bên sông mấy chiếc thuyền chài. Đêm thanh cảnh vắng, đối-cảnh hưng-hoài.

Mù mịt non xanh nhạt bóng ngày,
Tu-tu còi thổi khói cao bay.
Tầu kề bãi cát dây neo vững,
Đêm vắng bên sông giấc mộng say.
Chợt tỉnh buồn nghe bài vượn hát,
Giật mình thoảng thấy bóng cây lay.
Gió bay phấp phới buồm ai đó?
Dám hỏi Đào-nguyên có phải đây?

Trưa ngày 30 tết, chúng tôi tới Paksé. Ở trong tỉnh, người ta với người khách đương rộn-rịp sắm sửa tết. Nghe tiếng pháo đốt, trong dạ thiệt buồn. Tỉnh ấy cũng nhỏ, có vài dẫy phố, với một cái chợ, tối hôm ấy, người ta với người Lào họp lại ở đấy đánh bài-cào, sóc-đĩa, it-xì, nhân ngày tết được phép.

Sáng ngày Nguyên-đán, tầu cất dây-neo. Trên tỉnh pháo đốt rầm-rầm, ra cảnh ngày tết. Ở dưới tầu, những người xa cố-hương, dáng mặt ngơ-ngẩn, trông cảnh buồn tênh. Mà thấy những người Lào, lố-nhố đầu như bụt-ốc, quấn cái khố sặc-sỡ, ngồi xúm lại giở rỏ cơm nếp bốc ăn với mắm-cá đựng trong ống-nứa, coi bộ lạ-lùng. Chúng tôi mới biết được vài câu tiếng Lào, hỏi đùa họ rằng : « Chầu kin khầu cạp nhẳng ?» (Anh ăn cơm với gì ?). Họ trả lời : « Khói kin khầu cạp Pa-đẹt » (tôi ăn cơm với mắm-cá) — « Sẹp bồ ?» (ngon không) — « Sẹp lải » (Ngon lắm). Họ lại hỏi rằng: « Nai Pay sầy?» (Thày đi đâu?) — « Khói bay Vientiane » (Tôi lên Vientiane) — « Nai hệt can trầng dầy ?» (Thày làm việc ở đâu?) — «Khói hệt can Thần Phù-nhầy» (Tôi làm việc ở sở quan Khâm-sứ). Chúng tôi lại hỏi : « Dú Vientiane, mi phù-sảo lại bồ » (ở Vientiane, có nhiều con gái không ?) — « Mí lải, phù-sảo ngám thè thẹ » (Có nhiều con gái đẹp lắm). Rồi thỉnh-thoảng họ lại hỏi chuyện ; câu gì không hiểu, chúng tôi lại trả-lời : « Và nhẳng ? Khói bồ hu chắc khuôm-lao lải » (Nói gì? Tôi không biết tiếng Lào nhiều). Chúng tôi trông thấy cái gì muốn hỏi họ để biết tiếng, lại hỏi « An ny khuôm Lao va chảng dầy » (Cái này tiếng Lào gọi là cái gì). Họ lại bảo. Thí-dụ : Cái tầu « khăm-Pan » ; cái thuyền « Thang hủa »; mặt trời « Tà-van » ; mặt trăng « Đươn » v. v. . . .

Chúng tôi làm cho khuây những cái cảnh vui ngày tết ở quê nhà mà chợt nhớ đến, không thể nào không ngao ngán trong lòng.

Đường đi vừa đúng hai tuần,
Cỏ-cây vui đón chúa-xuân tới rồi.
Nhớ cảnh tết bồi hồi trong dạ,
Trách ngày xuân sao chả vui ta?
Dầu lòng xa nước xa nhà,
Càng trông cảnh vắng đường xa thêm buồn.
Ròng Mê-kông nước cuồn-cuộn chảy,
Bước chân đi đã mấy dặm xa.
Đường mây thăm thẳm quê nhà,
Ngẩn ngơ cảnh lại nay đà quê ai?

Đầu canh năm sáng ngày mồng hai, chúng tôi xuống thuyền, để sắp lên qua thác. Chín giờ tới thác, nước chảy reo ầm-ầm, ở trên xô xuống, bọt trắng như nước sôi. Bao nhiêu hành-khách phải lên bờ, trèo qua những tảng đá lớn, cao bằng nóc nhà. Thủy-thủ Lào giòng dây kéo thuyền. Đi khỏi quãng đó, sang chiếc tầu con « Ibis », chạy được một quãng, lại sang thuyền lên qua thác khác. Đến nơi, người lại lên bờ, để thuyền đi không. Xuống thuyền bơi một quãng, lại sang tầu nhỏ « Vanneau ».

Đang mùa nước cạn, nước chỉ mấp-mé đáy sông, hai bên bờ trơ đá với cát. Quãng nào lắm đá chồi ở đáy sông lên, nước chảy xoáy qua, lại thành ra thác.

Mê-kông một dải nước trong veo,
Khuất khúc dòng sông thẳng lại queo.
Tầu chạy ngang rừng khi dưới núi,
Thuyền đi lên thác lúc qua đèo.
Áo xiêm sặc-sỡ người coi lạ,
Thôn-dã tiêu-điều cảnh vắng teo.
Dầu dãi ba tuần sương, nắng, gió,
Thử đi cho biết nước non Lèo.

Đến 10 giờ ngày mồng ba, tầu lại buông neo, để thuyền thả mái chèo, lên qua hai thác dữ : « Kèng Chóc » — « Kèng Sả », là hai thác lớn. Ở xa đã nghe tiếng nước chảy rào-rào, như báo tin sợ. Đến nơi trông bọt nước xô chảy trắng xóa, reo lên ầm-ầm. Có quãng, người đi lên bờ được; có quãng, đành ở dưới thuyền. Nhiều quãng hãi-hùng quá, nước sóng vào trong thuyền, mà thường khi thuyền không lái lên được. Người Lào lại lấy nắm xôi, để trên mũi thuyền, cúng ông thần Thác. Cứ quãng nào khó đi, ông Thác lại được ăn xôi. Đoạn rồi, lại qua một lạch sông nước chảy mạnh hơn thác. Chúng tôi lên bờ, trèo đá, lội nước, qua bãi cát. Xuống thuyền đi một quãng thì tối. Thuyền đậu bên sông, trên rừng dưới bãi-cát. Đêm hôm ấy, chúng tôi ngủ ở thuyền. Tất cả độ mươi người hành-khách, đi bốn chiếc thuyền. Mỗi chiếc có bẩy người Lào cầm chèo. Lúc bấy giờ, họ lên kiếm củi bắc bếp, để đồ cơm nếp. Ăn xong rồi, reo hát truyện trò, tiếng nói lứu-lô. Rồi cứ thế mà nằm ngủ ngổn-ngang ở bãi-cát. Người nào cũng đen trùi-trụi, đầu trọc lông-lốc. Ở lưng với hai bên đùi vẽ chàm, quấn cái quần nịt lên khỏi đầu gối, trông như quỉ-sứ hiện-hình ở trên dương-gian.

Chúng tôi ở trong thuyền, trông lên thì rừng xanh núi mù-mịt. Đêm nghe tiếng thác chảy xa xa, dế kêu ti-tỉ, nghĩ cảnh vừa buồn vừa nhớ nhà, chung quanh những nước non người, vẩn-vơ cảnh vắng nên vài câu thơ.

Thuyền ghé bên sông lúc bóng tà,
Trên rừng dưới nổi bãi phù-sa.
Dừng chèo thủy-thủ vui lên đất,
Yên giấc hành-nhân hoảng nhớ nhà.
Réo-rắt bên tai kèn chú Thác,
Mập mờ trước mắt bóng đi Nga.
Cợt người tiếng dế kêu ti-tỉ,
Mong chóng vừng đông ngó mặt ra.

Tới lúc mặt trời lên, thuyền đi ba chuyền đồng-hồ, đến tầu « Massie», 10 giờ tầu chạy; phong-cảnh như thường, chỉ thỉnh-thoảng lại thấy con cá xấu, mình đen đầu lớn, ngó lên mặt nước, (Giống cá này thường hay làm hại người, cho nên ai bắt được nó có tiền thưởng).

Cá tên là Xấu lạ-lùng thay !
Xấu bởi thân mày dở chẳng hay.
Há miệng những toan gì cũng nuốt,
Thế là thói xấu, tốt chi mày.

Bốn giờ chiều, tới Savannakhet, chúng tôi ở lại hai ngày ở trên tầu. Tỉnh này, tuy không được đông-vui lắm, nhưng ở xứ Lào, thế cũng đã là một thành-phố. Các cửa-hàng buôn bán, phần nhiều là người Ta với Khách, còn người Lào, cứ sáng lũ-lượt, rỏ rau gánh gà, kéo nhau ra chợ.

Sáng ngày khai - hạ, sang tầu «Garcerie», chạy lên Vientiane. Từ đấy trở lên, sông bằng nước phẳng, mà bờ bên hữu-ngạn thì thuộc về nước Xiêm. Tầu cũng ghé vào bến Xiêm. Gần bờ-sông có tỉnh « Nông khai » là vui, lính-tráng đi tuần-phòng, cách-thức binh-phục theo lối Ang-le. Cách một con sông, địa-giới ngăn ra hai nước.

Hôm sau, tầu tới Thakhek, đỗ lại lấy thơ ở bên ta tải sang. Tỉnh ấy có đường-bộ đi về Vinh, đi độ 15 ngày, người bên ta thường hay đi về lối ấy. Nhưng đường đi chưa được thông-đồng, còn nhiều quãng phải qua rừng trèo núi.

Tất cả vừa 3 đêm 4 ngày, lên tới Vientiane, lúc 5 giờ chiều ngày mồng mười tháng giêng. Chúng tôi thu xếp đồ-đạc lên bến-tầu, trời đã nhoá tối, đèn điện vừa máy. Phố xá vắng vẻ, lạ cảnh lạ người. Đường xá mừng đã đến nơi, còn công việc làm, cách ăn ở nay mai chưa biết thế nào.

.·.

Thành-phố Vientiane mới mở-mang trong mươi năm nay, coi đã lịch-sự. Phố-xá quang-đãng, có đèn-điện, có máy nước. Ngoài gần bến tầu, có dẫy phố khách bán hàng, gọi là « Phố-chệt ». Ở trong tỉnh, các nhà dân ngụ-cư, cũng ở ra hai bên phố; dân Lào thì ở riêng từng khu. Hai lớp chợ làm bằng gạch ở giữa tỉnh, người ta với người Lào, hằng ngày đến buôn bán; nhưng chợ chỉ họp từ sáng đến 10 giờ trưa thì tan.

Các công-sở thì có : Toà Khâm-sứ, tòa Đốc-lý, sở Kho-bạc, sở Công-chính, sở Kiểm-soát tài-chính, sở Điện-tín, sở Thương-chính với sở Sen-đầm. Còn cách cai-trị dân bản-xứ ở trong hạt thì thuộc về châu-mường.

Kinh-thành vừa một mẻo trung-châu,
Ba phía rừng xanh dưới bến tầu.
Chùa tháp năm xưa còn dấu Thái,
Lâu đài lối mới nhuốm mưa Âu.
Làm ăn vẫn cách dân mường-mọi,
Khai-hóa nhờ tay nước mạnh-giàu.
Họp mặt đông-vui người các xứ,
Lên đường tiến-hóa chẳng bao lâu.

Chùa Lào thấy lắm, mà nhiều cái đồ-nát; làm kiểu dọc như lối nhà-thờ. Trong chùa không có bài-trí đồ-thờ, không chuông cũng không mõ. Chỉ thấy lắm bụt, một ông bụt lớn ngồi giữa, thì hằng trăm ông bụt nhỏ để quây chung quanh bệ. (Nguyên ngày xưa người Lào có tục hoả-táng những người chết, đem xác thiêu, lấy gio để đúc tượng. Nhà giàu đúc bằng vàng bằng bạc; nhà nghèo đúc bằng đồng hay bằng đất. Rồi đem tượng ấy dâng lên chùa, để hồn-phách người chết được lên cõi Cựu-lạc.) cho nên lắm bụt, mà bây giờ thất-thác cũng nhiều. Lúc cúng Phật, thì bầy nhiều hoa, hoa mào-gà, hoa dâm bụt, v. v. . . không cứ gì hoa thơm. Lễ-vật thì xôi nếp với các thức hoa-quả. Các nhà-sư mặc áo mùi-vàng khoác lên trên vai như áo cà-sa; giọng họ tụng kinh cũng tựa như tiếng chư-sư bên ta. Sáng sớm hằng ngày, chúng-tăng đi từng lũ độ mươi người, đeo một cái cơi-đồng, để đi xin của thập-phương. Nào có gì đâu ! Các nhà dân Lào có lòng công-đức, đem rỏ xôi đứng đầu ngã-ba, thấy các sư đi qua, thì rón rén bốc bỏ vào cơi cho mỗi vị một nắm.

Trong một năm, mỗi chùa mở hội một lần (tiếng Lào gọi là « Bun »), ở trong chùa, các sư tụng kinh cầu Phật; chung quanh chùa làm những nhà rạp, để sư thập-phương đến ngồi trong, còn đàn bà con gái các nơi đến, trang-điểm lịch-sự, ngồi một hàng ở ngoài. Rồi đàn-ông con - trai, mỗi bọn độ mươi người, vẽ mặt hề làm trò, vác một cái kèn ghép ống-sậy, múa hát tròng ghẹo những bọn con-gái, trò-vè chỉ có thế, mà lắm sự nực cười.

Nghe nói Chùa-Lào mở hội « Bun »:
Rủ nhau lũ lượt tới chiền-môn.
Liu-lô trước bệ sư hòa-thượng,
Lố nhố trên tòa phật Thế-tôn.
Câu hát trêu hoa hoa hớn mặt,
Tiếng kèn bỡn nguyệt nguyệt say hồn.
Hội hè nào có trò-vè khác,
Lấy thế làm vui nức tiếng đồn.

Quá bên trong tỉnh, lại giáp rừng, có các dân Lào ở. Nhà làm tuyền một lối nhà-sàn ; trong nhà tối-um, trông ngoài lụp sụp. Ăn ở đun nấu cả ở trên; gà lợn trâu bò nuôi ở dưới. Cách cư-xử

cũng tựa như dân mường mọi ở trên mạn Thượng-du bên ta.

Cách may mặc thì bây giờ họ cũng bắt-chước lối người ta, xưa họ không biết. Đàn-ông quấn khố, đàn-bà vặn xiêm, còn áo mặc, hoặc kiểu Tây, hoặc kiểu ta. Đàn-bà nhiều người cũng cạo đầu, thường hay cởi trần, quấn cái khăn mùi ở trước ngực hay vắt lên bên vai. Ăn uống thì không có đũa bát, chỉ thò tay bốc. Cơm thì cơm nếp, nước thì nước lã; đồ-ăn lắm thứ lạ: cóc gác bếp, chuột phơi khô, xé ra nướng ăn; mắn cá « Pa-đẹt » (thức mắn cá ướp ngấu đen xì, hình như pha lẫn cám) là đồ-ăn thường-nhật của họ. Cách-thức làm lụng vẫn còn lối dã-man lắm.

Lưa-thưa mươi chiếc nóc nhà-sàn,
Thóc-lúa trâu bò để ngổn-ngang.
Lố-nhố những cô đầu trọc lốc,
Nhởn-nhơ các chú khố hoa quàng.
Nhà suông, vài rổ cơm xôi-trắng,
Chùa rỗng, giăm ông sãi áo-vàng.
Phong-cảnh tiêu-điều coi lạ mắt,
Dân lười đất bỏ mọc rừng hoang.

Ở bên này, thủy-thổ lành, khí-hậu thuận, không nóng lắm cũng không rét lắm. Sáu tháng nắng luôn, sáu tháng hay mưa. Quanh năm có một vụ lúa, cày cấy về mùa mưa. Sản-vật với súc-sinh cũng nhiều, lắm thức thực-vật ở bên ta mang sang, nhất là các giống rau.

Người nước Nam ta sang đây, buôn bán hay làm việc, nhân-số có tới hàng nghìn, mà phần nhiều là người ở Trung-kỳ.

.˙.

Đường mây dặm liễu, mắt vẩn-vơ coi, nước biếc non xanh, cảnh thay đổi lạ. Chúng tôi đi vừa một tuần trăng, qua sông vượt bể, lên thác xuống ghềnh; nay đã dừng chân thành-trấn, hóng gió sông Mê. Nước nên xa-lạ, phong-cảnh tuyệt-vời, dám đem ngọn bút, tỏ giãi mươi trang, lời thô-bỉ, câu quê-kịch, xin tường-thuật lại những cảnh-ngộ ở dọc đường trong bấy nhiêu ngày, thăm-thẳm trên sông mặt bể, dưới núi bên rừng, để ghi nhớ những sự từ bình-sinh đến giờ mới được từng biết.

Trong vòng trời đất sinh ra,
Bốn phương hồ-thỉ ấy là nam-nhi.
Hồ minh cũng đấng tu-my,
Trèo non vượt bể quản chi nhọc-nhằn.
Đường mây vừa một tuần trăng,
Sông Lào bể Việt dám rằng xa xa.
Lạ-lùng phong-cảnh coi qua,
Tôi xin tường-thuật nôm na mấy lời,
Văn-nhân tao-khách xem chơi.

Trải bao đông-tuyết tới xuân hoa,
Con tạo trêu ngươi khéo khéo mà!
Trời đất một bầu nào đã khắp,
Non sông muôn dặm quản chi xa.
Tấm-thân há dám vì danh-lợi,
Tấc dạ sao khuây nhớ nước nhà.
Cảnh lạ xin đem đầu bút giãi,
Cửa Ban đâu đó mùa rìu qua.

TRẦN QUANG-HUYẾN
Secrétaire à la Résidence supérieure au Laos
(Vientiane)

TIỂU-THUYẾT CỔ

LĨNH-NAM DẬT-SỬ(1)

嶺南逸史

VIII

HỒI THỨ IX

Ba lượt thỉnh-binh, khích-nộ Đốc-phủ,
Hai lần chiêu-hồn, man-quá Mai Anh.

Lý công-chúa từ khi bại-binh trở về, điểm xét binh-mã, ba phần mất đến một phần; lại chết mất hai viên đại-tướng, hai viên nữ-tướng, hơn 30 viên tì-tướng; và các đồ quân-trang khí-giới bỏ mất vô-thiên-số. Lý công-chúa nghĩ đau lòng thương tiếc khóc òa lên. Bèn sai người tô tượng Hoàng Phùng-Ngọc để ở bên tượng Đô-bối đại-vương; tô tượng Phù Ly, Phùng Lực-Mộc để ở hành-lang bên tả, tượng Dương Phiên-Phiên, Hứa Ngọc-Anh để ở hành-lang bên hữu. Công-chúa thân mặc áo trắng để tang, sai dựng một lá cờ trắng, bày đàn hướng tây điện-tế chiêu-hồn, khóc thực thương thảm! Cảm động cả ba quân đều rỏ nước mắt. Tế xong, lại sai người bày đàn chay ở trước cửa miếu, mời nhà sư đến hiến-cúng, để siêu-độ vong-hồn, một ngày hai buổi sớm tối công-chúa thân đến trước đàn dâng hương, lại thân đến những nhà có người tử trận ủy-lạo chẩn-tuất, cực kỳ chu-chuân, bởi vậy người nào cũng cảm lòng ân-đức. Tuy rằng sau khi tảng-bại, mà nhân-tâm vẫn phục-tùng vui vẻ, không tỏa-chí chút nào. Được ít lâu, công-chúa sai mời Phù Hùng, Đặng Bưu hai tướng đến trại trong, thi-lễ mời ngồi, công-chúa hướng vào Đặng Bưu rỏ nước mắt khóc mà nói rằng:

— Quân giặc Thiên-mã, giết chết mất chồng tôi là Hoàng-Lang, lại làm hại mất mấy viên đại-tướng; tôi cùng với quân giặc ấy thề không đội trời chung, xin thúc-phụ và cữu-cha nghĩ đến thể-diện Đô-bối đại-vương tôi trước, vì tôi mà bày mưu hoạch-kế, để báo thù tiết-hận cho tôi.

Công-chúa nói rồi, cúi đầu khóc nức nở.

Đặng Bưu nói:

— Việc báo-thù bây giờ chửa nên nói đến là vì có ba điều: 1° là quân bị-thương hãy còn chưa khỏi hết, nơi tảng-bại hãy còn chửa bổ xong, đó là một điều không nên. 2° là phủ khố không hư, quân-trang tàn-khuyết, đó là hai điều không nên. 3° là tôi vẫn nói muốn đánh La-bàng phi ba mươi vạn quân đánh không nổi. Nay Ngô đốc-phủ đã phải điều-khiển đến Bá-châu để đánh Dương Ưng-Long, bây giờ thụ chức Đốc-phủ là Súc-Nục chính là người đối-địch với ta xưa nay, xin quân giúp tất hẳn không cho nào, đó là ba điều không nên. Nay công-chúa hãy nên bắt chước như chúa Việt Câu-Tiễn nằm gai nếm mật, lo dưỡng sinh-tụ độ mười năm, giáo-huấn độ mười năm, đợi cho đến khi binh-mã tinh-cường, lương-thảo sung-túc, lại gặp được quan Đốc-phủ hiền-minh đáo-nhậm, bấy giờ sẽ thỉnh binh trợ-chiến, quân ta đi trước, quan binh tiếp theo sau, chia binh ra giữ các nơi yếu-hại, để chẹn đường quân giặc trốn chạy; như thế thời bình-định giặc Thiên-mã cũng

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 48.

chẳng khó gì, mà báo thù cho Hoàng-lang cũng dễ. Chớ như ngày nay thời tiểu-tướng không biết bày mưu-kế gì được cả.

Công-chúa nói :

— Tôi hễ nghĩ đến quân giặc lúc nào, thời đau lòng như cắt ! Nếu như lời thúc-phụ nói thời lâu-lai biết đến bao giờ, tôi đến đời chết cũng không hay rửa được hờn này hay sao ?

Công-chúa nói rồi, giẫm chân xuống đất, đấm ngực khóc lóc thương-thảm. Phù Hùng nói :

— Công-chúa nếu đã thương đau mà nóng nẩy như thế, thời phải sai người đem vàng lụa đến hối-lộ thỉnh-thác Súc Nục xem thế nào, hắn là đứa tham-bỉ, hoặc-giả tham vàng lụa của ta, chịu xuất binh ra giúp đỡ cũng chửa biết chừng.

Công-chúa nói :

— Tôi có một vòng ngọc-đới, đáng giá đến nghìn vàng, cũng xin hiến cho Súc Nục, nhờ cữu-phụ giúp cháu viết thư sai người đi cho, nếu được y thuận giúp binh, thời cháu chết mới nhắm mắt được.

Hai tướng nghe lời cáo từ lui ra, rồi viết thư sai Triệu Tín cầm đến cửa quân dâng nộp. Súc Nục mở thư ra xem, thư rằng :

« — Gia-quế sơn Kim-hoa công-chúa « Lý mỗ khấu bẩm Đại-nhân trưởng- « hạ : Vì việc khất xin đại-binh đi tiễu- « trừ quân giặc La - bàng để cho địa- « phương được yên tĩnh: Nguyên chúa « giặc La-bàng là Mai Anh chiếm-cứ « sơn-lâm, tàn phá châu huyện, đi « cướp bóc của người ta, lột da hút « máu, hơn 20 năm trời, nhân-dân sợ « hãi, nằm ngủ không được yên chiếu. « Tháng năm năm nay, bắt chồng tôi « là Hoàng Phùng-Ngọc, hiếp phải ép « duyên với con gái giặc, chồng tôi « thề chết không chịu nhục, thời bị « roi vọt nó đánh cho cực thảm, rồi « giam vào nhà tù tường đất, tuyệt « không cho ăn mà chịu chết. Quân « giặc nó hung-ngược như vậy, nếu « không chu-dệt sớm đi, thời nó tất « tràn khắp ra, tai hại không vừa, Cúi « xin Đại-nhân phát binh tiễu-trừ, tôi « xin đem quân bản-bộ đi tiền-khu, « nếu quét sạch được khí yêu-phân, « thời dân La - bàng may lắm ! mà « chúng tôi cũng may lắm v. v. »

Súc Nục xem thư xong, nổi giận đùng đùng xé tờ thư nát nhừ ra như cám ném quang xuống đất, mà rằng :

— Nó chỉ cốt báo thù cho chồng nó, mà lại mượn tiếng là vị dân, xin binh để giúp đỡ, quan binh triều - đình lại đem đi báo thù hộ cho nó hay sao ?

Nói rồi bên truyền tả hữu đuổi người cầm thư đi. Triệu Tín phải bị đuổi ra, khí tức uất lên, đứ mắt cứng mồm, dại cả người đi, phải thu xếp lấy lễ-vật lại đem về Gia-quế để bẩm-mệnh. Công-chúa nói :

— Súc Nục không chịu phát-binh đã đành, còn như tất cả các quan tỉnh không có một người nào sẵn lòng nhân - nghĩa cứu - dân, trung-tâm vị nước hay sao ? Tướng-quân nên lại đem lễ đến các nha-môn mà cố khẩn-cầu nhờ nói với Súc Nục hộ cho, họa may có được chăng.

Triệu Tín không nỡ trái ý công-chúa, cũng phải sắm sửa mười bao lễ-vật cực hậu, lại đem đến các nha-môn Tậm-ty Tuần-phủ, thỉnh - thác khẩn cầu. các quan đều nhận lấy lễ hối-lộ, hẹn cùng đến phủ Đô-đốc sẽ liệu lời xin binh hộ cho Lý công-chúa. Súc Nục nhất-định không nghe mà rằng:

— Các ông đã có nhận lấy lễ hối-lộ của con Lý tặc-tỳ thời cứ chiêu-binh mại-mã mà đi đánh báo-thù hộ cho hắn. Chớ như bản-hội-đường đây thụ-mệnh triều-đình, quyết không dám

đem binh-mã triều-đình đi giúp hộ việc cho người để đổi lấy lễ-vật !

Súc Nục nói rồi giơ tay vái một cái dài rồi lui vào nhà trong. Các quan phải Súc Nục nói mát cho mấy câu, đều thẹn đỏ mặt, lui ra về bản-nha không dám nhận lễ-vật của Lý công-chúa nữa phải nguyên-phong giao trả. Triệu-Tín lại nhận lấy đem về phục-mệnh, công-chúa thấy Súc Nục nhất-định không giúp binh, ngày đêm lo phiền khóc lóc, quên cả ăn cả ngủ, thành ra bệnh đau không dậy được. Phù Hùng thấy quang-cảnh như thế, tự nghĩ bụng rằng: « Trước kia Bao-Tư người Sở sang nước Tần thỉnh-binh, vua Tần không nghe. Bao-Tư phục ở trước sân khóc lóc, tiếng khóc nghe thấu đến trên đền rồng, ba ngày không thôi, khóc hết nước mắt rồi rỏ ra máu, bởi thế hay cảm-động được người nhà Tần phát binh để khôi-phục lại được nước Sở. Nay công-chúa thương lo như thế này, lũ ta sao nên tiếc mình, mà không giải lo hộ cho công-chúa. Ta phải nên bắt chước Bao-Tư thân đến cửa quân khóc-lóc khẩn-cầu, may ra cảm-động được lòng Súc Nục cũng chửa biết chừng. » Bụng nghĩ như vậy bèn thưa với công-chúa rằng :

— Xin công-chúa khoan-tâm, tiểu-tướng xin thân đến cửa quân khóc-lóc khẩn-cầu, may ra Súc Nục thương đến chút lòng trung thành của tiểu-tướng, chịu phát-binh ra tương-trợ, họa có thể giải được lo cho công-chúa chăng.

Công-chúa nghe nói cả mừng mà rằng :

— Xin cữu-phụ liệu lời kêu cầu cho khéo, cháu chỉ đành lòng ngóng đợi tin lành.

Phù Hùng bèn cáo-từ công-chúa, đi đến cửa quan Đốc-phủ, nhờ lính vào bẩm để vào yết-kiến. Súc Nục cự không cho vào. Phù Hùng bèn phục ở ngoài cửa quân khóc ầm lên. Quân-chúng thất-kinh bèn thét mà mắng rằng :

— Đây là chỗ nào có biết không ? mà mày dám rồ dại, đến chỗ này mà khóc lóc !

Phù Hùng nói :

— Triều-đình mà thiết-lập ra binh-lính, là để hộ-vệ nhân-dân, dân không được yên, thời thiết-lập ra binh để làm gì ? Chủ trại tôi chỉ muốn trừ hại cho dân, hưng-binh đánh giặc, vì quân giặc nhiều, quân mình ít mà phải giặc đánh thua. Đốc-phủ đại-nhân thống cả đại-binh cứ ngồi yên mà không cứu. Nay đã ba lần đến xin binh, mà đại-nhân vẫn không phát-binh ra cứu, chẳng hay ý ra làm sao ?

Phù Hùng nói rồi, lại khóc òa lên. Quân lính cầm roi vọt ra tay đánh đập. Phù Hùng lại càng khóc lóc thương thảm, động đến tai Súc Nục bèn hỏi rằng :

— Ở ngoài ấy cái gì mà om xòm làm vậy ?

Quân lính đem lời Phù Hùng nói bẩm lên. Súc Nục cả giận, sai lính lôi vào, chẳng hỏi han gì cả, cầm cái bàn cờ đập lên trên án thét sai nọc ra đánh. Thương thay Phù Hùng phải quân-sĩ giằng nọc ra trên mặt đất, đánh cho 30 côn, rách nát cả da thịt, rồi đuổi ra ngoài viên-môn. Quân-sĩ theo hầu vội vàng chạy lại cõng Phù Hùng về nơi nhà trọ, tìm thuốc cao thuốc dấu buộc vào chỗ bị-thương, rồi thuê kiệu, đưa về sơn-trại. Công-chúa đón vào, thời thấy đã gần chết ngất, chư-tướng đều cả giận, đồng-thanh mà rằng :

— Xin công-chúa phát-binh đánh phá tỉnh thành, chém lấy đầu Súc Nục rồi kéo thẳng đến núi Thiên-mã đánh báo thù, chớ lại chịu thế à !

Đặng Bưu can rằng :

— Cái nhục hôm nay, là bởi tại Phù tướng-quân. Khổng-tử có nói rằng : « Người không thể lấy lời bảo được mà

lại bảo, thì hoài mất lời » Súc Nục là đứa tiểu-nhân tham-tàn, y vẫn giận công-chúa làm nhục y ở trận đánh Lệ-pha, nếu Tô, Trương phục-sinh cũng không hay nói được cho y cảm-động. Huống chi đương đời bây giờ, mà muốn bắt chước làm như sự-nghiệp cổ-nhân, đến trước cửa quân kêu gào rầm rĩ, tài nào mà nó chẳng đánh cho nhục. Nếu công-chúa kíp muốn báo-thù, để tiểu-tướng bày một kế nhỏ này, khiến cho nó tự khắc phải cầu mình mới được.

Công-chúa hỏi :

— Chẳng hay kế ra làm sao ?

Đặng Bưu nói :

— Bây giờ nên khiến quân do-thám đi đến tỉnh-thành về đường huyện Đức-khánh, thả lời nói phao, bảo rằng : « Chúa núi Thiên-mã chực lại cướp phá tỉnh-thành, rồi bên đông đánh lấy đất Huệ-hồ, bên tây lấy đất Lệ-khẩu, để lo toan dựng nghiệp như Úy Đà, hiện bây giờ ở trong sơn-trại ngày đêm rèn tập, chẳng bao lâu tất có việc binh-qua ». Nói phao lên thế thời dân sự nghe thấy tất là kinh-hoảng, tin-tức ấy truyền vào trong thành. Bọn quan binh kia chẳng ra trò gì đâu, hễ nghe thấy tiếng quân giặc Ngũ-hao thời tất là hồn bay phách lạc, nay mà nghe tiếng quân giặc đến phá thành, thời tất thế nào y cũng phải cần đến ta, phát-binh ra trước để chống chế hộ. Song kế ấy không nên vội vàng, cứ thong thả mà làm, thời mới không đến nỗi họ khám-phá được.

Công-chúa bấy giờ không biết nghĩ sao, phải chịu dẹp cơn tức-khí nóng nảy, để nghe cho họ tử-đồ mưu việc. Thực là :

Tấc lòng đau đớn vì đâu,
Tức gan mà phải gượng sầu làm vui.

Nói về Phùng-Ngọc ở núi Thiên-mã ngày ngày hằng nói với Mai tiểu-thư buông tha ra để xuống núi đi tìm Trương, Lý hai nàng, và về nhà thăm cha mẹ, rồi sẽ tái-lai cùng ở với Mai tiểu-thư. Mai tiểu-thư nói :

— Thưa lang-quân, bây giờ đương buổi tàn-đông, gió bể đòi cơn khẩn-cấp, xin lang-quân ở lui lại ít bữa, cho qua hết mùa đông này rồi ra đi cũng chẳng trễ gì. Nay hoa mai vừa nở, thiếp xin cùng với lang-quân hãy tới hiên nam rót chén rượu thưởng-mai đã nào !

Tiểu-thư nói rất lời liền dắt tay Phùng-Ngọc đưa vào mái nam-hiên ở đằng sau trại cùng ngồi chơi. Khi ấy khí trời vừa tiết tiểu-xuân, hoa mai đã thấy lơ thơ nở đôi ba bông trắng xóa. Phùng-Ngọc trông thấy hoa mai lại càng thêm bụng nhớ nhà, buồn rầu trăm nỗi, ngổn ngang bên lòng !

Hoa sao hoa khéo não-nùng, cảnh xuân như giục tấm lòng thần-hôn !

Mai tiểu-thư sai tả hữu bày ra tiệc yến, cùng mời Phùng-Ngọc uống độ vài chén, liếc mắt trông Phùng-Ngọc thấy ra ý buồn rầu, vì thế Mai tiểu-thư trong bụng cũng không vui, cúi đầu xuống mân-mê đầu dải yếm không buồn nói câu chuyện gì cả. Trong đám thị-tì có một tên gọi là Ngọc Tiêu tính rất thông tuệ, tài lựa biết ý chủ, thấy hai người uống rượu ra dáng buồn bã, bèn chạy lại thưa rằng :

— Con thật chẳng có điều hiếu-kính chi đủ làm vui lòng cho chủ, nay con xin hát một câu để chúa-công với tiểu-thư nghe có được chăng ?

Mai tiểu-thư gật đầu. Ngọc Tiêu bèn cầm cái phách ngà gõ lên, tiếng đồ hồi như oanh ca yến hót, bèn hát lên một câu rằng :

Chị em ơi, nỗi tương-tư !
Phong-lưu biết đợi bao trừ gặp nhau ?
Gió bay hoa rụng dãi dầu,
Hoa kia đứng mãi trên đầu cành [được chăng ?

Mai tiểu-thư nghe thấy câu hát có lý-thú, bèn mỉm miệng cười mà rằng :

— À câu hát thú-vị sao ! tự mày làm ra đấy chớ ?

Ngọc Tiêu nói :

— Thưa phải, chẳng bõ nghe bẩn tai !

Mai tiểu-thư sai thưởng cho một chén rượu, Ngọc-Tiêu cầm lấy chén rượu, cười khanh khách, đưa đến trước mặt Phùng-Ngọc mà rằng :

— Chúa-công chửa uống, tiểu-tỳ sao dám hỗn-hào.

Phùng-Ngọc nói :

— Tỳ-nhi, mời tiểu-thư cùng uống một chén, mày rót rượu hầu đi.

Ngọc Tiêu liền cầm cái hồ đến trước mặt tiểu-thư rót dâng một chén, rồi lại tự rót lấy một chén cung-kính lễ-phép cầm đứng trước mặt hai người uống hết. Tiểu-thư nói :

— Tỳ-nhi mày lại hát được một câu nào nữa rõ thật hay, thời ta với chúa-công lại thưởng cho mày chén rượu nữa.

Ngọc Tiêu nghe lời, lại cầm phách ngà gõ dịp, hớn hở du-dương, lại lên giọng hát một câu rằng :

Tre kia một gốc ba ngành,
Tốt sao mà lại nầy cành không hoa ?
Lúa kia xanh tốt rườm rà,
Đợi chờ chi đó ai là người vin bông?

Phùng Ngọc trông thấy Ngọc Tiêu là người xinh-xắn trắng chẻo mềm mại, tóc bỏ chấm vai, đã động lòng yêu mến, lại nghe tiếng hát lanh-lảnh, lẳng lơ bữu-tình, câu hát nào cũng có ý nói đả-động đến mình, tự-nhiên bựt ra nhoẻn cười. Mai tiểu-thư trông thấy cả mừng, liền rút cái kim-thoa gài trên đầu đưa thưởng cho Ngọc Tiêu mà rằng:

— Chúa-công từ ngày đến sơn-trại đến giờ, không thấy một tiếng cười, nay mày ca một câu mà làm cho chúa-công phải mỉn cười, chẳng nên trọng-thưởng hay sao ?

Ngọc Tiêu không nhận thưởng vội, chỉ cười khanh-khách mà rằng :

— Lời ca quê kệch chẳng bõ rườm tai, đâu dám nhận lấy trọng-thưởng. Chỉ xin mời chúa công với tiểu-thư cạn hết chén rượu này, tôi còn có câu ca này xin hiến-tiếu một thể.

Phùng Ngọc thích ý uống hết chén rượu. Ngọc Tiêu lại gõ dịp hát bắt đi bắt lại mà rằng ;

Rừng kia cây mọc xanh rì,
Chàng ơi ! lòng thiếp chàng thì có hay?
Thấu chăng lòng khổ thiếp này ?
Lòng này biết tỏ bấy chầy cùng ai?

Ngọc Tiêu hễ hát lên một câu lại cố ngân mãi ra giọng chua xót thê-thảm, như oán, như thương, như rên, như khóc, làm cho Mai tiểu-thư phải thổn-thức lên lăn vào lòng Phùng-Ngọc khóc nức-nở mãi, Phùng-Ngọc lấy khăn tay lau nước mắt cho tiểu-thư, mà rằng :

— Tiểu-thư ơi ! Tiểu-thư có lòng yêu tôi lắm, tôi lại chẳng biết hay sao? Song chỉ có một điều là bảo tôi bỏ người cũ mà thương yêu người mới, thời tôi tự vấn-tâm tôi sao đang ?

Ngọc Tiêu lại cười khanh-khánh mà hát lên rằng :

Nọc ong kia nho nhỏ mà đau,
Hương dầu kia mát mát, mà thơm lâu ai cũng dùng.
Chàng ôi ! Đẹp như nàng, chàng chẳng yêu cùng,
Gan chàng họa sắt, mới không yêu đến nàng, nàng ơi !

Ngọc Tiêu hát vừa rứt lời, làm cho Phùng Ngọc và Tiểu-thư cười ầm cả lên, ba người đương vui cười thích-ý, chợt có tên nữ-binh vào quì gối mà bẩm rằng :

— Thưa tiểu-thư, đại-vương đã trở về sơn-trại.

Mai tiểu-thư đứng dậy bảo Ngọc Tiêu rằng:

— Ngươi ở đó bồi-tiếp chúa-công, hãy ngồi thong thả uống rượu, để ta ra nghênh-tiếp đại-vương.

Lại ngảnh về Phùng-Ngọc mà rằng:

— Mời lang-quân hãy uống thêm vài chén, tôi chạy ra một lát, lại trở vào ngay.

Phùng-Ngọc nói :

— Tiểu-thư cứ tự-tiện, lượng rượu tôi ít lắm, đã thấy hơi say rồi.

Mai tiểu-thư cáo-từ Phùng-Ngọc, trở ra đàng trước trại thời thấy Mai Anh và Gia-Cát Đồng đã đánh tan được binh-trại Gia-quế thu quân trở về đến trong trại, thấy tiểu-thư ra đón, hai người đều nghênh-tiếp mời ngồi. Gia-Cát Đồng chắp tay mà rằng :

— Cung-hỉ tiểu-thư, Lý công-chúa đã xong đời rồi !

Gia-Cát Đồng lại tán rằng:

— Lý công-chúa dụng-binh thực là giỏi! vào mãi chốn hiểm-trở như là mắc vào trong bẫy, thế mà còn giết được hơn năm vạn quân ta và hai viên đại-tướng. Nếu tài hèn này không lâm-cơ ứng-biến, xuất-kỳ cho nhanh, thời xuýt nữa cũng hỏng !

Mai tiểu-thư đứng dậy cảm tạ mà rằng:

— Thực không ai bằng quân-sư, song bây giờ nói với Hoàng-lang làm sao vậy?

Gia-Cát Đồng nói :

— Việc đó tôi đã nghĩ tới rồi, tiểu-thư với đại-vương nói ra không tiện, ngày mai ta cứ làm như thế . . . Nếu y có nói điều gì, cứ đổ chút tội cả cho tôi, đại-vương với tiểu-thư thời đứng ngoài cứ liệu chiều mà chuyển-bát.

Mai tiểu-thư nói :

— Quân-sư mưu-kế cực-diệu! thực là lựa hết được cả nhân-tình.

Tiểu-thư nói rồi từ biệt trở vào.

Ngày hôm sau, Gia-Cát Đồng sai người mời Mai Anh với Phùng-Ngọc đến trại dự yến tiệc.

Mai Anh hỏi :

— Chẳng hay thừa-ý tốt của quân-sư mời đến có việc chi ?

Gia-Cát Đồng thưa :

— Từ khi Hoàng tướng-công đến sơn-trại này, bất-tài này chửa được hầu tiếp ; hôm nay vô-sự, nên mời đại-vương với Hoàng tướng-công tới đây, để chúng tôi được hầu tiếp chén rượu. Tôi có một câu này thưa với Hoàng tướng-công, xin tướng-công lượng-thứ cho nhé.

Phùng-Ngọc cầm lấy chén rượu mà rằng :

— Xin quân-sư cứ nói cho nghe.

Gia-Cát Đồng nói :

— Thưa tướng-công, tướng-công cùng với Mai tiểu-thư tôi kết-duyên, không biết đứa nào thóc mách, nói cho Lý công-chúa ở trại Gia-quế biết, Lý công-chúa cả giận, đem binh sấn đến đây, thanh-ngôn bảo là đến chém lấy đầu tướng-công. Tôi tức y nói lời bất-tốn, mới thi tiểu-kế, đánh cho binh-mã y ôm đầu mà chạy tán-loạn, Lý công-chúa không may bị ngựa giẫy chết ở núi Nha-cốc cửa bể La-bàng, vậy xin bẩm để ngài biết.

Phùng-Ngọc nghe nói xong, chén rượu cầm trên tay không biết là rơi xuống lúc nào, ngất đi một hồi lâu, rồi hỏi rằng :

— Việc đó có thực hay không ?

Gia-Cát Đồng thưa rằng :

— Sao lại không thực.

Liền bảo tả-hữu đem cái áo bào cắt lấy được của công-chúa ra, vừa nói vừa giơ lên cho Phùng - Ngọc xem. Phùng-Ngọc xem thấy cái áo hồng-cẩm-bào máu rây đầy cả, đích-thị là của Lý công-chúa, liền khóc òa lên một tiếng, ngất đi ngã lăn xuống đất, tả

hữu vội vàng đỡ dậy, một lát mới hơi tỉnh-tỉnh, lại khóc òa lên, trông thấy trên vách có treo một thanh kiếm, đứng phắt dậy lấy xuống cầm ở trong tay, mà rằng:

— Công-chúa ơi ! Công-chúa vì tôi mà chết, tôi còn sống làm gì nữa !

Nói xong, cầm thanh kiếm giơ lên toan đâm vào cổ. Tả-hữu vội vàng giữ lại. Gia-Cát Đồng liền lẩn cút mất. Mai Anh quì trước mặt Phùng-Ngọc mà rằng :

— Đó đều là tại quân-sư làm bậy, xin tướng - công nể mặt chị em tôi, nguôi bớt cơn giận lôi-đình đi cho.

Phùng-Ngọc khi nào lại nghe, vẫn cứ làm rầm lên. Chợt đâu Mai tiểu-thư khóc lóc đi vào, rủa mắng cho Gia-Cát Đồng một hồi, rồi cùng với Mai Anh đều cầm lấy tay Phùng-Ngọc mà khuyên - giải, Mai Anh nói uý-giải một hồi lâu, rồi từ ra về. Phùng-Ngọc biết rõ rằng bọn họ âm-mưu lập-cục làm hại mất công-chúa của mình, thương thay công-chúa là người tình-thâm nghĩa-trọng, nay chỉ vì mình mà bỏ thây nơi khoáng-dã, thương kẻ thác oan, đòi cơn gió tát mưa sa, khóc rồi lại khóc, thương đà lại thương; nghĩ đến tình kia nỗi nọ, lại lắm lúc thiết-tha tưởng, bèn giậm chân vỗ ngực, dập đầu xuống đất mà khóc. Thực là:

Tằm kia đến chết tơ còn vướng,
Sáp nọ gần tàn lệ chửa khô.

Một hôm đầu trống canh năm, Phùng-Ngọc trở dậy viết hai phong thư, mật phong kĩ-lưỡng đợi đến sáng rõ, cho người gọi Hoàng Hán đến, sẽ dặn bảo rằng:

— Hai phong-thư này: một phong đưa về cho Trương tiểu-thư, một phong đưa về cho cha mẹ ta, mày phải giữ cho kín; hễ sau khi ta chết rồi, nó lưu giữ mày cũng vô-ích, thời mày đi về hộ tao đem lời về từ-tạ Trương thái-công và Trương tiểu-thư, xin nàng trân-trọng lấy mình, kiếp này dầu phụ-ước, kiếp sau xin làm thân trâu ngựa đền nghì Trúc Mai.

Hoàng Hán nghe nói, thất-kinh, khóc mà rằng :

— Trương-công sao nói gở làm vậy?

Phùng-Ngọc nói :

— Quân giặc này tàn-ngược sinh-dân, không bao lâu triều-đình tất đem binh lại tiễu - trừ; ta nếu ở mãi trong đám giặc này, không chết sớm đi, thời tất di-lụy đến cha mẹ, đó là một điều. Chốn sơn-trại này trùng-sơn điệp-chướng, đường núi quanh co, mà đồn giặc lại như tinh-la cơ-bố, nếu không chết đi, mà mình lại lẩn trốn, tất là nó bắt được, bấy giờ phải bị nhục thời xấu quá, đó là hai điều. Lý công-chúa là người trung-trinh tiết-nghĩa, chỉ vì ta mà thác ; nay ta lại cùng với gái giặc cùng chung chăn gối, ăn của nó mặc của nó, đành chịu nhẫn-nhục tham-sinh, như thế thời là Phùng-Ngọc này giết chết công - chúa chớ không phải là giặc giết Lý công-chúa, ta nghĩ điều ấy thời nên chết lắm, đó là ba. Ấy có bấy nhiêu lời, mày có bụng trung-thành yêu chủ, thời nên làm trọn nghĩa cho chủ để toàn-danh cho chủ, chớ có để lỡ-làng.

Hoàng Hán nghe nói, lạy cúi đầu khóc lóc, giả cách vâng lời rồi lui ra, vẫn giấu bặt chuyện không nói, song chỉ đem cái ý Hoàng-lang nghĩ thương tình Lý công-chúa chực muốn tự-vẫn, mật sai người báo tin cho Mai tiểu-thư biết. Tiểu-thư nghe nói cả kinh mà rằng:

— Thế ra mình muốn yêu lang-quân mà lại hóa ra làm hại lang-quân.

Liền hỏi tả-hữu : Chúa-công ở đâu? Tả hữu thưa rằng:

— Chúng con thấy chúa-công khóc lóc đi về đàng sau núi.

Mai tiểu-thư vội vàng bỏ cả đồ trang-sức đi chân không chạy đến đàng sau núi, thấy Phùng-Ngọc lấy một tờ

giấy trắng làm cái phướn chiêu-hồn viết rằng : « *Cố-thê Kim-hoa Lý công-chúa chi hồn* » Cắm về đàng phía đông rồi lấy một khối đất làm đàn thắp hương tế lễ khóc lóc chiêu-hồn, lễ xong lấy cái phướn trắng đốt đi, rồi vén áo muốn nhảy lên trên hốc đá cao. Mai tiểu-thư chợt đâu chạy lại ôm lấy khóc to lên mà rằng:

— Lang-quân ơi ! thiếp đã biết tội rồi, lang-quân nên thứ tội cho thiếp dại dột, thời thiếp xin tô-tượng công-chúa, chung-thân phụng-thờ để chuộc cái tội trước ; nếu lang-quân nhất định không thứ cho thiếp thời lang-quân bất-tất phải liều thân, xin cứ chém đầu thiếp để báo-thù cho công-chúa.

Tiểu-thư nói rồi khóc thảm-thiết, Phùng-Ngọc thấy tình-trạng như thế bèn dựng đôi lông mày lên nghĩ ngay ra một kế mà rằng :

— Nàng ơi ! nàng bảo tôi tha cho nàng tội gì mà ? nếu vậy, thì nàng phải cùng với tôi đến núi Nha-cốc, thu lấy hài-cốt công-chúa, khâm-liệm lại đem chôn rồi mời nhà sư làm chay siêu-độ cho nàng mới được. Nếu không thế thời tôi phải xuống dưới suối vàng tìm cho thấy công-chúa mới nghe, không lẽ nào lại cùng với nàng là đứa đố-phụ cùng ở một ngày nào nữa !

Mai tiểu-thư thưa rằng :

— Chàng dạy sao thiếp cũng xin tùng-mệnh.

Phùng-Ngọc nói :

— Trước kia ở núi Thổ-sơn có giao-ước ba việc, thế mà chớp mắt đã sai hết, người mán mèo da-trá, ta không thể tin được.

Mai tiểu-thư nghe nói, liền qui về hướng đông trỏ mặt trời mà rằng :

— Thiếp nếu nói ra, lại ăn lời, thời đã có mặt trời kia !

Phùng-Ngọc thấy tiểu-thư thề-nguyền quả-quyết, bấy giờ mới nghe lời bèn cùng nhau xuống núi trở về trại. Tả hữu đem dâng cháo nhân-xâm, tiểu-thư đỡ lấy, thân cầm thìa ngọc điểu-hòa đưa đến trước mặt Phùng-Ngọc mà rằng :

— Chàng ơi ! chàng đã ba ngày hôm nay không ăn tí gì, xin chàng cố gượng thìa này.

Phùng-Ngọc lấy tay hất ra mà rằng:

— Cổ tôi còn nghẹn tắc lên đây, không thể nào nuốt được.

Tiểu-thư đứng tựa bên mình mà rằng:

— Xin khuyên chàng cố gượng một thìa này.

Phùng-Ngọc cứ dựa ghế không nói gì cả, Mai tiểu-thư đặt chén cháo trên bàn dựa nghế ngồi cúi gục đầu xuống. Phùng-Ngọc chợt xoay đầu trông thấy nàng rầu rĩ thương tình, không cầm lòng đậu, bèn bảo rằng :

— Nàng ơi ! đứng dậy mà chải đầu đi chứ.

Mai tiểu-thư nói :

— Chàng ơi! chàng còn chẳng tiếc gì thân nữa là thiếp còn cần gì vuốt ve trang-sức.

Tiểu-thư nói rồi khóc nức nở. Phùng-Ngọc phải cố gượng bước tới trước án cầm lấy chén cháo húp vài thìa. Mai tiểu-thư khi ấy mới sai tả-hữu đem cái đôn-hoa đến để ngồi gần bên đùi Phùng-Ngọc, sai Ngọc-Tiêu gỡ tóc trang chải vuốt ve. Lại truyền cho : « Ti-tướng kén lấy 500 quân-sĩ sáng sớm mai phải kéo đến núi Nha-cốc, dựng lấy ba gian nhà gianh, và cho gọi lễ-sinh, phường-nhạc, cùng đồ lễ-nghi, quan-quách khâm-liệm đều phải dự-bị cho đủ, ngày mai ta sẽ cùng với chúa-công ra đó để làm lễ liệm-táng công-chúa, không được lầm lỡ, nếu sai thời phải trọng-phạt đó. » Tên ti-tướng vâng lệnh ra đi. Sớm ngày mai, Mai Anh đến dinh chơi, yết-

kiến Phùng-Ngọc xong, trông vào Mai tiểu-thư mà hỏi rằng:

— Tôi nghe hai anh chị sắp sửa đến núi Nha-cốc để làm lễ liệm-táng công-chúa, xin cho em cùng đi để ra trợ-lễ được chút nào chăng.

Mai tiểu-thư vâng lời. Mai Anh bèn dắt tay Phùng-Ngọc đưa ra trước trại, xơi cơm xong, rồi cùng lên ngựa, tiền-hô hậu-ủng, kéo đến núi Nha-cốc. Khi kéo đến nơi tiến vào nhà rạp. Quân-sĩ đã đem thây Hứa Ngọc-Anh rửa sạch, mặc áo bào đội mũ để yên trong quan, trên mặt phủ một vuông hồng-cẩm, chực đợi Phùng-Ngọc đến nơi xem xét rồi mới đậy áo quan. Khi Phùng-Ngọc đến trông thấy bước rảo lên đến bên thây, mở vuông hồng-cẩm ra thời thấy mặt mày sây sát nát cả ra không còn biết đâu mà nhận được nữa. Phùng-Ngọc bấy giờ cũng không ghê gì bẩn thỉu, phục ở bên thây khóc lóc rầm rĩ, khóc đến nỗi thảm-tình húc cả đầu vào thây mà khóc. Mai Anh vội vàng dỡ ra một bên, tả-hữu liền đậy nắp áo quan lại. Phùng-Ngọc hãy còn kêu trời kêu đất khóc cực thê-thảm. Thế mới biết:

Thánh-nhân khóc vì đạo,
Thời-nhân khóc vì sắc.

Dụng tình dẫu khác nhau,
Thương tâm đều một mực.

Mai Anh khuyên rằng:

— Người chết rồi dẫu khóc cũng không thể nào sống lại được, xin tế-huynh bảo-trọng lấy quí-thể, để mà liệu-lý việc công-chúa cho xong là hơn.

Chợt có tên ti-tướng đến bẩm rằng:

— Cát-huyệt của công-chúa để về phương nào? xin đại-vương trỏ bảo cho, để chúng tôi cho thợ hưng-công chúc-tạo.

Phùng-Ngọc nói:

— Nay phải tìm một nơi cát-huyệt, ngày sau không có làm đường sá, thành-quách gì đến, và không cày bừa chi đến, nước lớn cũng không lo xung-phá chi cả, thời mới là nơi thiện-địa.

Mai Anh bèn dắt tay Phùng-Ngọc mà rằng:

— Tôi với tế-huynh ta cùng đi dạo-sơn-thủy xem sao?

Phùng-Ngọc bèn đứng dậy cùng Mai Anh lên ngựa, đi về đường Lệ-oa gần núi Nha-cốc xem qua, đều bảo rằng không được tốt; lại đi tới xem đảng trước núi Đại-tiến, Phùng-Ngọc trỏ ngọn núi Cẩm-thạch, giả cách không biết mà hỏi rằng:

— Kìa núi kia là núi chi?

Mai Anh nói:

— Đó là núi Cẩm-thạch.

Phùng-Ngọc nói:

— Núi ấy cây cỏ đến mùa đông mà vẫn tươi tốt, tất là có vượng-khí chung-linh, tôi với đại-vương ta thử ra xem thử.

Mai Anh muốn thuận chiều ý Phùng-Ngọc liền nghe lời xin vâng. Bèn cùng qua đò Nam-giang lên núi Cẩm-thạch, thấy về mặt chính-tây núi, sông nước hồi-hoàn, phong-loan triều-củng. Phùng-Ngọc nói:

— Đảng núi này long-hồi hổ-phục, thực là nơi cát-địa, xin để ở đó là yên.

Mai Anh ngẩng đầu lên xem thời quả là nơi phong-tàng thủy-tụ, bèn gật đầu mà rằng:

— Tế-huynh nhãn-lực xem thực đích-đáng!

Liền sai quân-sĩ di-doanh đến đóng ở núi ấy, sai hưng-công đào huyệt, không đầy ba ngày khởi đắp nên một ngôi phần-mộ lớn, rước áo quan Hứa Ngọc-Anh, chọn ngày giờ tốt an-táng. Phùng-Ngọc lại lấy một tấm vải trắng viết làm một cây trảng-phan, đến núi

Nha-cốc chiêu-hồn rồi dẫn về nơi mộ, cử-ai điện-tế, Mai Anh cũng thắp hương vào lạy. Tế xong, ban thịt tế cho quân-sĩ, bày ra ở trước mồ uống rượu, nào là rượu từng bát, thịt từng mâm, hoan-hô túy-lý, uống đến hết canh một mới tan tiệc đi ngủ. Quân-sĩ phải mấy ngày khó nhọc luôn, tối đến lại uống hàng bát rượu, đều ngủ ngáy khò-khò tiếng kêu như sấm, gần đến trống canh ba, Phùng-Ngọc nghĩ ngay ra rằng : Bây giờ không trốn đi còn đợi đến bao giờ. Bèn sẻ-sẽ trở dậy, rón-rén bước ra ngoài trại, đi lần bước xuống núi, không tưởng chi là gai góc đá sỏi cứ bước chân đi, trong đám cỏ rậm trăng mờ, dò được con đường nhỏ cứ theo men sông mà đi, đi qua ba bốn quả núi đá trong bụng hoang-mang, không đề-phòng chi cả ; sương xuống rêu trơn, tiếng suối róc rách, không ngờ trượt chân một cái sa xuống sông Tường-kha. Thực là :

Phúc lành đem tới không kỳ hạn,
Vạ dữ dồn cho cũng lắm khi.

ĐÔNG-CHÂU dịch

Còn nữa

NỮ-HUẤN CA

(Truyền rằng của quan Bình-hồ Nguyễn. . . khi ngài tri-phủ Nam-sách làm ra).

Bình-hồ đất nước nhà ta,
Văn-chương chữ nghĩa kể đà thiếu chi.
Ca nôm răn dạy nữ-nhi,
Trước nghe chưa có nay ghi gọi là.
Lựa vần chắp nhặt gần xa,
Tỏ cho con cháu trong nhà được hay.
Con trai học bạn học thầy,
Xem trong sách chép đã đầy phải chăng.
Gái nương cửa kín như bưng,
Khác nào chim chích vào rừng biết đâu.
Vậy nên dặn bảo nông sâu,
Tỉ tê thóc mách gót đầu kể ra :

Khi còn ở với mẹ cha,
Phải chăm chút lắm mới là đạo con.
Dẫu sao chớ mỏi chớ chồn,
Sớm khuya vật lạ của ngon khuyên mời.
Khi ăn, đứng lại gần nơi,
Miếng gì cho biết tính người là ưa.
Áo quần nên giặt thời thưa,
Nhắc người tắm gội không chờ phải sai.
Sẵn sàng chỉ quấn kim cài,
Phòng khi rách gấu sờn vai đính vào.
Của gì người đã ước ao,
Mấy sông cũng lội mấy rào cũng chui.
Hoặc khi trái nắng giở trời,
Thuốc thang chực mọc nằm ngồi nâng [niu,
Phải khi giận dữ trăm triều,
Đánh ra cửa trước bước vào cửa sau.
Chắc mình phải trái cứ đâu,
Chớ sầm con mắt chớ cau lông mày.
Quạt nồng đắp lạnh cho hay,
Ăn sau dậy trước ngày ngày chớ sai.
Mười phần hiếu vẹn cả mười,
Bên chồng thời cũng một bài như nhau.

Đến khi bước về làm dâu,
Đất lề quê thói cơ mầu phải trông.
Trước tiên chào bác mẹ chồng,
Tính người nhạt nhẽo lạ lùng dễ đâu.
Gặp người khe khắt cơ-cầu,
Phải nhanh tiếng dạ phải mau nết làm.
Dù canh dù cháo dù cơm,
Dò la tôi tớ trông nom ý người.
Già nua xấu nết lắm lời,
Dẫu làm sẵng bỗ cũng tươi cũng cười.
Chồng yêu mình một hay mười,
Chớ vênh vào mặt ra người trêu ngươi.
Lường-ương mới thực dại đời,
Càng thêm tổ ghét cho người ích chi.

Phu-thê là đạo xướng-tùy,
Sỏ nhân lỗ mũi kể gì người dưng.
Theo chồng như cối theo giàng,
Hễ mà sửa vượt qua đăng chẳng lành.
Gặp chồng là kẻ học hành,
Tìm thày nuôi bạn dỗ-dành kiếm phương
Chớ đeo huê-nguyệt thói thường,
Để công đèn sách trễ-tràng tại ai ?
Gặp chồng là kẻ giông giải,
Khi mê ta sẽ liệu bài can ngay.
Dần dần êm đẹp thời hay,
Hễ già néo lắm thời dây không còn.
Đành-hanh đâu có người khôn,
Qui gì những thói đa-ngôn lăng-loàn.
Chồng yêu ơn đội muôn vàn,
Càng thêm kính-trọng dám nhờn dám [khinh.
Nhà mình phú-qui hiển-vinh,
Chồng nghèo cũng chớ cậy mình thờ-ơ.
Dù ai hay tám nghìn tư,
Trăm năm chẳng khỏi cậy nhờ phu- [quân.
Tuổi cao là số muộn mằn,
Tìm người sửa túi nâng khăn đỡ mình.
Dù chàng ba bảy tiểu-tình,
Mấy con thời cũng con mình ? con ai,
Sợ chồng vả lại thương người,
Khôn mừng dại dạy chớ hoài chấp chi.
Ghen tuông nào có hay gì,
Tan nhà mang tiếng bất-nghĩ vào thân.
Sao bằng tu lấy chữ nhân,
Hiền lành để đức đến phần mai sau.
Những người ác độc hiểm sâu,
Gương treo tầy liếp trên đầu thử trông.

Anh em vây cánh nhà chồng,
Trời cho càng lắm càng đông càng [mừng.
Lẽ nào mặt vực mặt lưng,
Rút dây chẳng sợ động rừng khéo hay.
Lại còn những thói thày-lay,
Đêm hôm ỏn-thót đặt bày chuyện ra.
Vì đâu máu mủ nên xa,
Tội trời ai chịu rõ mà nghĩ xem.
Nhờ con chị cỗng con em,
Lá lành đùm rách chớ hiềm đầy vơi.
Lời rằng sểnh *đó* ra *thời*,
Của anh của chú cũng người nhà ta.
Khó nghèo số phận sinh ra,
Cùng bất-đắc-dĩ ai mà muốn chi.
Ma, chay, giỗ, tết việc gì,
Mình giàu đừng có suy bì với ai.
Ngón tay còn có ngắn dài,
So tầy vạc nhọn nhiều lời xấu xa.

Chị em con cái ruột già,
Yêu nhau như thể cành hoa trong lồng.
Cả khôn ai nấy theo chồng,
Mỗi người một xứ ở cùng mãi đâu.

Trong nhà cùng bạn làm dâu,
Việc gì ta sẽ bảo nhau chớ hờ.
Khác nào như thể chơi đu,
Nhún người một chút nọ chớ thi gan.
Cũng đừng tranh-cạnh đa-đoan,
Chìa môi rầu mỏ là đoàn nhuốc nha.

Khi anh em rể đến nhà,
Dẫu thân cho lắm chớ hoà đấy đây.
Kẻo mà mẹ nó dì mày,
Tiếng đời cửa miệng rửa ngày nào phai.

Trong nhà tôi tớ con trai,
Việc gì cũng chớ rỉ tai nói cười.
Tay đưa chớ giáp gần nơi,
Lửa gần rơm đã có lời ví xưa.
Lẽ nào vô-ý làm lơ
Áo chung-lộn vắt cửa thơ-thớt giàng.

Đêm đi không đuốc thì đừng,
Kẻo mang tăm tối chuyện sằng tiếng oan.
Ngay cho chết cũng rằng gian,
Vườn dưa chữa dép ai bàn không nghi.
Quanh-co dối trá hay gì,
Dấu voi khôn kín đường đi hay cùng.
Một mai việc chẳng bưng bồng,
Nhất sự bất-tín ai hòng còn nghe.
Vậy nên một mực giữ dè,
Như dao chém đá chớ hề dối ai.

Vàng rau buôn đứng bán ngồi,
Được vốn thời bán không thôi chớ thề.
Hơi đồng chớ thấy mà mê,
Cố liều rất tóc học nghề lái trâu.
Dù ai vay mượn lụy-cầu,
Có cho không chớ đừng mầu nói chua.

Lời nói không mất tiền mua,
Nói ra thêm oán thêm thù không nên.
Cành cao cành thấp quí-quyền,
Được hơn tấm lụa quan tiền gì chăng.
Dù hay dù dở cũng rằng,
Hơi đâu mà giận người dưng thêm gầy.
Có thì buộc chỉ cổ tay,
Không thì tự khắc một ngày một không.
Cớ chi ra mặt động lòng,
Càng thêm những chuyện thẹn thùng [hay chi.

Dù ai điên-đảo việc gì,
Biết con người ấy bất-nghĩ thế thôi.
Khỏi chòng quen thói cong đuôi,
Nói càng thêm oán chuyện rồi kể chi.
Dù ai xâm phạm điều gì,
Cũng đừng nói kẻ vô-tri hoài lời.
Dẫu sao cũng nói cũng cười,
Ai đội mũ lệch dã người trông ra.

Chửi con đừng có chua ngoa,
Động đến ông vải ông bà không nên.
Những người lăng-mạ tổ-tiên,
Phép vua có cấm dễ tuyền được danh.
Chửi cho có ngọn có ngành,
Suy ra mình lại chửi mình khôn sao!

Tôi đòi con cháu nhà nào,
Tội thời đánh sẽ giơ cao gọi là.
Phòng khi nó nhỡ tay ra,
Xưa nay cả giận vẫn là mất khôn.
Thế thường nói chết thì chôn,
Phép tư đã vậy lại còn phép công.
Giận ai trước phải dẹp lòng,
Đừng cho như lửa đùng đùng cháy lên.
Tính thời giác bớt cho quen,
Còn đeo thói cũ có phen mua sầu.
Dù ai bát đĩa xô nhau,
Cũng đừng lửa cháy thêm dầu không [nên.

Việc gì ơn trả nghĩa đền,
Chớ đừng lật-lưỡng khỏi rên quên thày.
Việc làm ăn vóc học hay,
Sáng tai họ điếc tai cày ai ưa.
Đồ ăn thức dựng sớm trưa,
Trông nom kẻo mất biết ngờ cho ai.
Tiếng mang lơ đễnh dại đời,
Khi làm mượn mõ lụy người mất công.
Của ai kính biếu thì trông,
Của tuy không mấy nhưng lòng hẳn-hoi.
Mong sao ăn chả giả bùi,
Có đi có lại thiệt thôi quản bao.
Gục đầu vai vế lễ nào,
Của yêu người gét có vào không ra.

Còn như việc vặt trong nhà,
Ngồi nhàn ta lại kể qua cho tường;
Làm ăn cứ giữ phép thường,
Tám tương hai muối như dường có ca.
Bình tương chớ để trong nhà,
Đè sâu nén chặt dưa cà kẻo hư.
Cơm cho ráo cháo cho nhừ,
Mắm bưng rượu nút chớ ngơ bỏ liều.
Đồ ăn mèo đạy chó treo,
Chìa vôi dao nhọn để theo vách nhà.
Cất đèn cái đĩa dời ra,
Hỏa lò siêu nước cũng là cẩm riêng.
Buồng the bếp nước cho siêng,
Chắc gì đầy tớ giữ gìn được nghiêm.
Cửa thời then khóa cho êm,
Bếp đun đứng dậy vơ rơm rác vào.
Lôi thôi bồ hóng thấp cao,
Ngộ khi lửa bén gỡ sao kịp mình.

Bán buôn thúng đấu cho tinh,
Đong sao bán vậy chớ rình dối ai.
Kẻo mà mang lấy tội trời,
Lường thưng giáo đấu muôn đời khá [đâu.

Phải chăm nhà quét đèn lau,
Sinh con mặt sáng lầu lầu như gương.
Vén thu thóc rụng cơm vương,
Của trời xem bằng ngọc vàng dễ đâu.
Dẫu cho bạc cót tiền lầu,
Trong tay chớ nghĩ rằng giàu mà hoang.
Việc gì rộng hẹp tùy đường,
Đừng co cuắp lắm ra phường nhỏ nhen.
Còn ra dìu-dặt giữ gìu,
Phòng khi có lỡ khỏi phiền lụy ai.
Dù mình phải lụy đến người,
Dẫu rằng chút đỉnh muôn đời chớ quên.

Cho ai của đáng trăm nghìn,
Cũng như bỏ sót mong đền ơn chi.
Thiệt hơn cũng chớ suy bì,
Người mà chẳng biết chứng-tri đã trời.

Chớ chơi giồi mỏ no đôi,
Say mê kề vế kề đùi chốn đông.
Tuy rằng thua chẳng mấy đồng,
Mưa dầm cũng lụt nữa chồng cậy ai?
Thua vào đỏ mặt tí tai,
Miết ngồi mà gỡ người ngoài khó coi.

Cơm ăn qua bữa thời thôi,
Lọ là thịt đốt chả bùi mà chi.
Mặc thường lụa vải tùy-nghi,
Hoa hiên trứng sáo cứ gì mới nươm.
Sao cho khó sạch rách thơm,
Sao cho khỏi tiếng lam-nham mới là.
Hơn nhau một chút nết-na,
Hình-dung xấu tốt mẹ cha sinh-thành.
Những phường má phấn mày xanh,
Càng thêm dơ dáng dại hình khó coi.
Nghiêm-trang chín-chắn thời thôi,
Đói no cũng vậy đứng ngồi cũng tươi.
Chớ trông trộm chớ cười chơi,
Hễ mình lơ-lẳng thì người đá - đưa.
Dù ai đi sớm về trưa,
Chuyện đâu bỏ đó chớ thừa hoài hơi.
Ngộ khi lôi láng đến người,
Đôi co mách lẻo kẻ cười người chê.

Hoặc khi xướng hát hội hè,
Cũng đừng náo-nức bạn-bè đua nhau.
Cái hay có gói được đâu,
Việc nhà coi sóc dễ hầu cậy ai.
Dù ai khéo dỗ khéo mời,
Thời ta cũng liệu kiếm lời chối đi.

Đúc chuông tô tượng việc gì,
Cúng-dàng sẽ gửi cô dì cũng xong.
Chớ nghe thầy-bói cô-đồng,
Những là mất việc tốn công thêm rầy.
Bệnh thời lấy thuốc làm thầy,
Dẫu sao giải-kết rủi may tại trời.

Khoe khôn khoe khéo đầy người,
Việc nhà thời nhác việc người thời ưa.

Nghề riêng học lắm cũng thừa,
Tương cà dưa mắm hễ vừa thì hay.
Biết đường kim chỉ vá may,
Cơm canh nấu nướng liệu tay có chừng.
Bánh trong bánh lọc mọi đàng,
Nhất là biết cả không dừng cũng xong.

Chăn tằm thực có lắm công,
Đến khi ăn rồi chớ mong nằm ngồi.
Liền tay quạt gió xua ruồi,
Đêm ngày cơm đứng dám dời được du.

Cửi chăm tay khổ tay go,
Kén tơ hao đủ tính cho rõ ràng.
Ngắn dài chắp nối tấc gang,
Đầu giàn cuối rốt chớ vương bỏ liều.

Ruộng đồng cánh thấp cánh cao,
Phải ghi nếp tẻ nơi nào gần xa.
Gặt về phải chọn giống ra,
Riêng ngăn nắp để chớ hoà lộn - độ.

Gạo thơm ăn chớ xô-bồ,
Phòng khi giỗ tết khỏi lo đến mình.
Giàu thời ngũ-quả tam-sinh,
Khó thời đĩa muối lưng canh cũng là.
Qui thần hâm-hưởng không xa,
Hễ lòng thành kính người đà giám-lâm.
Những ngày mồng một hôm rằm,
Cùng ngày tế-tự chớ chăm gần chồng.
Gái đâu có gái lạ lùng,
Nhí-nha nhí-nhảnh má-hồng quanh năm.
Chớ hề vắng vẻ tối tăm,
Hai vai đã có người cầm sổ tay.
Nhà người thóc đụn tiền cây,
Ai nay chẳng trọng ai rầy chẳng ưa.
Đừng toan rẽ má dây mơ,
Khó hèn cũng chớ thờ-ơ dề hình.
Nhờ chồng phu-qui phụ-vinh,
Họ nghèo có đến thời mình mới hay.
Chớ điều quen thói xưa nay,
Kiêu kỳ bắc bậc mặt đầy mặt vơi.
Của đời rồi lại trả đời,
Hễ ai nhân đức thời trời độ cho.
Phải chăm cứu vớt đỡ bù,
Những người đói khát loã lồ yếu đau.
Dẫu không làm quán bắc cầu,
Ở lành cũng đã trên đầu sáng soi.

Nhãn-tiền thử ngẫm mà coi,
Những nhà bạc ác mấy hồi lại tan.
Của mà có đức cũng bền,
Chắc gì tiền thóc muôn vàn đê-đa.
Còn khi khách đến chơi nhà,
Vào ra khép nép chớ hòa tả tơi.
Khuyên răn đầy tớ nhẹ lời,
Chớ trông đối mặt, chớ cười động cơn.
Dẫu cho trăm giận nghìn hờn,
Vuốt ve để đó dám bàn nữa nao.
Chửi mèo mắng chó rêu rao,
Mình tuy bụng thực khách nào ngồi yên.
Chè thang chớ ngại chớ phiền,
Hễ mà chồng được bạn hiền thời may.
Dẫu cho thóc mượn tiền vay,
Cũng như của gửi chồng nay ăn đường.
Còn khi thai sản cưu mang,
Ngủ thường chớ kỹ, ăn thường chớ no.
Chớ cả giận chớ cười to,
Chớ ngồi chốn lệch chớ dò chốn sâu.
Chớ cất nặng chớ vin cao,
Vật gì mất máu tơ hào chớ ăn.
Nực kiêng hóng gió cồi trần,
Rét kiêng hơ lửa đắp chăng quá chừng.
Thường nhắc việc chớ hay nằm,
Hễ ngoài ba tháng chớ chăm gần chồng,
Đến khi giáo giở trong phòng,
Đừng nghe người giục mà long dạ mình.
Như hoa đến độ thời sinh,
Kẻo mang cái sự chẳng lành tại ai.
Sinh ra dù gái dù trai,
Gái theo cung cửi, trai chơi sách đèn
Ngây thơ cũng phải tập rèn,
Hễ mà biết nói thời liền miệng răn.
Chớ cho lòe-loẹt áo quần,
Chớ cho lồng-hồng nết ăn nết hờn.
Hễ vào khuôn phép thời hơn,
Lọ là mặc tốt ăn ngon mới hèo.
Trước là tiền mất tật đeo,
Sau là quen thói mĩ-miều hư thân.
Cây non thời phải uốn dần,
Cả cành mới uốn thêm phần khó ra.
Một mai mất nết mất na,
Ai ai cũng nói đến nhà có con.
Hiếm hoi càng phải cho đòn,
Có một mà xấu lại còn cậy đâu.
Dạy cho đến đũa đến đầu,
Sinh con ai dễ là hầu chẳng thương.
Mai sau chân bước ra đường,
Đi cho hình dáng dịu-dàng khoan thai.
Tay khép áo, nón che vai,
Phòng khi gặp kẻ vô loài tơ vương.
Cậu cô chú bác họ hàng,
Lội thời ta sẽ đứng nhường chốn khô.
Thấy người mang nạng đội to,
Miệng xin tay cất mau cho đỡ người.
Đàn ông cho chí người ngoài,
Chớ trông chốn vắng chớ cười quãng [không.
Trái tai nghe tiếng lạ-lùng,
Làm thinh rảo bước khỏi vòng thời thôi.
Chớ hề giả miệng giả môi,
Mất công thêm việc hóa lôi-láng nhiều.
Chị em co kéo dật-dìu,
Trình qua rồi sẽ kiếm điều tháo lui.
Chốn đông cầu vắng chớ ngồi,
Mong cho đến chợ mua rồi kẻo trưa.
Đồng tiền con cá lá dưa,
Của ươn của héo ai ưa ai dùng.
Làm người có mắt thời trông,
Buồm che thúng đạy kẻo phòng kẻ gian.
Đừng hay trò chuyện lan-can,
Liệu mua bán đoạn lo toan đường về.
Đừng hay quà bánh ngồi lê,
Nhà mong, chúng bạn cười chê hay gì.
Mấy lời răn dạy nữ-nhi,
Lựa vần chắp-nhặt chép ghi gọi là.
Làm khuôn nữ-tắc trong nhà,
Đủ ngần ấy nết mới là người khôn.

NGUYỄN ĐỨC-THÚY sao-lục

VĂN-UYỂN

TẢN VĂN

Du Ngọc-tân ký

Ba giờ chiều ngày 30 tháng Mạnh-xuân năm Nhâm-tuất, Tùng-Vân cùng với năm ba người thân-hữu, tự thành Thăng-long lên chơi bến Ngạc, sự gì đâu, là ngẫu-nhiên vô-sự, mà xui nên một cuộc du-xuân vậy.

Khi ta ở thành Thăng-long, tuy rằng thời-lịnh còn đương thuộc về quyền Thanh-đế, các thần Thiếu-nữ con nhà mộc còn đương mỏi mệt về chủ-nghĩa ôn-hoà, để giúp cho loài người lấy cái thế-giới dương-xuân; nhưng khéo thay các thần Chúc-dung con nhà hỏa đã có ý ngấp nghé lăm le, muốn những bàn-tán chủ-nghĩa viêm-nhiệt; vậy khi ta ở giữa đất phồn-hoa, muốn tìm một nơi u-nhã thanh-khoáng, để nuôi cho con tâm lấy cái tính-tình cao-nhã, mà giúp cho cái thân lấy cái khí-tượng hoà-bình; cuộc này bảo là cuộc tị-thử nạp-lương cũng phải, bảo là cuộc thập-thủy tầm-phương cũng phải, mà bảo là cuộc thể-dục và đức-dục cũng phải.

Khi bước lên xe, nhân khẩu-chiếm dịch một bài thơ bốn câu ba vần của ông Trình Minh-Đạo tức-cảnh về sự du-xuân rằng :

Gần trưa mây giỏ buổi êm trời,
Hoa liễu bên sông thử dạo chơi.
Cái thú riêng ai ai đã biết,
Ngờ ai hi-hửng cũng như ai.

Thơ dịch xong, ngâm đi ngâm lại đôi ba lần, hình như đội quân Chúc-dung (hỏa-thần) đã có ý hàng-phục nhà Nho mà chịu lui đi tam-xá ; xe lên đến mặt đê giong-ruổi một phút đồng hồ, hình như bạn thiếu-nữ cố-nhân ta đã ngạt-ngào đâu ở ngọn cỏ Nghi-tàm, thấp-thoáng đâu ở lá cây Yên-phụ.

Trông ra mảnh gương Tây-hồ, nước đầy vằng-vặc, gió thổi hiu-hiu, rõ một bức tranh sơn-thủy lâu-đài vẽ bằng thủy-mặc, treo riêng ra ngoài cõi phồn-hoa, ông tạo-hoá cũng tình lắm nhỉ! cũng ý-vị lắm nhỉ! ngửa mặt trông lên, thấy một đàn hâu bay lượn, xem ra có ý thoả-thích nhẹ-nhàng; sực nhớ đến thủa xưa bà nữ-kiệt nước Nam ta khi đóng quân ở đây, dưới thì bùn lầy, trên thì sa mù, con hâu hết sức bay, chỉ là-là trên mặt nước; trong bụng tự-nhiên thấy cồn-cộn đau, hai hàng lệ muốn tuôn đầy, song chửa có thể đối với ai mà tuôn đầy ra được, rõ thật cảm thương người mà ngậm-ngùi muôn thu; cho mới biết những người không có cảm-tình đến lịch-sử cổ-kim, tuy có rủ nhau đi chơi chăng nữa, chẳng qua uống cốc cà-phê, ngậm điếu xì-gà, nhảy lên xe cao-xu, bấm đồng-hồ xem mấy giờ, mau mau đi cho đến nhà hát mà thôi, không bao giờ có cảm-tình với cỏ hoa, cảm-tình với non nước.

Xe đi một lúc nữa, thấy xe dừng lại, các người thân-hữu bảo rằng đến nơi rồi đây ; ta trông lên, bên tả đã thấy Kỷ-niệm-đài, bên hữu đã thấy một con đường sạch-sẽ xinh-xinh, chạy thẳng xuống bến. Chao ôi ! đất này có phải là đất ta lạ đâu, bởi vì ta bình-sinh có một chứng nghiện Nam-sử, hễ đi đến nơi sơn thủy nào mà có di-tích của tổ tiên, thời ta hình như người say gái say rượu vậy, chờ lâu có người vỗ vào óc mà nói chuyện khác thời sẽ tỉnh.

Ta với các người thân-hữu bồi-hồi ở giang-tân một lúc, nào là mầu tràng-đê-phong-thảo, nào là vẻ xuân-thủy

lạc-ba, xinh thay là cái thế-giới văn-hà, cho cảnh-sắc giang-thôn lại thêm bát-ngát ; bấy giờ tưởng cái thân-thế mình là cái thân-thế thanh-hòa, không phải là cái thân-thế náo-nhiệt ; cái tư-tưởng mình là cái tư-tưởng cao-minh, không phải là cái tư-tưởng hỗn-tạp.

Mới cùng nhau tìm vào nhà quen, mở một tiệc trà để thưởng-tâm ; cho hay là thói hữu-tình, vừa mới gõ tay vào then hoa, dạo gót vào vườn liễu, oanh oanh yến yến, đâu đã có ý đợi chờ ; bấy giờ mới giở ra nghề chơi, gọi là một cuộc hành - lạc, gọi là đẹp mắt, gọi là êm tai, gọi là mấy câu thơ Hồng-hạnh, gọi là vài bài phú Nộn-mai, gọi là dăm ba câu trò chuyện, gọi là một vài chút tâm-tình ; đến chín giờ đêm, bỗng không trời đất chuyển vần, quay ra một trận gió bắc, ầm ầm ào ào, khí-hậu khác hẳn đi, đèn thắp lại tắt, đèn tắt lại thắp, tuy rằng trong cuộc vui chơi, song anh em ta ai nấy vẫn giữ lấy quang-minh chủ-nghĩa, không ai chịu ám-muội chút nào.

Chao ôi ! khí-hậu ở Bắc-kỳ, người Nam ta nên biết: Nước ta nguyên ở về xích-đái, quanh năm nóng nực vẫn là phần nhiều ; xứ Bắc-kỳ ta tây, đông, bắc ba mặt giáp núi, giữa thùng ra một cõi bình-nguyên, chỉ có một mặt đông-nam giáp bể ; cho nên khí nóng ở Bắc-kỳ, vì ba mặt núi ngăn trở, thường dữ tợn hơn ở Trung - kỳ Nam - kỳ ; song nhờ có ngọn gió ở Nam-dương đưa lại để điều hòa, vậy xứ Bắc-kỳ ta quanh năm thường lấy gió nồm là thuận ; nhưng đến khi rét cũng có khi khác thường, bởi vì cái luồng không-khí ở phía đông - bắc tự Mặc-tây-kha qua Thái-bình-dương dựa vào sườn Nhật-bản, Thượng-hải, Phúc-kiến, Quảng-đông mà thẳng lối lùa vào ; xứ Bắc-kỳ ta hàn-thử đều có ý khốc-liệt và bất-thường, khác với Trung-kỳ Nam-kỳ nhiều lắm ; hoặc có kẻ bảo xứ Bắc-kỳ ta chỉ có đông hạ mà không có xuân thu, lời ấy không phải là quá-đáng ; nếu không biết dự phòng về cách vệ-sinh, thời cũng dễ sinh ra tật-bệnh ; hôm ấy tân-khách đều bị rét, phải điều hoà đồng-tâm bằng xuân-khí ; duy Tùng-Vân tuy có xướng hoạ ở trong làng ôn-nhu, (chất mĩ-nhân) song vẫn thường có ý vật-ngoại phiêu-nhiên, là vì Tùng-Vân có cách phòng bị sẵn ; sự đó tuy nhỏ, nhưng cũng là một khoa nghiên-cứu về khí-hậu ở nước mình, người mình cũng không nên nhãng.

Đến sáu giờ sáng, tân-khách đều mạo rét về Thăng-long ; Tùng-Vân còn thong-dong ở lại, hàn huyên giao-thiệp với các ả bình-khang ; suốt ngày hôm ấy, đến năm giờ chiều, mới hàm-tình tặng-biệt. Thương ôi ! Ta có phải là bậc thái-thượng đâu, mà đã dám vong-tình ; đoái lại những vẻ phù - dung ở trên giang-ngạn, vẫn còn có ý khả-liên.

Tản-bộ lên đê, tựa bóng cây tùng, hỏi thăm mấy cậu đồng-tử, tìm vào vườn cúc, chào người bạn quen, hỏi han đến những sự nhân-quả cải-lương của qui-hương bấy lâu, ông bạn cũng sẵn lòng kính yêu, có ý thuật lại kỹ càng. Chao ôi ! ta có phải là người quanh quất đâu xa, mà đất này không phải là đất ta phen này mới một lần kinh-quá ; duy phen này ta nhân cuộc du-xuân mà có cảm-tình ; cho mới biết cái thói mong mỏi báo đền cho xã-hội ấy, đi đâu mà không có cảm-tình, chớ bảo cuộc du-hí mà vô-ích.

Huyện ta là huyện ông Lý Hiệu-úy, văn-nghệ vũ - công trứ-danh ở thế-giới khi xưa đó, cho đến ngày nay, thanh-danh văn-vật vẫn đứng đầu trong một tỉnh ở đất Đông-đô ; cứ bản đồ huyện ta, Đông-ngạc qui-hương ở về phía đại-hà, thuộc về thượng-huyện ; mấy tổng La ta ở về tiểu-hà, thuộc về hạ - huyện ; huyện ta trong mấy năm

nay, nhờ ơn nhà nước Bảo-hộ, nhờ ơn quan Tổng-đốc Hoàng-đại-nhân, phàm những nơi danh-hương trong hàng huyện, quan Tổng-đốc đều hết lòng hết sức cải-lương cho trước cả, duy Đông-ngạc qui-lương đây các quan-thân trong làng có nhiệt-thành và có nghị-lực hơn cả; Tùng-Vân là người khách ở tiểu-hà một đôi khi qua chơi đây, trông thấy cái quang-cảnh cải-lương, cái tinh-thần giáo-dục, hâm-mộ lắm thay! Song cũng muốn ghen qua một chút, nhưng không có thể ghen được.

Nay ta xét ra, trình-độ nước ta còn thuộc về trình-độ ấu trĩ; phàm dân xã cải-lương, về phần chính-trị, nên theo cách mới; còn về phần phong-tục, tuy rằng có thay đổi, bỏ bớt những cái phiền-văn; song những đều luân-lý thuộc về phần quốc-túy của tổ-tiên ta dành lại cho ta bấy lâu, cha truyền con nối, kể có mấy nghìn năm, chúng ta nay mà có quyết nhận mình là hiếu-tử hiền-tôn chăng nữa, cũng nên biết yêu đương qui báu mà giữ gìn; cho nên sự dân-xã cải-lương ngày nay, thực không dám kể ngày kể tháng mà nói thành-hiệu; chờ bao giờ điều-hoà được tân cựu, dung-hợp được học-thuật tư-tưởng của hai châu Âu Á sẽ hay. Nếu qua chơi làng nào, trông thấy đôi ba cái hình-thức trang boàng ở bề ngoài, mà đã vội khen, thì cũng là con người tầm-thường thiển-bạc; duy cái trách-nhiệm của những người thượng-lưu ở nước ta ngày nay, chỉ nên yêu giang-sơn như yêu vợ, yêu xã-hội như yêu nhà, trong phần nhiệt-thành nghị-lực lại phải có khéo-khôn; chao ôi! khéo-khôn mà tạo-nhân, lo gì không có kết-quả.

Đông-ngạc qui-hương đây, tạo nhân được sớm, chắc là kết-quả cũng được sớm; sự gì ta cũng đã có xét qua, song ta chưa dám bàn vội; nay ta hẳng xét kỹ bàn kỹ về cuộc bình-khang ở bến Ngạc, cho những người có tâm-lý với xã-hội cùng nghe, chớ bảo là sự đùa mà không ảnh-hưởng gì đến phương-diện cải-lương.

Phàm những nước đã thành-lập ở trên mặt địa-cầu, vô-luận nước cũ hay là nước mới, nước nào không có kỹ-quán ca-lâu; bởi vì con người ta có tu phải có du, có khổ phải có lạc, có lao-động phải có nhàn-dật, có thu-khí phải có xuân-tâm, xã-hội tâm-lý như vậy.

Duy trong làng chơi có chia ra hai hạng. — Một hạng chơi về vật-chất; một hạng chơi về tinh-thần: Chơi về tinh-thần nghĩa là chơi lấy tâm-tình, chơi lấy vận-sự, chơi lấy cao-thượng, chơi lấy phong-lưu, như ông Tạ An-Thạch, ông Lý Thanh-Liên, ông Trần Nhật-Duật, các vị danh-hiền vân vân. Chơi về vật-chất nghĩa là chỉ chơi lấy thị-dục mà thôi, như ông quan bị cách, chú khách vỡ tầu, bác nhà giàu hết của, hạng ấy vân vân.

Mà chị em trong đám bình-khang cũng có chia ra hai hạng: — Một là hạng cô đào chân-chính; hai là hạng cô đào giả-danh.

Cô đào chân-chính cũng như bọn nhà nho khi xưa xuất-thân trên đường khoa-mục, bọn học-sinh ngày nay tốt-nghiệp trong đám học-trường vậy; nguyên là con người gia-thế trong giáo-phường, lên bảy lên tám học hát, mười một mười hai học phách, mãi đến mười tám đôi mươi, cô nào thông-minh và cần-khổ mới lành nghề, nghề hát đã lành nghề, thời nết-na giá-trị tự-nhiên có khác mọi người; cho nên cái cách thưởng-thức cô đào, trước hẳng thưởng-thức ngay nghề hát, rồi sẽ thưởng-thức đến lịch-sử đến tâm-tình. Danh-kỹ cũng như danh-sĩ, kết-quả cũng chia ra hai vẻ: Một là vẻ đứng-đắn, hai là vẻ tài-hoa, bắc đồng cân lên mà thử, thời cũng không bên nào nặng hơn bên nào.

day những người có chung-tình có tuệ-nhãn thì thưởng-thức mới đúng.

Còn như hạng cô đào giả-danh, nguyên không phải là con nhà giáo-dục ở trong giáo-phường; bởi vì có lắm ông quan-viên chỉ biết say đắm về vật-chất, cho nên trong nhà hát thường có hạng cô đào ấy xuất-hiện ra để ứng tiếp với đời.

Cận-lai lại có một hạng cô đào biết chữ nữa, thông chữ quốc-ngữ, hay hoặc kiêm-thông Hán-văn hoặc Âu-văn ít nhiều, tuy rằng hát không hay lắm, nhưng cũng biết thích xem thư xem báo, lại có tư-tưởng, thực cũng là một vẻ rất quí trong nhà hát.

Phẩm-cách quan-viên, và phẩm-cách cô đào, xét ra có mấy hạng như vậy; tuy không nói rõ là nghĩa cải-lương, nhưng cái tinh-thần cải-lương cái ý-vị cải-lương đã ngụ ở trong ấy cả rồi; kẻ có tình với chị em, có tâm với xã-hội, xem qua khắc hiểu.

Cô đào ở bến Ngạc này, xét ra mọi vẻ thanh-tao, mọi bề diễm-lệ, còn kém xa những nơi đại-ấp danh-đô; nhưng khen thay cũng có một vẻ đặc-sắc!

Cô đào bến Ngạc, dặt những cô đào ở nhà quê gia-thế trong giáo-phường, người thì qua tỉnh Hà-đông, kẻ thì sang đò Nhị-thủy mà lại đây; còn có vẻ thật-thà, có nền mộc-mạc; chưa biết cái chi chi là cái chông-chênh cái ngoa-ngoắt cái suồng-sã cái éo-le; mà nghề ca nghề vũ đều biết nghề cả, tuy chưa có chị nào hay lắm khéo lắm, nhưng cũng không có chị nào đến nỗi đớn lắm mà mang tiếng giả-danh; xét kỹ ra cũng có phong-cách có chế-độ có tính-tình.

Còn về phần địa-phương quản-trị, xem ra cũng có ý tỉnh-túc nghiêm-trang, hết lòng quản-cố cho nhà hát, mấy năm nay không nghe có sảy ra sự gì; khi chàng-ngộ viễn-phương hành-khách, giao-tiếp cũng thấy có lễ; lại có thôn, có phố, có bến, có thuyền, có minh-nguyệt, có thanh-phong, có kho vô-tận; thực cũng là một nơi có tư-cách xứng đáng về cuộc bình-khang.

Hỏi ra cũng ít khi có những ông quan-viên say đắm về vật-chất lại chơi đây; là bởi vì ở đấy quyền quản-trị có cách tôn-nghiêm, mà cô đào giả-danh không có; thế chẳng là một cái đặc-sắc của hội hồng-lâu trong xứ Đông-đô này ru?

Hiện nay mới có sáu trọ hát, cái hình-thức ở bề ngoài, xem ra cũng chưa có gì; nhưng xét cái tinh-thần ở bề trong, thời những cô đào ở bến Ngạc nay, chắc đã có kinh-qua con đường giáo-dục con đường pháp-độ của các nhà tư-tưởng các nhà chính-trị trong quí-hương rồi đây chăng? thôi thôi, ta không phải ngờ chi nữa.

Ta nhân đó mà cảm-tình với tâm-lý trong xã-hội, muốn làm một điều tiêu-tiền thí-dụ cho sự cải-lương: há thêu hoa vẽ nguyệt, cười nghiên cợt bút chi đây; nhân thảo ra bài văn này, để trình các bạn tri-kỷ.

Khải-định thất niên, nhâm-tuất, trọng-xuân.

Tùng-Vân Trai chủ-nhân ký

. . .

Hát nói

Chơi bến Ngạc

Khách thong-thả qua chơi bến Ngạc; nhác trông chừng non nước vẻ thanh-tân. Oanh xa xa vừa báo tin xuân; yến đâu đã lại gần vây bọc. Hoa-gian vấn-tấn câu danh ngọc; 花間問訊俱名玉。 tịch-thượng sinh ca tổng át vân. 席上笙歌總逸雲。 Bát-ngát thay là thú giang-tân! cho mới biết thanh-nhã u-nhàn hơn náo-nhiệt. Khi xem xét ra mới biết, huyện Từ-liêm làng Đông-ngạc sớm văn-minh. Nào viên, nào phố, nào đài, nào đình, nào quan-thân tập-

nghị, nào sĩ-nữ học - hành ; xóm ti trúc cũng nức danh cô đào bến. Vẻ văn-vật đã xui người yêu-mến, mầu yêu-huê thêm ghẹo khách phong-lưu. Ấy ai trong cuộc xuân-du, tưởng chừng gió Á trăng Âu mơ màng. Bâng-khuâng bến gấm nhà vàng.

TÙNG-VÂN

THƠ TRUNG-KỲ

Thi-ca đăng ở Nam-Phong đã đủ cả các cách, mà phần nhiều là của ở đàng ngoài « Bắc-kỳ ». Còn thi ở xứ Kinh « Trung-kỳ » của các Đức-ông Đức-bà ngày xưa vẫn nhiều bài hay, song ít ai thuộc được toàn-đề, chỉ truyền-tụng một đôi câu, nên thành không sao-lục được. Vả thi hay có nhiều cách : hoặc đối khéo, hoặc vận hiểm, hoặc đề mắc, hoặc tình sâu, nên làm cho được thì đã hay, mà coi cho được thì lại càng hay nữa.

Thi nói theo cảnh, dễ ; thi nói cho thấu tình, khó ; và có nói cho thấu tình, mới gọi là ngôn-chí, như thi cụ Phúc-Môn, thi cụ Khánh-Mĩ, là thật thi tánh-tình, ở kinh người biết làm thi hay là biết coi thi, đều đã chịu.

Trong mấy kỳ báo trước, tôi đã thấy đăng thi hai cụ, mới đây tôi có nghe họ đọc những bài thi cụ họa vần thi « Sáu mươi tuổi » của cụ Hiệp-Hưởng ở Phủ-Cam như sau này :

Thi cụ Phúc-Môn họa

Mười mươi mới sáu có đâu già,
Phúc đức trời cho đã lắm mà...
Hơn một, gẫm khen duyên phận ấy,
Cân đôi, mừng chúc láng-giềng ta.
Vườn xuân Lạc-tịnh ba đầy đất,
Phố mới Đồng-vinh của chật nhà.
Con cháu xum vầy đều lễ-phép,
Lệnh ông dầu vậy, cũng công bà.

Thi cụ Khánh-Mĩ họa

Tuổi nay đã đến sáu mươi già,
Ngày tháng chi chi mau rứa mà !
Chữ Hán múa men không phải buổi,
Tiếng Tây trọ trẹ nực cười ta.
Riêng mình chưa chút đền ơn nước,
Trông trẻ về sau nối nghiệp nhà.
Sau trước chẳng sanh sanh gặp thế,
Râu mày thêm hổ với đàn bà.

Bài ấy các quan ở Kinh họa nhiều, tuy tôi nghe đã muộn, song còn nhớ rõ, cũng xin biên cả nguyên-tác và các nhà họa ra đây luôn.

Cụ Hưởng-Khẳng là công-tử, phòng đức Tùng-Thiện, làm đến Hiệp-tá-đại-học-sĩ, mới về hưu năm ngoái, có Bắc-đẩu và Long-tinh, cụ ở Phủ-cam vườn Lạc-thịnh, khít tư-đệ cụ Phúc-Môn, thơ cụ sáu mươi tuổi như sau này : Còn đức-nghiệp của cụ, coi thi các nhà họa đủ biết.

Nguyên-tác

Tôi hơn một tuổi cũng chưa già,
Vợ mới năm mươi chín tuổi mà.
Mạnh giỏi vẫn còn so bạn tác,
Giàu sang đâu dám ví người ta.
Xì-xà với chúng ăn ba bữa,
Hủ-hỉ cùng nhau ở một nhà.
Non nước đưa vui trời giúp lộc,
Chắc chiu lần đến thấy ông bà.

* * *

Nay tôi biên cả các bài tôi đã nghe, có bài tôi không nhớ rõ, tôi không dám biên, vả được bài nào biên bài ấy, nên

không biết bài nào họa trước, bài nào họa sau, để sắp cho có thứ-tự.

Phu-nhân cụ là bà Trương-thị Tỷ-Quê họa

Sáu mươi lịch-duyệt vẫn tay già,
Nét mặt vui tươi nói mặn mà.
Tóc bạc bây giờ so một lứa,
Mây xanh lúc nọ sánh đôi ta.
Thảo lành tỉnh dưới vui hôm sớm,
Ban-cấp (1) ơn trên rạng cửa nhà.
Tục gọi cậy con đều phải buổi,
Nhờ ông lẫm có cháu kêu bà.

Con trưởng cụ là ông Ưng-Trình làm Tế-tửu ở Quốc-tử-Giám họa

Hưởng lộc trời dài, chẳng biết già,
Mỗi năm càng thấy mạnh thêm mà.
Thuận-tai tuổi thánh mừng trên thọ,
Quanh gối tình ngây thỏa dưới ta.
Tác hạc thinh-nhân tiên giữa cõi,
Gót lân nhơn-hậu phật trong nhà.
Đời xưa chỉ nói ông Bành-Tổ,
Bành-Tổ đời nay lại có bà.

Quan Thị-lang hưu-trí Hường họa

Tuổi trên kỳ lão tác không già,
Vu-thước tài hèn thọ mãi mà.
Ra rạp niêu nồi hơn chục chú.
Vào buồng nam khách chỉn đôi ta,
Ăn no mặc ấm nhờ ơn nước,
Nấu sử sôi kinh vẫn thói nhà.
Hễ ở lòng lành, lành ắt gặp,
Trai làm ông nọ gái làm bà.

Quan Tuần-vũ hưu-trí Hường họa

Xấp xỉ trăm hai chẳng xét già,
Bởi nhau còn muốn tính chi mà!
Tài-ba ví trước, nhường người cũ,
Phúc-phận so nay lấn bọn ta.
Biết chữ có con ra giúp nước,
Hay nôm sẵn vợ ở chung nhà.
Vẻ vang đến thế tiên trên đất,
Nên chúc cho ông lại hạ bà.

Quan Tả-tôn khanh phủ Tôn-nhơn Ưng họa

Tuy không như trẻ, dễ bì già,
Trò chuyện ăn chơi sốt sắng mà.
Vinh sủng nhờ ơn trên chín-bệ,
Thiệt thà giữ phận dưới đôi ta
Cụ, thầy mừng đặng vừa trăm tuổi,
Lộc, thọ dành đưa khắp một nhà.
Phước đã dày thêm duyên cũng hợp,
Sáu mươi ông nối sáu mươi bà.

Quan Thị-lang bộ Học Ưng họa

Dạy cháu khuyên con mực thước già,
Áo ban tam-phẩm ít ai mà.
Công-danh nối trước làm nên thế,
Phúc-đức nhờ trên cũng có ta!
Sáu chục bề tiên còn chất thẻ,
Muôn năm cõi thọ cả hai nhà.
Thi theo tuổi tác ngày thêm mạnh,
Mừng bác xuân sau đến chúc bà.

Cụ Hiệp-tá hưu-trí Tôn-thất họa

Sáu mươi năm chín mới đầu già,
Hai cụ trời cho xấp-xỉ mà.
Vẽ giấy làm bàn đà có bạn,
Đi về hỏi rượu sẵn dùng ta.
Cha con đôi tiệc mừng trăm tuổi,
Chồng vợ song-toàn phước cả nhà.
Vườn Tịnh ngày xuân thường nở mãi,
Ở đời nên giữ tấm lòng bà.

Quan Thượng-thơ hưu-trí Tôn-thất họa

Đầu râu tóc bạc nghĩ rằng già,
Già nữa trăm năm đã mấy mà?
Tượng đủ ba sao trên cõi thế,
Mừng thêm một cụ dưới rừng ta.
Cảnh vườn Lạc-tịnh vui vừa tiết,
Tấm biển di-luân rạng đến nhà.
Lần tuổi sáu mươi năm chín đến,
Nhì trai ông chắc chẳng thua bà.

(1) Quan làm đến tam-phẩm gặp năm có khánh-điển lớn thời Vua có ban-cấp cho cha mẹ mỗi người một cái áo.

Quan Phó-sứ hưu-trí Hường họa

Chồng hơn một tuổi trót đều già,
Đôi tốt trời xây khéo lắm mà.
Cờ đã cân tay không kém chúng,
Thi gồm nồi tiếng muốn đè ta.
Tiên vui phật lặng hai đường đó,
Khoa lớn quan cao mấy trẻ nhà.
Ngày tết em sang dâng chén thọ,
Mừng ông êm chén lại mừng bà.

Quan Tham-tri bộ Công Phạm họa

Thế gian mấy đặng chữ đều già,
Tùng cúc song-song rất mặn mà,
Con cháu vợ hầu vui vẻ cụ,
Thầy trò bạn tác hiệp vầy ta.
Ba xuân mưa móc lòng trời đất,
Muôn thuở non sông nghiệp nước nhà.
Tạo vật kia kìa phô hán ngụy,
Chén dâng ông thọ, chén mừng bà,

Quan Thị-lang bộ Hình Nguyễn họa

Trời cho hưởng thọ hậu về già,
Thu cúc xuân lang thú mặn mà.
Râu tóc mĩ miều tiên cũng thế,
Non sông thanh thả thọ cùng ta.
Áo dày cơm nặng nhờ ơn nước,
Con hiếu tôi ngay sẵn của nhà.
Thuở bé đặng nghe, giờ đặng thấy,
Ông đà phúc đức lại thêm bà.

Quan Bố-chánh hưu-trí Hồ họa

Nhứt phẩm trời cho hưởng lộc già,
Sáu mươi sắp tới thiếu chi mà.
Vẻ vang lịch-sự ai bì đó,
Mạnh khỏe ăn chơi khách có ta.
Ti-tuyết sum vầy anh chị ruột,
Móc-mưa nhuần gội cháu con nhà,
Chúc trên tuổi cụ qua năm mới,
Muôn tuổi mừng ông lại với bà.

Quan Tư-nghiệp Nguyễn họa

Sáu chục năm tiên chẳng phải già,
Thêm duyên hơn một cũng trời mà,
Phước dày lạc thiện Tiền-vương cũ,
Ơn nặng thân-tình Thánh-thượng ta.
Thủy trúc xanh rì vui cảnh muộn,
Chi lan thơm nức khắp sân nhà.
Sẽ mừng tám chín tuần song-thọ,
Ông cụ là trai, gái cụ bà.

Quan Thị lang bộ Hộ Nguyễn họa

Tròn vẹn ơn vua hưởng đến già,
Đặng danh đặng thọ mấy ai mà.
Duyên vầy giai-lão trên hai cụ,
Dạ thỏa tri-niên dưới chúng ta.
Giở chén thất-tuần chung tiệc bác,
Sẵn bào tam-phẩm múa sân nhà.
Nhà tiên ngày tháng xuân dài dặc,
Say chén giàu sang á mộng bà.

Quan Kiểm - tá Tân - thơ - viện Nguyễn họa

Tước cao đức lớn tuổi thêm già,
Thiên-hạ như ông đặng mấy mà ?
Trung-ái hết lòng ra giúp nước,
Điển-hình giữ mực để cho ta.
Vợ chồng ngó lại cân hai bóng,
Con cháu đi ra rạng một nhà.
Ông đến sáu mươi, bà kém một,
Năm sau lại mở tiệc mừng bà.

Điển-Tịch sung sử-lục Phan họa

Trời riêng chữ thọ phước ông già,
Danh lộc kiêm hai mấy kẻ mà.
Tuần chẳng sáu mươi con toán nọ,
Tiệc vừa đôi tám chị thường ta.
Bốn mươi tuổi tác con quan cả,
Hơn một tơ duyên bạn ở nhà.
Lạm tưởng tường người là thụy nước,
Bức đồ song-thọ vẽ ông bà.

Quan Tham-tá Nội-các Phạm họa

Sáu mươi năm chín dẻo duyên già.
Xấp xỉ cân đôi khéo khéo mà.
Dưới cấp lộng-sô thêm các cháu,
Trên nguyền giai-lão phỉ hai ta.
Ơn trên riêng đặng giàu năm phước,
Lộc nước ban cho hưởng cả nhà.
Mặc sức cụ ông hầu hạ mãn,
Cụ bà thiệt cũng xứng ngôi bà.

Quan Tư-vụ Nội-vụ Nguyễn họa

Đài trân sẵn có lộc nuôi già,
Đức lớn thời sao cũng thọ mà.
Tước-xỉ đã hơn người giữa cõi,
Đỉnh-chung vừa nối kẻ trên ta.
Hiếu trung hai chữ đền ơn nước,
Thi lễ trăm năm nối nghiệp nhà.
Sao sáng nguồn tiên tròn quả phước,
Mừng ông rày lại đến mừng bà.

Quan Tri-huyện Hương-trà Ưng họa

Gió trăng vườn Tịnh thú vui già,
Tuổi sáu mươi thêm mạnh mẽ mà
Chén thọ nâng đầu mừng rỡ bác,
Tình riêng quanh gối ngậm ngùi ta.
Giang-hồ Phạm-Lão lòng lo nước,
Xiêm áo Lai-công vẻ rạng nhà.
Năm phúc ba vui kiêm đủ cả,
Tuần ông xin chúc đến tuần bà.

. . .

Lại còn mấy bài này là thi trong gia-đình cụ, nghe cũng vui, nên tôi xin biên luôn.

Thơ cụ cho con là ông Ưng-Trình 40 tuổi

Tuổi chất trên đầu đã bốn mươi,
Làm sao siêng-sắn, ở bười xười.
Lâu nay xiêm áo êm như vậy,
Mới đó râu mày xảy nực cười.
Việc nước chăm lo phần giúp nước,
Dạy người hẳn nghĩ lúc chăn người.
Khuyên răn trung hiếu đều hai chữ,
Sánh bậc hiền xưa chớ hổ ngươi.

Quan Ưng-Trình Tế-tửu tạ đáp

Sự đời gánh vác với mười mươi,
Việc nước như nhà dám bỏ xười.
Mạnh khỏe thường mừng cha mẹ thọ,
Văn chương còn sợ bạn bè cười,
Ăn chơi tánh dại dầu hơn trẻ,
Ngay thảo tình riêng dễ kém người.
Dầu nỏ giống lông thời giống cánh,
Nhớ Siêu-Tôn lại thẹn cùng ngươi

Cụ bà cũng có cho một bài

Bốn mươi tuổi tác đã nên vai,
Áo vẽ vui thay chuyện Lão-Lai.
Biết trước khuyên sau đều tấn hóa,
Lập công nối nghiệp được lâu dài.
Còn nhiều vinh hiển, nên tu đức.
Đương trẻ ăn chơi, chớ cậy tài.
Thế sự văn-minh ngày một mới,
Non Âu bể Á gắng dồi mài.

Quan Ưng-Trình Tế-tửu tạ đáp

Tôi con lớn nhỏ cũng đôi vai,
Dễ sánh chi lan phận thảo-lai.
Nợ nước đền bồi còn tuổi trẻ,
Ơn trời bùi ngọt hãy ngày dài.
Chăm nom kẻ dưới xin nong sức,
Nương cậy người trên dám nói tài.
Cửa Khổng tròm trèm may khỏi ghét,
Hiếu trung hai chữ nguyện ghi mài.

Cụ ông tự chào

Ai nói mình già hóa hồ ngươi,
Sau gương riêng tưởng tác đương tươi
Mùi đời nếm trải còn chưa mấy,
So tuổi ông Bành mới sáu mươi.

Cụ bà hỉ tác

Tuổi chồng sáu chục, bốn mươi con,
Mở tiệc vui vầy chén rượu ngon.
Trẻ thảo già lành tình cúp núp,
Ơn trời mạnh khỏe được vuông tròn.

Quan Ưng-Trình tự hạ

Bốn mươi những chất tuổi cho nhiều,
Ơn chúa mong đền được chút chiu.
Mừng thấy hai thân thường mạnh khỏe,
Con em may cũng đã nên đều.

Hương-Giang LÊ HỮU-HÙNG sao lục

TIỂU - THUYẾT TÂY

LÊ CÔNG-VỊ HIẾU-NỮ

(La jeune sibérienne)

.·.

Lời tiểu-dẫn của dịch-giả

Xavier de Maistre là một người võ-sĩ, chỉ vì nỗi cực lòng mà thành ra nhà văn-sĩ. Số là bài tiên-sinh đang tòng quân, vì cớ gì không rõ, tiên-sinh bị quan trên tống-giam bốn mươi ngày tù. Trong cái thời-gian đó tiên-sinh ngồi trong ngục-thất cầm bút viết văn.

Tiên-sinh đem những nỗi đau-đớn trong lòng, những cảm-tình trong trí, giải bầy trên những mảnh giấy trắng mực đen, họp lại thành năm quyển sách con, thật là năm thiên kiệt-tác.

Văn tiên-sinh giản-dị bình-thường, không viền-vông hoa-mĩ, chỉ có sự thực trang-điểm bài văn (*sans autre ornement que la vérité*). Ông *Jules Clartie* bình-phẩm văn tiên-sinh có đoạn nói rằng: « Tôi vẫn biết những chuyện bình-thường thiết-thực như thế đem so với văn-chương sặc-sỡ tựa các mùi thuốc ở trong tranh vẽ như văn kim-thời thì không hoa-mĩ bằng thật. *Xavier de Maistre* tiên-sinh tuy không có cái vấn thuốc vẽ để trang-điểm bài văn, nhưng tiên-sinh có cái giọng văn đáng khen là bình-dị mà đậm-đà ». (*Je sais bien que de sels récits, simples et sincères comme la réalité même, paraitraient bien ternes aujourd'hui que le pittoresque déborde et que la littérature d'imagination dispute ses couleurs à la peinture. Xavier de Maistre n'a point de palette, mais il a un style sobre et ferme, une langue admirable*).

Bài tiểu-thuyết dịch sau này là một thiên kiệt-tác của tiên-sinh đã được nhiều thứ tiếng dịch rồi.

Chuyện tả một người thiếu-nữ không quản gian-nan nguy-hiểm, liều thân qua chỗ tuyết đông, băng giá, vượt núi, qua đèo, dặm trường thân gái, để gỡ tội cho cha.

Chuyện rất có luân-lý, nhà cựu-học nào vẫn tưởng lầm chuyện tây chỉ tả tình-tự, đọc chuyện này thì mới rõ chuyện tây cũng có nhiều pho nói về luân-thường đạo-lý chẳng khác gì chuyện rất hay ở Á-Đông ta.

Chuyện rất giản-dị bình-thường không có tả-cảnh tả-tình, mà xem lắm đoạn cũng sinh mối thương-tâm.

Các nhà tập làm tiểu-thuyết nước ta ngày nay, cũng nên tập lối văn ký-thuật này, còn hơn là múa bút viết những tiểu-thuyết như tiểu-thuyết mới sản-xuất trong khoảng mấy năm nay.

VŨ CÔNG-NGHI

.·.

Về cuối đời vua Paul (Bôn) đệ-nhất có một người thiếu-nữ đi bộ từ Sibérie (Si-bé-ri) đến Saint-Pétersbourg (Sanh-Bê-tach-hua) gỡ tội cho cha. Sự can-đảm ấy đã lừng lẫy một thời, một nhà danh-sĩ đã lấy danh-hiệu người kiệt-nữ ấy làm tay chủ-động trong bộ tiểu-thuyết của mình.

Nhưng mà những người biết truyện nàng tiếc rằng nhà văn-sĩ đó đã vì cái tư-tưởng lãng-mạn mà đem những cảnh phiêu-lưu tình-tự tả một người thiếu-nữ thanh-tân một niềm chí-hiếu. Nàng thật chẳng ai khuyên bảo, trong tâm cũng sẵn cái tư-tưởng nhân-từ và lòng nghị-lực.

Truyện phiêu-lưu của nàng không được lạ-lùng quái đản như truyện phiêu-lưu khác, nhưng đọc lịch-sử giản-dị của nàng chỉ có sự thực trang-điểm câu văn, tưởng cũng vui và hay vậy.

Tên nàng là Lê Công-Vị.

Thân-phụ nàng dòng-dõi trâm-anh sinh tại Hông-gơ-hoa là nơi tiền-nhân nàng di-cư đến đó.

Thân-phụ nàng đã sung việc binh-nhung ở Hongroi (Hông-gơ-loa) là nơi ông sinh-trưởng, được ít lâu ông về nước Rút-si tìm người kết ngãi trăm năm.

Về tổ-quốc ông cũng lại sung vào ngạch binh, ông đã nhiều lần cầm quân ra đại-chiến với người Turquis (Tuya-ki) nên tiếng tăm đã lừng-lẫy trong quân.

Ông phải đầy sang Sibérie (Si-bé-ri) cũng chẳng ai biết vì cớ gì; có người đoán rằng ông trái lệnh quan trên mà bị tội.

Dù thế nào mặc lòng chỉ biết rằng hồi người thiếu-nữ bước chân ra đi thì ông đã bị giam-hãm trong 14 năm trời ở đất Si-bé-ri rồi. Gia-quyến ông ở biệt ra một làng giáp-giới chính-phủ Tô-bôn, mỗi ngày chỉ được có 10 đồng kopecks để tiêu dùng.

Cô thiếu-nữ Lê Công-Vị cũng chịu khó làm những công việc nặng-nề nơi thôn-dã để giúp đỡ thêm vào; nào là giặt thuê và mướn, giã gạo, gặt đồng. Cô không lấy những việc ấy làm khó nhọc lại lấy làm vui. Nào ai có ngờ những ngón tay búp-măng kia lại đem ra làm những công việc nặng-nề như vậy.

Thân-mẫu nàng hình như nuốt cực nén sầu cho qua ngày đoạn tháng, nhưng thân-phụ nàng đã từng bao phen vùng vẫy trong chốn chiến-trường, nay phải giam cầm một chỗ, thì lấy làm cực khổ biết bao.

Dù ông đã cố nén nỗi lòng để khỏi lộ cho con mình biết, nhưng nàng ở chốn phòng-the thường nhìn qua lỗ hổng chốn đình-vi biết hai thân đã bao lần lụy rơi chan-chứa. Vì vậy nên nàng mới sinh ra đêm ngày lo nghĩ về việc song-đường.

Mấy tháng trước đây ông Lê Phúc-Lộc cũng đã gửi đơn lên chính-phủ Si-bé-ri khiếu-oan, nhưng chẳng thấy tin tức gì. Một viên quan võ có việc đi qua nơi ông ở, có hứa với ông khi về sẽ khiếu-oan cho, ông đã mừng thầm, nhưng lâu cũng không thấy tin tức gì cả.

Mỗi một người bộ-hành, mỗi một tên trạm ở Tô-bôn đến (việc này hiếm lắm) thì ông lại cực khổ bội-phần, vì chẳng thấy tin tức gì về việc mình cả.

Một hôm, người thiếu-nữ ở ngoài đồng về thấy mẹ mình lụy rơi chan-chứa và cha mình mặt ủ mày rầu.

Ông thấy nàng về vội nói to lên rằng: « Trời cho tôi một đứa con là trời phạt tôi đây, tôi trông thấy con tôi mà tôi đau lòng khổ-sở; những công việc hèn-hạ nặng-nề mà tấm thân yếu ớt kia chỉ riêng mình cam chịu. Vậy là tôi chịu tội với trời. Tôi không được cái hạnh-phúc chủ-trương một cái gia-đình như người khác. Thật là trời muốn hại tôi đây. »

Người thiếu-nữ sợ hãi chạy lại yên-ủi cha mình. Vợ hiền lệ rỏ, con hiếu lụy rơi làm cho ông cũng dần dần bớt cực. Nàng vì tấn bi-kịch này mà thêm lòng cảm-động.

Lần này mới thật là lần đầu mà ông bà Lê Phúc-Lộc lộ cho con mình biết cái cảnh sầu-bi, lần này mới thật là lần đầu mà nàng mới có cái ý tưởng về cảnh khổ của gia-đình mình.

Lúc đó tuổi nàng mới có mười lăm mà nàng đã có trí quyết đến Saint-Pétersbourg (Sanh-Bê-táeh-bua) khiếu oan cho thân-phụ.

Nàng nói rằng có một hôm khi nàng cầu kinh xong thì cái ý-tưởng đó biểu-

lộ trong trí nàng như cái tia chớp sáng.

Nàng vẫn tâm-tâm niệm niệm rằng đức Thượng-đế đã ủng-hộ cho nàng, vì vậy nên nàng thấy những việc khó khăn sẩy ra cũng vẫn kiên-tâm vững chí.

Nàng vẫn hi-vọng được tự-do mà nào có được. Nàng hi-vọng thế nên nàng mới vui mừng khôn xiết, chỉ một lòng cầu nguyện đức Thượng-đế, nhưng ý-tưởng càng mập mờ khôn tả đến chính nàng cũng không biết nàng định cầu đức Thượng-đế những gì, nàng chỉ xin ngài ủng-hộ cho nàng được tới cái mục-đích mà nàng đã có cái hạnh-phúc nghĩ ra.

Vậy nên nàng chỉ một niềm định đến quì trước sân rồng khiếu-oan cho thân-phụ.

Nàng đã tìm được ở trong cái miếu gần nhà một nơi để cầu nguyện. Nàng thường đến đó cầu-nguyện đức Thượng-đế phù hộ cho nàng tìm được cách đi và lúc thượng-lộ được bình-yên vô-sự, vì vậy nên có khi nàng mê cầu-nguyện quên cả việc nhà, song-đường đã đòi phen quở mắng.

Nàng đã định ngỏ cho hai thân biết cái chí định của nàng, nhưng mỗi khi nàng sắp lại gần thân-phụ để thỏ tuẻ giãi bày tâm-sự thì lòng can-đảm của nàng hình như đã tiêu tan đi rồi, vì nàng chắc rằng những lời nàng định nói cũng chẳng có hiệu-quả chi đâu.

Sau nàng suy nghĩ đã chín, nàng mới định ngày để trình bày cái ý-kiến của mình cho song-thân rõ.

Ngày định đã đến, nàng bèn vào miếu cầu đức Thượng-đế ủng hộ cho nàng có can-đảm để hùng-biện, thì may ra mới có phần chắc; về tới nhà nàng trông thấy thân-phụ nàng đang ngồi trên ghế trước cửa hút thuốc. Nàng bèn đánh bạo đi đến gần, hết sức trổ tài hùng-biện để giãi bày tâm-sự của mình.

Thân-phụ nàng cứ lẳng lặng ngồi nghe con nói, đoạn, ông nắm lấy tay con rồi dẫn con vào nơi vợ đang nấu nướng. Ông cất tiếng bảo bà vợ rằng:

— Bà nó ơi! tin này thật là tin may mắn lạ thường! Ta đã tìm được một người bênh vực có quyền-hành. Người ấy là con ta đây, con ta sắp đến Sanh-bê-tách-bua vào bệ-kiến đức kim-thượng để khiếu-oan cho ta đấy bà nó ạ.

Nói vậy rồi ông lại kể cho vợ nghe những lời mà nàng vừa nói. Người mẹ nghe xong cất tiếng mà rằng: — «Tôi thiết tưởng để con nó giúp ta những công việc thường còn hơn là để con nó kể cho ta nghe những điều viển-vông như vậy».

Người thiếu-nữ đã liệu lời để cha mẹ khỏi sinh ra giận dữ, nhưng nghe thấy lời trào-phúng đó nàng không tài nào không khỏi ngã lòng.

Bởi vậy nên mới thổn-thức khóc chẳng ra lời châu rơi chan-chứa.

Thân-phụ nàng thấy vậy nghiêm-khắc mắng nàng, còn bà thân-mẫu thấy nàng nức-nở bà động lòng chạy lại ôm con, đoạn, bà cầm cái khăn lau rồi mỉm cười mà nói:

— «Thôi con, con hãy lau bàn dọn cơm ăn đã, rồi con ra Sanh-bê-tách-bua nào có muộn đâu».

Sự vừa sẩy ra thế là ý cha mẹ nàng cốt để cho nàng đừng mơ-tưởng như vậy nữa, nhưng nàng không lấy việc đó mà ngã lòng.

Mùa đông đã qua, băng tan tuyết hết, nên nàng lại nhiều lần nói cùng hai thân về việc khởi-hành.

Thân-phụ nàng thấy nàng cố nài nói mãi như thế, nên ông phát-khùng mắng nàng tàn-tệ và cấm nàng không được nói về việc ấy nữa.

Thân-mẫu nàng thường dịu-dàng nói cho nàng biết rằng nàng còn niên-

thiếu chưa biết đến những sự khó-khăn sẩy ra trong cuộc viễn-du như thế.

Từ lúc ấy đến ba năm về sau, cô Lê-Công-Vị không dám rỉ-răng nói về truyện đó nữa.

Thân-mẫu nàng bị-bệnh lâu ngày nên nàng phải hoãn cái dự-định của nàng chờ khi nào gặp dịp ; nhưng không ngày nào là nàng không cầu nguyện đức Thượng-đế run-rủi cho thân-phụ nàng bằng lòng cho phép nàng đi.

Người thiếu-nữ vô-học đó mà có lòng mộ-đạo, có chí cả-quyết như vậy, tưởng cũng lạ thường.

Thân-phụ nàng không phải là không tin tôn-giáo nhưng ông không ưa lễ bái quảng xiên, còn thân-mẫu nàng về việc này thì rất sùng, vì bà cũng vô-học như cô con.

Ba năm về sau, nàng đã có trí khôn hơn trước vậy nên nàng thường được cùng hai thân bàn về việc gia-đình.

Nàng không phải coi như phường con nít như mấy năm về trước, nhưng cái dự-định của nàng thành ra chưa giải-quyết được là vì những lời cảm động của song-thân nàng làm cho nàng ngã chí.

Nào có phải những câu bông cợt hay lời dậm-dọa mà nàng ngã lòng đâu. Nàng ngã lòng là vì những giọng nỉ-non của mẹ, những hạt nước mắt của cha. Cha mẹ nàng thường bảo nàng rằng :

— « Con ơi ! nay cha mẹ đã già rồi, cha mẹ cũng chẳng còn gia-tài tiền của hay anh em thân - thích ở bên Russie (Ruýt - si) nữa ; cha mẹ chỉ có mình con để vui thú cảnh già, vậy con nỡ lòng nào mà để cha già mẹ yếu ở giữa nơi đồng không mông quạnh này mà đi cho đành dạ ? Con ơi ! sự tự-do của cha ra khỏi chốn này chẳng biết có được không, nhưng con mạo-hiểm đi muôn dặm trường-đình, sơn-xuyên cách-trở thì tài nào cha mẹ lại chẳng lo sợ cho tính-mệnh con » ?

Nghe lời nghiêm-huấn cảm thương như vậy, nàng Lê-Công-Vị giọt lệ tuôn rơi ; nhưng chí nàng cũng không hề thay đổi.

Nhưng muốn đi lại phải có giấy thông-hành, nếu không thì đến đi ra khỏi làng mình ở cũng khó lòng mà đi được. Nàng cho sự ngăn-trở này to hơn sự ngăn-trở của gia-nghiêm, vì chính-phủ Tô-bôn đã không lần nào trả lời những lá thơ của thân-phụ nàng gửi tới. Thế thì việc xin giấy thông-hành tưởng cũng khó lắm thay !

Bây giờ nàng lại nghĩ đến kế làm thế nào mà lấy được giấy thông-hành, nên việc định đi lại hoãn.

Trong làng Ý-chính có một tội-nhân tên là Nai-Lệ, sinh ở đất Ruýt - si, nhưng hẳn là con một người thợ may nước An-lơ-măng. Anh chàng Nai-Lệ đã ít lâu làm nô-bộc một sinh - viên trường đại - học Moscou vì vậy nên ở đấy anh chàng cũng vào tay cự-phách.

Nai-Lệ vì có nghề may thuê nên được hầu hết dân-sự cùng tù-nhân trong làng biết tiếng. Người thì lại thuê anh chàng may vá, người thì nhân cái tính bướng-bỉnh của anh chàng mà đến bỡn-cợt ghẹo đùa.

Trong bọn diễu cợt này cũng có ông Lê Phúc-Lộc vì vậy bác phó may cũng một đôi khi lại nhà ông trò chuyện.

Bác phó may ta biết nàng Lê-Công-Vị sùng lễ bái, nên vẫn gọi bông nàng là cô thánh-sống.

Còn nàng vẫn tưởng bác phó có tài-học - thức uyên-thông định nhờ bác thảo cho cái đơn để gửi lên quan toàn-quyền khiếu-oan cho thân-phụ. Nàng đinh-ninh thế nào cũng nhờ được việc ấy chỉ còn có chữ ký của cha mình là xong công việc. Một hôm, nàng ở ngoài

sông vừa giặt quần áo xong, khi sắp sửa đi về thì nàng làm dấu chữ thập rồi nàng mới quảy quần-áo mang đi. Bác phó ta chợt đi qua đó thấy vậy cất tiếng mà nhao nàng rằng: « Nếu cô làm phép thêm vài cái nữa thì có lẽ quần-áo giặt kia có phép lạ chạy được về nhà đấy cô thánh-sống ạ ».

Nói thế rồi anh chàng sấn lại đỡ gánh nặng mà rằng:

—« Cô đưa tôi mang đỡ cho nào, tôi làm thế này để tỏ cho cô biết rằng những người bướng-bỉnh mà cô vẫn ghét xưa nay rất là tốt bụng lắm đấy cô ạ ».

Đoạn, anh chàng quẩy gánh nặng lên vai mang đến tận làng nàng ở. Lúc đi đường, người thiếu-nữ chỉ chú-ý về việc xin giấy thông-hành nên cũng có kể cho Nai-Lệ biết việc khiếu-oan và xin anh chàng thảo hộ cho cái đơn. Nhưng khốn thay! ông triết-học ta lại không biết viết, ông thú thật rằng lâu nay ông trễ nải văn-chương chỉ chuyên nghề may thuê và mướn. Sau ông có bảo cho nàng biết một người trong làng có thể giúp nàng việc ấy.

Cô Lê-Cộng-Vị vui mừng khôn xiết, định để việc đó đến hôm sau. — Khi về đến nhà nhân có mấy người quen đang ngồi nói chuyện; chàng Nai-Lệ ta bèn khoe công việc vừa giúp nàng rồi lại nhạo nàng về thói tin sự dị-đoan phép lạ. Nhưng sau bị nàng trâm-trích lại rằng:

— « Sao tôi lại không tin cậy lòng trời. Vừa rồi ở bờ sông tôi cũng cầu ngài nên quần-áo tôi vừa giặt xong có ngay một anh chàng..... đến xin mang hộ về nhà. Như vậy chả phải là phép lạ hay sao, tôi đã cầu trời đấy.»

Nghe vậy những người ngồi đấy trông bác phó mà cười ầm lên, anh chàng thấy thế xấu-hổ bước ra.

Nàng còn gặp nhiều cảnh-ngộ bối-rối khó-khăn khác nữa nhưng nàng sáng-ý nên việc cũng xong xuôi.

Hôm sau, nàng đến nói chuyện với người mà bác phó may đã bảo thì nàng mới rõ rằng trong đơn nàng phải đứng tên.

Khi lá đơn viết xong thì nàng đưa trình thân-phụ.

Ông Lê-phúc-Lộc ngần ngại hồi lâu rồi ông đính cả lá thơ riêng của ông nói về tình-cảnh mình rồi ông cho nàng đem gửi.

Từ lúc đó nàng không đem tâm lo nữa nên lại khỏe mạnh như thường; song-thân nàng thấy con như thế cũng hả dạ khuây sầu. Nàng vui như vậy là nàng đinh-ninh rằng có trời phù-hộ thì thế nào cũng xin được giấy thông-hành.

Nàng thường đi chơi trên con đường dẫn về mạn Tô-bôn là có ý mong tin thơ đến.

Nàng đi qua cái trạm thơ mà không dám vào hỏi việc thơ từ, vì tên lính già coi trạm đó ăn nói cục cằn và hắn vẫn biết ý nàng nên thường báng-bổ.

Từ lúc cái đơn gửi đi thấm-thoắt được sáu tháng tròn thì một hôm có tin thơ đã tới. Nàng cùng hai thân vội ra trạm để lấy. Ông Lê-Phúc-Lộc ký giấy lĩnh thơ.

Bóc ra thấy có giấy thông-hành mà con mình đã xin thì cả nhà mừng khôn xiết kể vì đã bao năm phải dầy ải nơi đất khách tha-hương không ai đoái tới, mà nay lại được ân trên nghĩ đến, tưởng cũng là may mắn biết bao!

Nhưng những điều ông Lê-Phúc-Lộc xin khẩn-cầu thì trong thơ thật không thấy nói.

Nếu chánh-phủ không cho nàng giấy thông-hành bắt nàng phải ở lại Si-bê-ri thì thật không công bình vậy.

Còn điều khẩn-cầu của ông Phúc-Lộc mà không thấy chính-phủ trả lời thì ông lấy làm buồn rầu khôn

xiết, nên nỗi mừng vừa nhóm lại tiêu tán ra tro. Ông giữ lấy giấy thông-hành rồi nói cho nàng biết ông cho phép nàng gửi giấy xin như thế là để nàng khỏi làm bận đến lòng ông, vì ông vẫn đinh-ninh rằng thế nào cũng không được.

Nàng Công-Vị theo song-thân về nhà chẳng rằng chẳng nói, nhưng đi dọc đường nàng cũng khấn trời đã phù-hộ cho nàng được một điều cầu-nguyện.

Nàng thấy phụ-thân nàng gói cái giấy thông-hành, thì nàng cho là điềm lành.

Vì nếu ông mà xé cái giấy ấy đi, thì nàng cho là lòng trời xui ra thế, đức Thượng-đế chưa định cho nàng đi.

Nàng lại vào miễu cầu-nguyện trong khoảng hai giờ. Cầu xong, nàng lấy làm khoái trí không còn nghi-ngại gì đến việc nàng định làm nữa.

Ký-sự tần mần thế này chắc cũng có người cho là trò-trẻ, nhưng nghiệm xem mới biết những sự gian-nan mà nàng đã trải để đạt tới mục-đích cao-xa của nàng phi không có trời ủng-hộ quyết phàm-nhân không tài nào làm được.

Việc gì sảy ra cho nàng, nàng cũng cho là tại lòng trời. Vì vậy nàng thường nói :

— « Có một đôi khi tôi đã nghiệm, tôi tin vào lòng trời là không bao giờ tôi thất-vọng cả ».

Được ít lâu trong gia-đình nàng có một sự sảy ra làm cho nàng thêm lòng can-đảm và có lẽ vì thế song-thân nàng may ra cũng quyết-định cho nàng đi.

Thân-mẫu nàng tính hay ưa thói dị-đoan nên nhiều khi lấy những việc hằng ngày sảy ra mà nghiệm cuộc tương-lai.

Bà không tin có những ngày khổ-sở, thế mà bà định làm vệc gì là kiêng ngày thứ hai (ở nước Ruýt-si những người tin dị-đoan cho ngày thứ hai là ngày khổ-sở và những ngày khổ-sở thì không nên làm việc gì).

Một đôi khi bà cũng cầm quyển Thánh-thư mở vào trang nào mà đọc được một câu có nghĩa tương-tự với cảnh mình là bà nghiệm điều lành dữ.

Cách xem số như thế rất thịnh-hành ở bên nước Ruýt-si, khi mở sách thấy câu nào vô-nghĩa lại mở tìm câu khác, đoán đi đoán lại hễ nghĩa nào hợp cảnh mình thì cho là phải là hay. Những người khổ-sở thường hay tin nhảm, khi họ thấy những điều tiền-định trong sách hợp với lòng mong mỏi của họ thì họ vui mừng khôn xiết.

Tối nào ông Lê-Phúc-Lộc cũng đọc một chương Thánh-thư cho cả nhà nghe rồi ông cắt nghĩa cho vợ cùng con nghe những câu khó hiểu. Cô thiếu-nữ thấy thân-phụ mình ham đọc kinh như vậy thì lấy làm thích chí vô cùng.

Một tối, khi đọc kinh vừa xong, quyển Thánh-thư để trên bàn, tiếng-tăm yên-lặng, cô thiếu-nữ muốn nối thêm câu chuyện, nhìn mẹ mà rằng:

— « Mẹ thử giở quyển Thánh-thư lấy trang bên tả dòng thứ mười một, đọc xem điềm lành dở thế nào ».

Bà mẹ vội cầm quyển sách mở ra đếm đến dòng thứ mười một, rồi đọc to lên :

« Một vị thiên-thần gọi bà A-Gã mà rằng: Bà làm gì đấy ? Không hề chi mà sợ »

Thấy đoạn này hợp với ý nàng nên nàng mừng rú lên rồi cầm lấy quyển Thánh-thư hôn lấy hôn để. Bà mẹ thấy vậy nhìn chồng mà rằng :

— « Thật lạ quá thôi».

Thân-phụ nàng không dung thói tin nhảm ấy cất tiếng nói :

— « Bà lấy cái kim mở quyển sách định hỏi ý trời, bà tưởng thế là ngài

bảo cho bà biết những ý-tưởng kỳ-khôi của bà đấy ư ? » Rồi lại mắng con : « như vậy thì có lẽ chuyến này có một vị thiên-thần cùng đi với con và khi nào con đang đi ở nơi đồng không mông quạnh mà con có khát thì ngài sẽ cho con uống đấy ! — Con mộng-tưởng như vậy mà con vẫn chưa biết rằng con điên-rồ hay sao ? »

Nàng Công-Vị thưa cùng thân-phụ rằng không dám mong có vị thiên-thần xuống giúp, rồi sau nàng lại nói thêm rằng :

— « Con chỉ mong vị thiên-thần thủ-mệnh của con không lúc nào dời con trong cuộc lữ-hành của con sắp đi thôi. »

Ông Lê - Phúc-Lộc thấy con một niềm như thế cũng đã núng lòng, nhưng thấm thoắt một tháng vừa qua mà việc khởi-hành của nàng không thấy nói đến chi cả.

Nàng vào miễu cầu-nguyện đức chúa Trời về việc nàng đi, vậy nên việc thần-hôn thường hay trễ nải.

Có khi nàng dọa ông bà Lê-Phúc-Lộc rằng nàng đi không cần đến giấy thông hành kia nữa, nên khi nàng vắng nhà trong giây phút, là song-thân nàng đem lòng lo nghĩ.

Một hôm đi lễ về, nàng đến nhà chị em nói chuyện trong khoảng vài giờ mà cha mẹ nàng ở nhà đã tưởng nàng đi khỏi nơi ấy rồi. Khi nàng về, bà mẹ giọt lệ tuôn rơi, cất tiếng mà rằng :

— « Con về chậm quá ! Ở nhà thày mẹ cứ tưởng con đã từ-biệt chốn này mà đi không trở lại nữa rồi. »

Lê-Công-Vị nói :

— « Thày mẹ đem lòng phiền-muộn như thế là vì thày mẹ không đưa cho con cái giấy thông-hành kia đấy thôi. Nếu thày mẹ không đưa cho con, thì chắc là thày mẹ cứ phải nghĩ đến con luôn mà có khi thày mẹ lại phải bận lòng sinh ra hối-hận. »

Giọng nàng nói buồn rầu thảm-thiết chắc bà từ-mẫu nghe mà động lòng vàng, nên bà mới hứa với nàng là bà thuận cho nàng đi Sánh-bê-tách-hoa.

Còn việc khởi-hành của nàng được hay không bây giờ chỉ còn tùy thân-phụ nàng quyết-định. Ông Lê-Phúc-Lộc lấy làm bối-rối cho việc này mới khó nghĩ sao.

Có một buổi sáng, bà Lê-Phúc-Lộc nói với phu-quân ra vườn đào khoai để đem về nấu nướng. Ông đang buồn rầu nghĩ ngợi, không chú-ý đến lời bà cho lắm, bỗng ông giật mình mà rằng : « Được bà cứ giúp bà tôi sẽ giúp bà ».

Nói đoạn, ông cầm sẻng bước rảo ra vườn.

Người thiếu-nữ cũng theo cha ra vườn năn-nỉ mà rằng;

— « Cha vừa nói trong lúc nguy-nan mình phải biết giúp mình, thật là rất phải. Con cũng mong đức Thượng - đế giúp con làm cho cha nghe những lời con nói mà cha phải động lòng. Cha ơi ! cha đưa cho con tờ thông-hành, ý trời là như thế. Vậy cha nên chiều ý trời để con khỏi phải mang tiếng bất-hiếu trái lời cha dạy ».

Nói đoạn, nàng qui xuống van nài thân-phụ ; cố làm cho ông Lê-Phúc-Lộc phải động lòng thương. Ngay lúc ấy thân-mẫu nàng vừa đến. Nàng van bà nói giúp với ông, nhưng bà lưỡng-lự, vì bà thuận cho nàng đi, nhưng bà không có can-đảm xin việc đó với ông. Nhưng sau ông thấy nàng cầu - khẩn mãi, ông biết nàng cả-quyết lắm rồi, nếu ông không ưng, thì chắc là nàng cũng trốn đi, nên ông cất tiếng mà rằng :

— « Giữ con bé này ở nhà thì được trò-trống gì ? Ừ thì để nó đi. »

Nàng mừng rỡ mà rằng :

— Cha ơi ! chuyến này con đi đến

Sanh-bê-tách-bua con sẽ vào sân rồng bệ-kiến đức Kim-thượng thì chắc rằng đức Thượng-đế đã thương con làm cho cha đã xiêu lòng thì lần này ngài cũng thương con mà làm Hoàng-thượng phải động lòng thương đến cha con ta ».

Ông Lê-phúc-Lộc nghe con nói vậy, rơi lụy mà rằng :

— «Kia con tưởng tâu đức Hoàng-đế cũng dễ như con nói với cha thế này ư? Con không thể nào tới đến gần cửa lâu-đài nhà vua được đâu, vì ở chung quanh còn có quân lính canh gác nghiêm-ngặt lắm. Một đứa ăn mày hèn hạ như con, nào có quần áo sang trọng đâu mà con dám tới sân rồng và ai dám đưa con vào tới đấy »

Nàng Lê-Công-Vị nghe vậy không hề ngã chí, bèn cất tiếng mà rằng :

— « Con vẫn biết vì lòng cha thương con mà cha lo xa cho con như thế. Nhưng con cũng có nhiều cớ mà hi-vọng được. Đấy, cha lại chả biết những việc mà đức Thượng-đế đã ủng-hộ cho con đấy ư? Con không biết làm thế nào mà lấy được giấy thông-hành thì ngài đã ứng vào miệng anh phó may mách con kế ấy, rồi ngài lại làm xiêu lòng quan Toàn-quyền Chánh-phủ Tô-bôn. Đến cha đây thì cũng vì ngài nên cha mới thuận cho con đi. Vậy con xin cha cứ chắc cho rằng Ngài đã làm cho con tránh được biết bao sự khó khăn như thế thì chắc thế nào ngài cũng giúp con những phương-kế khác mà tới được sân-rồng. Lúc đó ngài lại sẽ cho con có những lời cảm-động để tâu đức Hoàng-đế. Vậy thì cha chỉ ưng cho con đi là cha con ta được ra khỏi chốn này.

Người thiếu-nữ được phép đi Sanh-bê-tách-bua là từ lúc này, nhưng chưa định hôm nào khởi-hành.

Ông Lê-Phúc-Lộc cũng có nhờ bạn giúp thì cũng có mấy người tình-nguyện giúp. Ông còn chờ xem có người bộ-hành nào qua đó ông sẽ gửi nàng nhờ người trông nom hộ.

Nhưng lâu chẳng thấy ai mà nàng Lê-Công-Vị thì sốt-sắng đòi đi.

Tất cả cơ-nghiệp trong nhà chỉ còn có một đồng tiền rúp (rouble) (giá độ 4 phật lăng). Ông bà Lê-Phúc-Lộc hết sức xoay-xở cũng không thêm được đồng nào, sau ông bà theo ý nàng định đến mồng 8 tháng 9 là ngày cho nàng khởi-hành.

Được tin ấy thì người quen thuộc lại thăm nàng nhiều lắm, nhưng phần nhiều là vì tính tò-mò chứ không phải vì tình thân-thuộc.

Họ đã không làm cho nàng thêm lòng phấn-chấn mà lại còn trách ông Lê-Phúc-Lộc sao quá nuông con.

Họ lại nói những nỗi khó-khăn trong cuộc lữ-hành làm cho nhiều người muốn giúp nàng thành sinh ra nản chí. Như vậy là họ lại làm cho bà Phúc-Lộc lo nghĩ thêm thôi. Thế nhưng mà trong những người bạn đó cũng có hai người, tuy rất khổ-sở dê hèn nhưng rất là tốt bụng, họ đem lời khuyên giải, mà rằng :

— «Xưa nay đã biết bao nhiêu việc người ta tưởng không tài nào làm được mà vẫn có hiệu-quả đấy thôi. Nếu cô Lê-Công-Vị không tới được sân-rồng rồi thế nào cô cũng tìm được người che chở. Tấm lòng chí-hiếu của cô chắc thế nào cũng có người có thế-lực trong nước biết mà cảm-phục mến yêu rồi tâu đức Hoàng-thượng giúp cô. Cô cứ vững tâm chớ ngại. »

Rạng đông ngày hôm mồng 8, hai người này lại đến đưa chân người thiếu-nữ lên đàng, thì nàng đã thu đồ hành-lý vào một gói, sắp sửa ra đi.

Ông Phúc-Lộc đưa đồng tiền rúp cho con, nhưng người thiếu-nữ không lấy, nói rằng món tiền nhỏ ấy để ở

nhà còn có ích cho song-thân đôi chút, nhưng ông nhất-định bắt nàng phải cầm lấy mang đi.

Hai người tù-nhân kia cóp nhặt được ít tiền cũng đưa giúp nàng, nhưng nàng nhất-định không lấy rồi nói một cách cảm-động rằng :

— « Nếu trời mà đoái thương đến song-thân tôi thì tôi mong rằng ngài cũng nghĩ tới hai ông. »

Ngay lúc đó thì mặt trời vừa mọc, ánh sáng chiếu rọi vào nhà, người thiếu-nữ bèn cất tiếng mà rằng :

— « Đến giờ rồi, thày mẹ cho phép con đi.»

Nói vậy nàng ngồi sụp ngay xuống.

Ấy tục nước Rut-si như vậy. Khi một người sắp đi xa, lúc từ-giã nhau thì các người thân-thuộc với mình cùng nhau ngồi xuống kề-lề hàn-huyên độ trong giây phút.

Lúc đứng dậy thì lụy rơi lã chã, sụt-sùi khóc lóc lúc phân-chia.

Cái quang-cảnh này mới trông thì tưởng là thường nhưng xét ra mới biết trong có ngụ-ý rất hay. Khi sắp cùng nhau vĩnh-quyết mà cùng nhau ngồi trò-chuyện như vậy thì nỗi phân-ly tưởng cũng quên được ít nhiều.

Người thiếu-nữ quì xuống nghe lời nghiêm-huấn rồi ôm lòng từ-giã song-thân. Hai người quen đó cũng tiễn nàng một quãng đường dài rồi mới trở về.

Ông bà Lê Phúc-Lộc đứng ngây trước cửa trông theo con cử-bộ đăng-trình.

Dân - sự nơi đó cho ông Phúc-Lộc xui con làm sự nguy-hiểm như vậy, nên nhiều khi họ đến trách ông.

Còn hai người tù-nhân kia tính mộc-mạc đem nói cho họ biết lời hứa của người thiếu-nữ, nên họ chế nhạo cho thảm-hại không cùng.

Thôi ta để truyện đó một nơi, ta hãy nói đến người nữ-kiệt.

Khi hai người tội-nhân kia từ-giã nàng trở lại nàng gặp được nhiều người thiếu-nữ khác cũng đi một đàng đến một làng, cách làng Y-chinh độ 25 ki-lô-mét.

Đến một cửa rừng gần đấy các cô thiếu-nữ này lại gặp một bọn thanh-niên nhà quê. Trong bọn này có vài cậu ra dáng ma-men ám-ảnh, nhảy xuống ngựa lại gần những người thiếu-nữ, tán nhảm nói muốn cùng những người này đi qua cái rừng nhỏ ấy cho vui.

Các cô thiếu-nữ có ý lo sợ, không muốn cho những cậu thanh-niên kia nhập bọn mình, nên thoái-thác nói còn phải nghỉ lại ăn cơm và xin các cậu cứ đi trước cho, nhưng các cậu tán rằng muốn dẫn các cô đến tận làng.

Nàng Lê Công-Vị thấy vậy bèn nghĩ ra một kế mà rằng : « Chúng tôi cũng muốn đi với các ông một thể cho vui, nhưng chúng tôi còn phải ở đây chờ các anh tôi sắp mang xe bò đến chở chúng tôi đi ».

Bọn con trai trông đàng xa quả thấy mấy người đang kéo xe bò, bèn nhảy lên ngựa phóng nước đại-cút thẳng.

Nàng-Công-Vị cất tiếng mà rằng :

— « Thiệt là một sự nói dối, nhưng không hại chi mà sợ ».

Khi nàng tới làng bên cạnh và nhà một người quen ngủ trọ. Ngày hôm sau, lúc nàng thức dậy thấy trong mình mỏi mệt lạ thường, vì hôm trước đã đi hết sức.

Lúc ở nơi hàn-ốc ấy bước chân ra đi nàng lại sinh lòng sợ hãi vì thấy mình ở nơi đồng không quãng vắng, thân gái dặm trường. Nhưng sau nàng nhớ đến truyện bà A-Gã ở nơi sa-mạc mênh-mông, nên nàng lại vững tâm yên-chí. Nàng bèn làm dấu chữ thập rồi lại bước rảo trên đàng, đinh-ninh gửi tấm thân hèn vào vị thần thủ-mệnh.

Nàng đi được ít lâu, bất thình-lình

trông ngay thấy cái biển-hiệu có vẽ con phượng-hoàng của cái tửu quán mà ngày hôm trước nàng đã đi qua, nàng biết là lầm đàng vì nàng đi thế là đi quanh lại. Nàng bèn đứng lại ngẫm nghĩa hồi lâu, bỗng trông ngay thấy người cho nàng ngủ trọ đêm trước đang đứng dựa cửa mỉm cười mà rằng:

— «Nếu cô đi như vậy thì nên trở về còn hơn, đi làm gì thế cho nhọc thân vô-ích ».

Nàng đi thường bị lạc đàng thế luôn mà khi nào nàng hỏi thăm đàng đến Sanh-bê-tách-bua thường bị người chế nhạo vì chỗ nàng đi mà đến chỗ nàng muốn tới thì còn xa lắm, kể còn muôn dặm trường-đình. Vì vậy nên nàng bối-rối vô-cùng.

Nàng còn ở nhà thường được bà thân-mẫu nói cho nghe tỉnh Kim-an là nơi danh-lam trong nước. Nàng tưởng nơi đó cũng cùng một đường đến Sanh-bê-tách-bua, nên nàng định khi qua đó nàng sẽ vào thề-nguyện tu-hành, nếu nàng được xong mục - đích.

Nàng tưởng lầm như thế nên nhiều khi nàng hỏi những người bộ - hành về việc đi đường, thì người ta đều tủm-tỉm cười mà đáp lại.

Có khi nàng đi đến chỗ nhiều con đường chập lại nàng không biết đi đường nào cho phải, nàng đứng lại hồi lâu chờ người bộ-hành đi qua hỏi thăm đường đi đến Kim-an thì người ta tưởng nàng hỏi đùa nên cười mà đáp rằng :

— « Đấy cô muốn đi đường nào thì đi, đi con đường nào cũng tới được đến Kim-an, đến Ba-ri và đến cả thành Rôm nữa.»

Nghe vậy nàng bèn đi con đường giữa. Nàng không nhớ tên những làng nàng đã đi qua và những việc lặt-vặt tình cờ sẩy đến.

Khi nàng tới một xóm nhỏ nào thì thường được nhiều người tiếp-đãi tử-tế mà khi tới những làng nào có vẻ phong-phú, thì nàng tìm được một chỗ trú chân cũng rất là khó khăn vất-vả. Người trong làng cho nàng là một ả giang-hồ. Họ tưởng lầm như vậy, nên trong cuộc lữ-hành của nàng có nhiều sự khó-khăn ngăn trở.

Khi gần tới Khâm-châu thì nàng gặp ở dọc đường một cơn giông-tố. Nàng hết sức chạy cho mau tới chỗ có dân-cư gần đấy, nhưng nàng đang chạy thì cây cổ-thụ bị gió thổi đổ trước mặt nàng. Nàng kinh hồn hoảng vía phải chạy vào miễu tìm nơi trú - ngụ ẩn thân.

Nàng nấp ở gốc một cây cổ-thụ chung quanh cây có những bụi rậm xanh um.

Cả đêm hôm ấy mưa không rứt hột, gió vẫn rung cành, chiếc thân liễu-yếu một mình chịu khổ giữa chốn quạnh hiu.

Đến rạng đông thì gió êm, mưa ngớt người thiếu-nữ bụng đói, sống áo ướt đầm rét thấu đến xương, mà đôi chân yếu-ớt cũng phải cố bước lần đi,

May thay ! một người nhà quê qua đó thấy nàng như thế, động lòng thương cho ngồi trên xe bò chàng chở.

Nàng thấy nơi đó nhà cửa có vẻ thịnh-phồn, nàng sợ bị dân làng bạc-đãi, nên còn lưỡng-lự chưa dám hỏi ai.

Nhưng khốn thay, người mệt mỏi, bụng đói veo, nàng phải đến một cái nhà gần đó xin cho trú-ngụ, thì một người đàn-bà trạc độ ngũ-tuần ngồi trong nhà đang nhặt đậu thấy nàng đến trông nàng một cách khinh-bỉ rồi đuổi đi ngay.

Nàng đến nhà nào cũng bị người xua đuổi vì khi nàng ở trên xe bước xuống nàng đi không vững nên bị ngã quần áo đầy bùn và người nàng vì lo sợ mà trông ra thảm-hại.

Nàng đói lả không đi được, phải ngồi

nghỉ trước cửa một nhà thì bà chủ nhà yêu - ác đã không thương tình thì chớ lại riếc nàng là quân răng-há, phường xẻo dầy, rồi đuổi nàng không cho ngồi cửa.

Người thiếu-nữ thấy gần đấy có cái nhà thờ Đạo, nàng cố lần bước đi ra bụng nghĩ rằng: « chắc chỗ này ta không bị ai xua đuổi nữa.»

Cửa nhà thờ đóng, nàng ngồi chỗ bực bước lên. Trẻ con theo sau xúm đông xúm đỏ hung quanh rồi chửi nàng, cho nàng là phường xẻo dẫy.

Nàng cố nhẫn-tâm chẳng rằng chẳng nói chỉ cầu trời phù-hộ cho thôi.

Ngay lúc ấy một người đàn - bà lại gần nàng hỏi chuyện. Nàng bèn kể nỗi khổ-sở cho bà nghe. Nhiều người qua đấy cũng dừng lại đứng nghe nàng nói.

Một ông già bảo nàng đưa giấy thông-hành cho xem. Xem xong ông nói giấy thông-hành của nàng phải phép.

Người đàn-bà kia thương tình cho nàng trú-ngụ, nhưng khi nàng đứng dậy thì đứng lên không vững, giầy mất chân sưng. Người đứng xem đều động lòng thương, bèn dề nàng lên một cái xe bò. Những đứa trẻ vừa chửi nàng cũng túm lại đẩy xe đến nhà người đàn-bà nhân-đức ấy. Nàng ở nhà bà cũng đã lâu.

Khi ở đấy một người đàn ông nhân-đức trong làng cho nàng một đôi giầy khác. Lúc khoẻ rồi nàng xin từ-giã người chủ-nhà mà thượng-lộ, đi mãi đến mùa đông, khi mệt quá nàng mới chịu nghỉ ít lâu, trong các làng rải-rác ở dọc đàng — Nàng trọ ở đâu nàng cũng cố làm ích-lợi cho chủ-nhà, hoặc quét-dọn, hoặc giặt-rửa, hoặc may-vá. Khi nàng vào ở một nhà nào, nàng còn dò xem ý-tứ rồi nàng mới kể-lể chuyện mình.

Nàng có ý nhận được rằng khi nàng mới nói mớm chuyện nàng ra thì không những chẳng ai tin cả, mà lại còn cho nàng là một ả giang-hồ.

Có khi nàng phải đi hành-khất và có lúc nàng phải giãi bày sự khổ mới tìm được một nơi trú-ngụ.

Nàng có đi như thế nàng mới biết lòng người nham-hiểm khôn dò.

Thường nhiều người mới thấy nàng lại nói khó khăn thì xua-đuổi tân-tệ, nhưng sau họ thấy nàng đi sụt-sùi khóc-lóc, giọt lệ rắc đàng, thì họ lại gọi nàng về nhà mà tru-đãi.

Nàng Lê-Công-Vị vì cảnh-ngộ xui ra như thế, nên khi bị người xử tệ thường động lòng tủi phận thương thân.

Sự khám giấy thông-hành của nàng mà trên vừa nói thì cũng có hiệu-quả rất hay. Trong giấy thông-hành cũng biên nàng là con gái một viên trung-tá nên đến nơi nào nàng cũng đưa ra, thường được người hậu-đãi.

Nàng cũng thú thật rằng nàng bị bạc-đãi thì ít, mà được hậu-đãi thì nhiều. Về sau nàng lại nói rằng: « Người ta tưởng rằng cuộc lữ-hành tôi đi thế thì nguy-nan lắm, vì tôi chỉ kể những sự ngăn-trở khó-khăn mà không nói gì đến những nơi hậu-đãi.»

Trong cuộc lữ-hành của nàng sẩy ra nhiều việc nguy-nan, nhưng có một việc ghê-gớm suýt có thể hại đến tính-mệnh nàng là việc sau này:

Một buổi chiều kia nàng đi trong một cái làng ở dọc đường tìm nơi trú-ngụ. Một bác nhà-quê mà nàng vừa đến hỏi xin trọ một đêm, thì hắn đã chối, sau lại theo nàng rồi gọi nàng trở lại. Anh chàng đã có tuổi, mặt-mũi rất gớm-ghê.

Nàng sợ nếu không trở lại thì không tìm được nơi nào khác nữa, nên nàng để cho anh chàng dẫn về nhà. Vào

đến trong nhà rồi nàng mới sinh lòng hối-hận vì, khi nàng vừa vào thì anh chàng dẫn lộ vội chạy ra đóng cửa cài then rất kỹ-càng, còn mụ đàn-bà thì làm ra bộ rất đáng nghi đáng sợ. Trong cái hàn-ốc ấy không có đèn, chỉ có mấy mảnh gỗ thông đốt cháy cắm vào lỗ tường, hết mảnh này lại thay mảnh khác.

Dưới ánh sáng thảm-đạm đó, người thiếu-nữ liếc mắt nhìn quanh mình thấy hai người kia trừng-trừng nhìn nàng trong độ vài phút, rồi mụ đàn-bà cất tiếng hỏi rằng :

— Cô ở đâu đến đây ?

— Tôi ở Y-chinh đến, tôi sắp đi *Saint Pétersbourg* (Sanh-Bê-tách-bua).

— Á-à ! chắc cô đi xa như vậy phải mang nhiều tiền lắm đấy nhỉ ?

Người thiếu-nữ đáp một cách thực thà rằng :

— Thật quả tôi chỉ có 80 đồng tiền đồng thôi.

— Cô lại nói không được thật rồi, cô định đi như thế mà chỉ mang từng ấy tiền thôi ư ?

Người thiếu-nữ thề rằng chỉ có từng ấy tiền thôi, nhưng họ không tin lời nàng nói.

Mụ đàn-bà nhìn chồng rồi cười mà rằng :

— Tám mươi đồng tiền đồng mà đi từ Tô-bôn đến Sanh-bê tách-bua có lẽ thật đấy nhỉ ?

Người thiếu-nữ nghe vậy mà rùng mình run sợ, cố cầm giọt lệ rồi sẽ lầm bầm cầu đức Thượng-đế ủng-hộ cho mình.

Thế nhưng sau họ cũng cho nàng vài củ khoai để ăn, khi nàng ăn xong, mụ đàn-bà bảo nàng đi ngủ.

Nàng thấy như vậy, đem lòng nghi-hoặc biết là bọn gian-phi, nên trước khi đi ngủ nàng cởi áo ngoài ra để cho bọn kia khỏi phải lần lưng móc túi lôi thôi.

Một lúc lâu cặp gian-nhân đó tưởng nàng ngủ say rồi, nên họ mới lục áo nàng rồi cùng nhau nói chuyện, người thiếu-nữ nghe thấy mà kinh hồn :

— Chắc nàng còn có tiền giắt trong mình.

Mụ đàn-bà lại nói thêm rằng :

— Chắc còn, kia cổ nàng có đeo cái dây hẳn là dây túi, trong cái túi ấy thế nào cũng có nhiều tiền.

Cái túi ấy người thiếu-nữ không dám rời ra vì trong có đựng cái giấy thông-hành.

Họ lại nói khe-khẽ với nhau mà những tiếng nàng nghe thấy làm cho nàng phải rùng mình sởn ốc :

— Nào có ai trông thấy hắn vào nhà ta đâu, chắc không ai biết hắn còn lần-khuất ở làng này nữa rồi.

VŨ CÔNG-NGHI dịch-thuật.

(Còn nữa)

Nơi thông-tin cho ông Nguyễn Bá-Trác

Ông Nguyễn Bá-Trác nguyên chủ-bút Hán-văn bản-chí, mới rồi đắc-chỉ về Kinh, đã được tạm-phái làm việc ở Cơ-mật-viện. Từ nay quí-chức nào muốn gửi thư cho ông thời đề như sau này :

Monsieur NGUYỄN BÁ-TRÁC
Hường-lô tự khanh
Tạm-phái Cơ-mật viện
à
HUẾ

DƯ - LUẬN

Bản-chí tiếp được bài lai-cảo sau này, cứ y nguyên-văn lục đăng cho rộng đường dư-luận.

Vấn-đề sửa-soạn một quyển sách điển-tích tiếng Annam ta là một vấn-đề rất thiết-yếu cho ta bây giờ.

Nam-định, le 6 Février 1922
Nam-Phong Chủ-bút
PHẠM-QUỲNH tiên-sinh

Thưa-ngài,

Tôi nay có một bài bàn về tiếng và chữ Annam ta, gửi lên để ngài phủ-chính lại cho xem có được câu nào đích-đáng chăng. Cứ như thiển-kiến của tôi thì như thế, dám nhờ ý-kiến cao-minh ngài chỉ bảo cho.

Nguyên là ý tôi lấy điều soạn quyển sách Tự-điển Annam làm cần cho xã-hội ta ngày nay lắm. Đang lúc Hán-tự gần tàn, mà không cấp sửa soạn lấy sách ấy, thì sau này là một cái rất thiệt thòi cho tiếng ta, vì chữ Hán chiếm đến bốn năm phần trong tiếng An-nam, như : vần âm, *nào :* âm-ty, âm-phủ, âm-cung, âm-chất, âm-dung, âm-thanh, âm-nhạc, âm-công, âm-đức, *v. v. đều là tiếng chữ nho cả, hoặc chỉ một hai tiếng như* âm-tỷ *hay* âm-thầm *v. v. là tiếng thổ-âm ta mà thôi.*

Vả những câu dùng bằng Hán-tự lại mỗi câu có một nghĩa khác nhau, như âm-ty *và* âm-phủ, *thì hai tiếng nghĩa khác nhau nhiều, mà người không học Hán-tự, tất ngộ-nhận là ở dưới âm mà thôi. Nhưng* âm-ty *là các nha-môn ở dưới âm, mà* âm-phủ *là các phủ-đệ của các đế-vương dưới âm. Khi làm văn-chương không phân-biệt ra thì chả là vô-vị lắm ru ? Hiện ngày nay vào độ tháng trước cũng có bài văn đăng trong Báo kia về mục thời-sự Lao-kay có câu rằng: « Trông những đồn người Hoa-kiều làm trên núi ở Trấn-phòng ». . . Vậy ở Trấn-phòng có phải là đất Tàu không, mà người khách ở đất người khách sao lại gọi là Hoa-kiều được ? Hẳn không hiểu tiếng Hoa-kiều là gì vậy.*

Đại-đề như thế, thì sách tự-điển tiếng An-nam, còn nên hoãn đến bao giờ. Nên tôi có lấy trí thiển-cận của tôi, mà cũng đã thảo được ít nhiều vần tự-điển An-nam, nhưng tôi xét ra rằng: tiếng ta và chữ ta chưa có một cái cơ-sở chắc chắn kẻ dùng thế này người dùng thế khác. Nếu không có thể-cách nhất-định, thì chữ và tiếng sao dung-hoà với nhau mà thành-lập được, mà lấy đâu làm chuẩn-đích mà làm Tự-điển, cho nên tôi mới thảo bài luận này.

Ý kiến của tôi như thế, xin ngài xét lại cho xem hoặc có bổ-ích gì thì xin ngài đăng lên báo và xin chính ngài xướng-suất hô-hào trước cho, hộa may có được tới đến mục-đích chăng.

Còn những văn thảo tự-điển An-nam, nếu các bậc cao-minh công-nhận những ý-kiến bài bản của tôi cũng có bổ-ích được một hai chút, thì tôi sẽ xin mỗi kỳ Nam-Phong đăng lên vài vấn đề các bậc cao-minh phủ-chính cho, vì lấy tri-thức một người thì có hạn mà những ý-nghĩa cao-thâm thì không cùng.

NGUYỄN NHƯ-NGỌC
Lettré au Tribunal Provincial
Nam-Định

. . .

Gặp buổi đang tiến-hóa này, ta là người Annam mà ta không tinh-tường tiếng An-nam thì chả nên tiếc cho ta lắm ru?

Ít lâu nay đã nhiều người cổ-động nên sửa soạn sách ấy thì thực là đích-đáng lắm. Nhưng trước khi sửa soạn thì hãy xin bàn đến vấn-đề tiếng ta và chữ ta trước.

Ta là người ở Bắc-kỳ xin hãy bàn riêng tiếng Bắc-kỳ.

Tiếng Bắc-kỳ ta mỗi thổ-âm một khác, nhưng cũng có một thứ tiếng rất minh-bạch, rất phân-biệt, tưởng cũng có thể công-nhận là tiếng chính trong các thứ tiếng ở Bắc-kỳ vậy.

Còn như chữ thì nghìn năm về trước, nước ta đã có chữ hay chưa? lâu nay vẫn chưa giải-quyết được. Chỉ biết rằng: khi Tàu sang đô-hộ thì Hán-tự mới xuất-hiện ra,

Đến đời nhà Trần mới nhân chữ Hán làm ra chữ nôm.

Nhưng chưa được đủ, chưa được rõ ràng, và khi muốn viết cho rõ, khó chọn đúng vần và có chữ lại nhiều nét quá.

Như chữ « dủ 雙 chữ ra 蹲 vân vân. Sau đã sửa soạn cho giản-tiện lại thì chữ « dủ » chữ « ra » viết ít nét đi. Tuy thế mặc lòng, nhưng tìm cho đủ tiếng và đúng vần thì khó lắm và người học phải công-phu mới biết hết được.

Đời Hậu-Lê, các cố sang giảng-đạo, lại nhân chữ Âu-châu mà làm ra chữ quốc-ngữ ta đang dùng bây giờ. Thế là ta có hai thứ chữ riêng vậy.

Chữ Hán tuy thông-dụng cho ta đã lâu, nhưng nay ít dùng đi rồi, và cũng không phải là một thứ chữ riêng của ta, đã hẳn.

Còn chữ nôm và chữ quốc-ngữ thì sau khi có tiếng đã trải biết bao nhiêu thế-kỷ, mới nhân tiếng mà làm ra — Chữ nôm không đủ đã đành, còn chữ quốc-ngữ, kẻ học chữ chỉ học vần, sau tự tiếng mình mà viết ra, tự hồ chỉ biết có tiếng mà không biết có chữ là gì nữa. Ôi! tiếng và chữ các nước trong thế-giới này, tất cũng nhân tiếng mà làm ra chữ, nhưng chữ cùng tiếng dung-hòa với nhau mà thành-lập đã lâu, cho nên đã có một cái cơ-sở chắc chắn.

Tiếng và chữ quốc-ngữ ta ngày nay thì không thế; vì chữ phải theo tiếng chưa có cơ-sở gì vững vàng. Kẻ dùng theo thổ-âm này, người dùng theo thổ-âm khác, chữ cũng phải theo mà thay đổi, cho nên vẫn thành ra có tiếng và chữ chưa chuẩn-đích.

Nếu như thế thì tự hồ như có tiếng mà không có chữ, chữ phải theo tiếng và chỉ để phiên-dịch mà thôi.

Điều ấy ta sẽ giải-quyết ra thế nào?

Nếu công-nhận như thế thì ta nên phải tìm một thứ tiếng nào là chính, mà làm gốc, rồi sẽ bắt chữ phải theo, cho thành một cơ-sở chắc chắn, thì tiếng và chữ ta cùng văn-

chương ta mới có ngày mong cạnh-tranh cùng thiên-hạ được.

Đấy là nói về tiếng và chữ, còn cách dùng chữ quốc-ngữ ta ngày nay cũng nên bàn qua lại.

Chữ quốc-ngữ nguyên là bởi các cố trong nhà chung làm ra, cho nên đặt thêm ra một chữ mà người ngoài ta không dùng đến.

Ta không xét kỹ cũng nhận làm tiếng thường dùng của ta, nên lẫn lộn. Chữ ấy là chữ «*d*». Nguyên trong nhà chung khi nguyện ngầm thì phải dùng một thứ tiếng đọc rất dịu dàng, người ngoài nghe thì như đợt lưỡi ra, mà trong nhà chung thì bắt buộc phải thế.

Như khi đọc câu «*Máu chảy xuống đầy mặt rồng rồng*» thì đọc là «...*dòng dòng*» ; *lấy* «*giây gia mà buộc cổ*» thì đọc là «...*dây da*...» «thằng *giu-Ra*» thì đọc là thằng «*giu da*» « *quân giu Rên* » thì đọc là quân «*giu dên*» Chữ «*d*» ấy khi đọc phải đưa lưỡi ra ngoài đầu răng, hơi dựa lên hàm trên, mà đọc một cách rất dịu dàng. Chỉ khi nguyện ngầm mới dùng mà thôi. Nhất là khi thì ngầm nếu những tiếng ấy không đọc đúng thì là trắc (faute).

Đồng đạo các cố Y-Pha-Nho dùng khi nguyện ngầm cẩn-thận lắm. Tiếng ấy người ngoài không thể dùng được và không dùng bao giờ.

Nay ta thấy trong vần quốc-ngữ có chữ «*d*» ấy, thì ta vẫn nhận là tiếng thường dùng của ta mà bảo là dùng để đọc cho mềm mại, như Dàn-làng. v. v.

Vậy nay ta muốn sửa-soạn sách âm-thoại hay tự-điển Annam thì ta nên giải-quyết hai vấn-đề tiếng và chữ Annam và cả chữ « *d* » ấy ra thế nào?

Tiếng. — thì thổ-âm nào là chính ?

Chữ. — thì chữ quốc-ngữ là chính, mà chữ « *d* » có nên dùng không ?

Trong hai vấn-đề ấy giải-quyết xong, thì mới có chuẩn-đích mà làm sách ấy được.

Hai vấn-đề ấy thì thiển-ý tôi tưởng như thế này :

Vấn-đề thứ nhất. Tiếng thì chia ra làm ba thứ :

1° tiếng nói cách mềm - mại với tỉnh-thành.

2° tiếng ngọng (quê).

3° tiếng không phải tỉnh-thành mà cũng không phải ngọng (quê).

Tiếng tỉnh-thành thì như cái *giá*, cái *giỗ*, đi *gia*, con *châu*, *dùng*, v. v.

Tiếng ngọng quê thì như : *nàm bông núa*, và như câu : *con tân tảng, buộc cụm te túc tụi, ăn lo bụng tòn như cái tống teo giữa đình-tung.*

Tiếng không phải tỉnh-thành và quê thì như : cái *rá*, cái *rổ*, đi *ra*, con *trâu*, *làm bông lúa* ; cùng *con trân trắng buộc cụm tre trúc trui, ăn no bụng tròn như cái trống treo giữa dinh trung.*

Trong ba thứ tiếng ấy chỉ có tiếng thứ ba nói không lẫn lộn, phân-biệt, rành rọt hết mọi tiếng, và dùng trong vần quốc-ngữ không vần nọ lẫn với vần kia, không « *d* » lẫn với *R* và *gi*, *S* lẫn *X*, *ch* lẫn với *tr*.

Vấn-đề thứ hai thì chữ quốc-ngữ là thứ chữ đủ và tiện đã hẳn rồi, nhưng xin để riêng chữ « *d* » ra là chữ nhà chung dùng, những tiếng dùng khi nguyện ngầm, còn khi ta viết chữ *Rân* thì dùng chữ *R*, vân vân.

Trong các tiếng và chữ lập cho ra có chuẩn-đích qui-củ như vấn-đề ta đang giải-quyết đây, là để dùng khi làm sách, hay làm văn, làm bài. Còn khi thông-dụng thường thì tùy tiện, cũng không hại gì.

Khi chữ và tiếng đã có cái cơ-sở chắc chắn rồi, thì xin sẽ bàn đến sách

Âm-thoại hay tự-điển An-nam.

Ý-kiến thiển-cận tôi như thế, mong rằng các bậc học-thức cao-minh và lịch-duyệt nhiều, hạ-cố mà bàn bổ cho, hoặc may có bổ-ích gì cho tiếng và chữ An-nam ta được phần nào thì tôi cũng được lạm dự dư-vinh lắm.

NGUYỄN NHƯ-NGỌC

DỊCH PHÁP-VĂN

(Littérature Française)

Hai cái thái-cực (1)

(Les deux infinis)

Hai cái thái-cực là cái thái-cực cực to và cái thái-cực nhỏ, hai cái đều quá sức người ta không thể tưởng-tượng được. Thân-phận người ta bơ vơ đứng giữa hai thái-cực, không biết đâu là bờ bến, không biết ở đâu đến, không biết đi đến đâu, thật là đáng thương thay ! cái cảnh tượng ấy, cái bi-kịch người ta đối với thế-gian ấy, từ xưa đến nay các nhà thi-văn tư-tưởng tả đã nhiều, nhưng chưa từng thấy bài nào tới thiết-tha, gợng hùng-hồn, thật là xứng với cảnh to tát, hợp với ý cao-thâm, bằng bài văn sau này của danh-sĩ Pháp Pascal. Thật là một bài tuyệt-bút trong văn-chương thiên-hạ, dịch không sao hết được dư-thú.

... Que l'homme contemple donc la nature entière dans sa haute et pleine majesté; qu'il éloigne sa vue des objets bas qui l'environnent ; qu'il regarde cette éclatante lumière mise comme une lampe éternelle pour éclairer l'univers ; que la terre lui paraisse comme un point au prix du vaste tour que cet astre décrit, et qu'il s'étonne de ce que ce vaste tour lui-même n'est qu'une pointe très délicate à l'égard de celui que les astres qui roulent dans le firmament embrassent. Mais si notre vue s'arrête là, que l'imagination passe outre : elle se lassera plutôt de concevoir que la nature de fournir. Tout ce monde visible n'est qu'un trait imperceptible dans l'ample sein de la nature. Nulle idée n'en approche. Nous avons beau enfler nos conceptions au delà des espaces imaginables, nous n'enfantons que des atomes au prix de la réalité des choses. C'est une sphère infinie dont le centre est partout, la circonférence nulle

... Người ta thử đứng mà ngắm cảnh-vật lồng-lộng cao-cao ; thử xa con mắt những vật nhỏ-nhen bên mình ; thử nhìn cái bóng sáng trói-lọi kia như đèn trời đặt để soi thế-gian ; thử tưởng-tượng cái địa-cầu này như một nét chấm, sánh với các vòng quĩ-đạo lớn của mặt trời (2); lại thử nghĩ cái đường quĩ-đạo lớn ấy nữa mà đem sánh với cái quĩ-đạo của các tinh-tú luân-chuyển trên bầu trời, thì cũng chỉ bằng cái đầu kim nhỏ mà thôi. Nhưng nếu đến đấy mà mắt không trông được nữa, thì tư-tưởng vượt qua đi : tất có lúc tư-tưởng tưởng-tượng đã nhọc mà tạo-vật cảnh-tượng chưa đầy. Cả cái thế-giới mắt trông thấy này cũng chỉ bằng một cái vết nhỏ trong bể-khơi cảnh-vật. Không tư-tưởng nào suy-lượng kịp. Ta tha-hồ giương tư-tưởng cho đến ngoài cõi tưởng-tượng được, sánh với cái thực-

(1) Thái-cực đây là nghĩa : cùng-cực vô-cực, không phải là nghĩa « Thái-cực » trong sách nho.
(2) Thời-đại ông Pascal còn tin rằng mặt trời xoay chung-quanh địa-cầu.

part. Enfiin c'est le plus grand caractère sensible de la toute-puissance de Dieu, que notre imagination se perde dans cette pensée.

Que l'homme, étant revenu à soi, considère ce qu'il est au prix de ce qui est; qu'il se regarde comme égaré dans ce canton détourné de la nature, et que, de ce petit cachot où il se trouve logé, j'entends l'univers, il apprenne à estimer la terre, les royaumes, les villes et soi-même son juste prix.

Qu'est-ce qu'un homme dans l'infini ? Mais pour lui présenter un autre prodige plus étonnant, qu'il recherche dans ce qu'il connait les choses les plus délicates. Qu'un ciron lui offre dans la petitesse de son corps des parties incomparablement plus petites, des jambes avec des jointures, des veines dans ces jambes, du sang dans ces veines, des humeurs dans ce sang, des gouttes dans ces humeurs, des vapeurs dans ces gouttes; que, divisant encore ces dernières choses, il épuise ses forces en ces conceptions, et que le dernier objet où il peut arriver soit maintenant celui de notre discours, il pensera peut-être que c'est là l'extrême petitesse de la nature. Je veux lui faire voir là-dedans un abime nouveau. Je lui veux peindre non seulement l'univers visible, mais l'immensité qu'on peut concevoir de la nature dans l'enceinte de ce raccourci d'atome. Qu'il y voie une infinité d'univers dont chacun a son firmament, ses planètes, sa terre, en la même proportion que le monde visible; dans cette terre des animaux, et enfin des cirons, dans lesquels il retrouvera ce que les premiers ont donné; et trouvant encore dans

thể vạn-vật thì ta cũng chỉ mới nghĩ được một mảnh vi-trần thôi. Cảnh vật là một cái hình tròn, đâu cũng là trung-tâm, mà cái vòng quanh thì không đâu cả (1) nói rút lại thì tư-tưởng ta chìm đắm vào sự nghĩ ấy, tức là biểu rõ cái tính toàn-năng của Thiên-chúa tạo-vật vậy.

Bây giờ người ta ngẫm lại mình, lại thử sánh mình với vạn-vật; thử tưởng-tượng mình đứng bơ vơ giữa nơi thôn-lạc khuất nẻo trong thế-gian này, rồi tự trong cái ngục nhỏ ấy — tức là thế-giới vậy — thử suy-lượng cái địa-cầu này, các nước, các tỉnh-thành, rồi đến nhân-thân mình, xem to nhỏ thế nào.

Ôi! một con người ta trong thái-cực là gì? Nhưng lại muốn bày cho người ta một cái cảnh-tượng cũng kỳ bằng thế nữa, thì thử tìm trong các vật thường biết vật gì là nhỏ hơn nhất. Thử xét một con vi-trùng, thân-thể nhỏ là thế mà còn phân-biện được nhiều bộ-phận nhỏ hơn không biết bao nhiêu nữa, có chân lại có khớp chân, trong chân lại có mạch máu, trong mạch máu lại có máu, trong máu lại có mủ, trong mủ lại có giọt, trong giọt lại có hơi; cứ phân tách mãi thế cho đến kiệt-lực không nghĩ được nữa, mà lấy cái sau cùng là cái ta bàn bây giờ, đã tưởng rằng đến thế là cực-điểm nhỏ trong cảnh-vật rồi. Ta muốn chỉ cho mà xem trong cái cực nhỏ ấy lại còn có một vực bể mới nữa. Ta muốn vẽ cho mà biết trong khu-vũ một nửa mảnh vi-trần ấy, không những có hình-ảnh cả thế-giới thực, lại còn có một cảnh-vật mênh-mông nữa. Thử nhìn mà xem có muôn vàn thế-giới, mỗi thế-giới một bầu trời, có hành-tinh, có địa-cầu cũng y như trong thế-giới thực; trong địa-cầu ấy cũng có giống vật, cũng lại có vi-trùng nữa, trong vi-trùng ấy cũng lại thấy

(1) Câu này đã thành một câu thành-ngữ tuyệt-bút.

les autres la même chose, sans fin et sans repos, qu'il se perde dans ces merveilles, aussi étonnantes dans leur petitesse que les autres dans leur étendue; car qui n'admirera que notre corps, qui tantôt n'était pas perceptible dans l'univers, imperceptible lui-même dans le sein de tout, soit à présent un colosse, un monde, ou plutôt un tout, à l'égard du néant où l'on ne peut arriver. ?

Qui se considère de la sorte s'effroiera de soi-même, et se considérant soutenu dans la masse que la nature lui a donnée, entre ces deux abimes de l'infini et du néant, il tremblera à la vue de ces merveilles; et je crois que sa curiosité se changeant en admiration, il sera plus disposé à les contempler en silence qu'à les rechercher avec présomptions.

Car enfin qu'est-ce que l'homme dans la nature ? Un néant à l'égard de l'infini, un tout à l'égard du néant, un milieu entre rien et tout. Infiniment éloigné de comprendre les extrêmes, la fin des choses et leur principe sont pour lui invinciblement cachés dans un secret impénétrable; également incapable de voir le néant d'où il est tiré, et l'infini où il est englouti.

PASCAL
(pensées)

bấy nhiêu bộ-phận như trên; rồi đến cái khác cũng lại cứ thấy thế mãi, vô-cùng vô cực, thì bấy giờ người ta thử chìm đắm vào trong những cảnh kỳ-diệu ấy, cảnh nhỏ cũng kỳ bằng cảnh to; vì trông thấy cái thân-thể con người ta trước đem sánh với vạn-vật thì không là gì; chính vạn-vật đem sánh với thái-cực cũng không vào đâu, mà bây giờ coi ra vĩ-đại, thật là một thế-giới, một thái-cực, sánh với cái hư-vô mà không thể đến được, thì ai là người không cảm-phục ?

Ai xét mình như thế thì tự mình mà khiếp mình, và ngẫm mình tựa vào cái khối tạo-vật đã phú cho này (tức là địa-cầu), đứng giữa hai cái vực thái-cực với hư-không, thì trông thấy những cảnh kỳ-diện ấy mà rùng mình ; mà tôi thiết-tưởng cái lòng hiếu-kỳ đổi ra lòng cảm-phục, người ta sẽ sẵn lòng đứng lặng mà ngắm trông hơn là hăm-hở mà tìm tòi.

Vì rút lại thì người ta trong cảnh-vật này là gì? Đối với các thái cực thì người ta là một cái hư-vô, đối với cái hư-vô thì người ta là một cái thái-cực, nghĩa là một khoảng giữa cái có với cái không. Người ta còn xa lắm mới hiểu được cái cùng-cực, cho nên cái lẽ cứu-cánh cùng cái nguyên-lý vạn-vật còn bí-mật không tài nào khám-phá được ; không thể biết được cái hư-vô ở đấy mà ra, mà cũng không thể biết được cái thái-cực tiêu-diệt về đấy.

Cải chính

Bài thổ-địa nhân-dân xứ Bắc-kỳ đăng ở Nam-Phong số 55, trang 47, biểu thứ 2, ô thứ 2, chỗ không lụt, in lầm chữ số. Số **30**, nay đổi là số **10** ; **40** nay đổi là số **20** cho đúng.

Kính tạ

Ông Trần Quang-Khải có gửi tặng cho Bản-báo một quyển « *Sử-nam-bốn-chữ* ». Kính lĩnh tạ.

Ông Đàm-Xuyên có gửi cho Bản-báo một quyển « *Quốc-ngữ-vỡ-lòng* », Kính lĩnh tạ.

THỜI-ĐÀM

CHÚC MỪNG ĐÔNG-CUNG HOÀNG THÁI-TỬ

Bản chí được tin rằng : Hoàng-thượng chuẩn theo lời tâu của Tôn-nhân-phủ và Cơ-mật-viện, xin lập vị Hoàng Thái-tử, triện-đủ thương-đồng với qui Bảo-hộ chánh-phủ, ý-hợp, dụ lập vị Đông-cung Hoàng Thái-tử. Đức Hoàng-thượng ta từ khi lên ngôi đã hết lòng lo toan về việc chính-trị hiện-thời, nay lại nghĩ đến tương-lai quốc-gia đại-kế mà sớm định ngôi Hoàng-trữ, thực là vì giang-sơn xã-tắc làm thêm vững nền bàn-thạch thái-sơn. Hoàng-tử vốn thiên-tư đĩnh ngộ, nay chính-vị Đông-cung để sau này trên thừa nghiệp tôn-miếu xã-tắc, dưới tạo phúc cho thiên-hạ thần dân. Quốc-dân ta nghe thấy tin ấy ai cũng đều đùng-rược hoan-hô. Bản-chí xin cùng với quốc-dân cùng ngóng trông bắc-khuyết, khánh-chúc nam-sơn, mà tung-hô vạn-tuế. Nay xin cung-dịch lời Dụ như sau này :

Dụ rằng :

Mối xa-thư nhất-thống, cốt phải lập đại-cương; nền bàn-thạch vạn-niên, trước phải vững căn-bản. Vì cớ ấy nên các đấng minh-vương đời trước đều sớm lập ngôi Hoàng-trữ, để thừa-nghiệp tôn-miếu.

Trẫm xét Hoàng-trưởng-tử Vĩnh-Thụy : Tuổi trẻ chất yếu, học-kiệm tài-sơ, cần phải mài rũa cho tinh, mới nên ngọc tốt ; mong cho thành-đạt được sớm, cậy ở ngày sau. Mới rồi các quan đại-thần phủ Tôn-nhân và viện Cơ-mật, có hợp tâu : Xin sớm định quốc-gia đại-kế, để hệ-vọng thiên-hạ thần-dân ; trước là cho toàn-quốc biết trông-về, sau là cho bàng-chi khỏi ngấp-nghé ; thế thời nền tôn-xã thêm vững vàng, mà trong Triều-đình mới nhất-định.

Trẫm nghĩ rằng : Việc thừa-đương quốc-thống, rất quan-hệ về tương-lai ; nên hỏi ý-kiến qúi-Chánh-phủ, để bàn định cho thỏa-hợp ; bèn đem việc ấy hỏi qui Chánh-phủ. Đến ngày 25 tháng giêng vừa rồi, nhân qúi Toàn-quyền đại-hiến vào Kinh diện-yết, có nói tỏ ý qúi Pháp-đình và qúi Chánh-phủ Bảo-hộ đều vui lòng công-nhận. Quan qúi Khâm-sứ đại-thần PASQUIER cũng tâu xin theo như lời quan Toàn-quyền đã tỏ bày, nên sớm lập Đông-cung, để vững ngôi Hoàng-thống. Ôi ! Mệnh dầu bất-thường, không thể nào liệu trước được ; song việc nên tiền-định, cốt tại người biết lo toan. Nay các quan đại-thần đã đồng-từ hiệp-tấu, lại có các qúi-quan Bảo-hộ cũng hợp-ý hoan-nghênh, nên Trẫm hiểu đồng-tình, theo chúng-ý, đem việc ấy tâu lên Lưỡng-cung, kính vâng ý-chỉ, sách-lập Hoàng-trưởng-tử Vĩnh-Thụy làm Đông-cung Hoàng Thái-tử, sắc cho các quan Hữu-tư chiểu theo điển-lễ chọn ngày tốt kính-cáo nhà Tôn-miếu và sửa-soạn chương-trình nghi-tiết, phiến tấu lên thẩm-duyệt, sẽ chuẩn cho thi-hành.

Khâm-thử.

Ngày 12 tháng hai năm Khải-định thứ bảy.

Cơ-mật viện cung-lục, chuyển-đạt cho các tỉnh Bắc kỳ tuân-phụng

NGỰ GIÁ SANG ĐẠI-PHÁP

Đức Hoàng-thượng ta định đến trung-tuần tháng tư an-nam này ngự-giá sang Đại-Pháp, trước để tỏ cái chủ-nghĩa Pháp Việt đề-huề, sau là quan-sát những chính-trị học-thuật Âu-châu, để về mở mang đường ích-lợi tương-lai cho nước nhà. Bản-chí xin kính-chúc Thánh-cung vạn-phúc, nhất-lộ khang-trang, nay xin kính đăng lời Châu-dụ như sau này :

Châu dụ :

Từ xưa nay nước An-nam thường các Vua, hoặc lấy theo cổ-điển mà đi tuần-thú, hoặc là đi quan-phong nội trong nước mà thôi, các đế-vương ở nước An-nam chưa hề xuất-dương bao giờ, sự xuất-dương vẫn chưa hề có, mà sự ngoại-giao với các nước Âu-châu cũng chưa.

Tuy nước Nam ta từ Đinh, Lê, Lý, Trần trước sau chỉ thọ-phong nước Tàu phải chịu triều-cống cho nước Tàu ; nhưng mà các Vua lúc đó cũng chưa hề thân-hành mà qua triều-yết Hoàng-đế Tàu bao giờ, chỉ sai sứ-thần đi lại mà thôi ; thời nước ta lúc đó chỉ biết một mình nước Tàu. Đến khi đức Thái-tổ Gia-Giủ Hoàng-đế ta triệu-cơ Nam-phục đến năm ất-dậu 28, năm tây-lịch 1585, lúc đó mới có người Âu-châu đi đến nước ta, sau đến đời đức Thái-tôn Hiếu-triết Hoàng-đế khai-thác ra đất Nam-kỳ, nhằm năm kỷ-mùi 31, có người Tàu là Dương Ngạn-Địch không phục triều Thanh, đem binh tướng đến dầu đức Hiếu-triết ta, ngài mới sai chúng nó vô giúp sự khai-thác đất Nam-kỳ. Khi ấy đức Hiếu-triết ta mới cho người Tây-dương, Nhật-bản, Chà-và và Ấn-độ được nhập-thương trong nước ta, thời sự nước ta mà ngoại-giao với các nước từ đó mới khởi đầu, đến sau lại các ngoại-quốc vẫn giao-thông với ta, vừa đến đời đức Thế-tổ Cao-Hoàng-đế ta bôn-bá về năm nhâm-dần là tây-lịch năm 1780 có người Đại-Pháp là Bách-Đa-Lộc giám-mục mới tiến-cử người Pháp tên Mãn-hoe đem một chiếc thuyền của Đại-Pháp đến cửa Cần-giờ về tỉnh Gia-định mà giúp đức Thế-tổ ta, qua đến năm qui-mão tây-lịch năm 1781, đức Thế-tổ Cao Hoàng-đế ta nghe giám-mục Bách-Đa-Lộc ở tại Chân-bôn, thuộc về đất của nước Xiêm-la, lúc đó đức Thế-tổ ta sai sứ rước Bách-Đa-Lộc về, Ngài xin hiệu-dụng mà lấy tân-lễ đãi. Lúc ấy đức Thế-tổ ta mới sai Bách-Đa-Lộc qua cầu-viện Đại-Pháp giúp ta rồi lại giao Đông-cung Anh-duệ Hoàng-thái-tử đem qua Đại-Pháp làm vi-chi, rồi đức Thế-tổ ta đi qua Xiêm-la lo sự viện-binh, thời Vua nước ta đã xuất-dương từ đó, ấy là đức Thế-tổ Cao-Hoàng-đế, còn Đông-cung Anh-duệ Hoàng-thái-tử lại qua Đại-Pháp, cho nên sau lại Bách-Đa-Lộc tỏ những sự ân-đức của đức Thế-tổ ta tại nước Đại-Pháp, nên chi Pháp-hoàng sẵn lòng giúp ta lúc đó, và những các tay danh-sĩ, tài-năng ở nước Pháp nghe oai-đức của đức Thế-tổ mới tình-nguyện qua giúp ngài là ông CHAIGNEAU, ông VANNIER, tức là Nguyễn Văn-Thắng, Nguyễn Văn-Chấn và tướng-sĩ khác nữa, đem tầu, đem súng giúp đức Thế-tổ ta, thời sự biết ngoại-giao với các nước phương Tây từ ngã triều ta khởi trước, nhưng mà nước Đại-Pháp về sự giao-hảo với nước ta rất là mật-thiết từ đời đức

ế-tổ Cao Hoàng-đế, không phải sự giao-hảo mà thôi, mà người Đại-Pháp lúc đó cũng đã thọ quan-chức của đức Thế-tổ ta phong cho cũng nhiều, thời xem sự giao-hảo của ngã-triều ta với nước Đại-Pháp cũng đã lâu không phải là bây giờ vậy.

Sau lại đức Thế-tổ ta lâm-băng, đến đức Thanh-tổ kế-thống cũng vẫn giữ theo lối giao-hảo với nước Đại-Pháp, qua đến năm Minh-mạnh nhâm-ngọ về tây-lịch 1822 lúc đó ông Nguyễn Văn-Thắng và ông Nguyễn Văn-Chấn xin hồi-quốc hưu-trí; từ lúc ấy sự giao-hảo của ta đối với nước Đại-Pháp có hơi phai lạt, là vì cớ gì? là vì hồi đó ta nghĩ rằng: từ nước ta đi qua tới Đại-Pháp thiên-sơn vạn-thủy, nhưng vậy mặc dầu mà người nước Pháp với người nước ta vẫn cứ qua lại với nhau, song sự giao-hảo của hai Nhà-nước không bằng lúc trước, là tại vì các Tiên-đế ta vừa mới đắc-quốc, chăm lo về đường kinh-tế trong nước và lo sự chấn-chỉnh triều-cương, cho nên sự ngoại-giao cũng có ý quên đi nhiều ít, qua đến năm Tự-đức bính-thìn thứ 9, tây-lịch 1856, nước Đại-Pháp đem tàu qua nước ta, có ý cầu sự thông-thương mà nhắc ta về sự giao-hảo, song lúc ấy người Đại-Pháp đến đất Đà-nẵng ta, có đem theo binh-khí, nên chi ta lầm là sự đánh ta, mới sinh ra sự chiến-tranh từ đó, cho đến đất Nam-kỳ, thành ra mất đi ba tỉnh ở Nam-kỳ, nhưng mà lúc đó, có tên nghĩa-sĩ tại Nam-kỳ tên là Trương Công-Định sanh lại về cuộc chiến-tranh là cũng vì tên Trương Công-Định cho nên ta phải giao 6 tỉnh cho nước Đại-Pháp nhận làm thuộc-địa.

Sau lại nước Đại-Pháp thấy các nước Á-đông học theo lối Âu-châu mà phú-quốc cường-binh, tức là Nhật-bản và Xiêm-la, còn nước ta về sự ngoại-giao đã lơ-lửng rồi lại sinh ra tình nghi ngờ, sinh sự chiến-tranh tới đất Bắc-kỳ nữa, lúc đó nước Đại-Pháp phải buộc ta lập tờ hòa-ước, đầu hết là năm giáp-tuất, là năm Tự-đức 27, tây-lịch năm 1874, là nước Đại-Pháp có ý nghĩ nước ta trước đức Thế-tổ đã giao-hảo tử-tế mà người Đại-Pháp lúc đó đã có công-nghiệp giúp ta, nếu mà không buộc ta giữ theo lối hòa-hảo cho đúng cách thời mấy nước đã cường-thạnh tại Á-đông sẽ lấy nước ta đi, rồi mất công của nước Đại-Pháp đã giúp ta trong lúc đức Thế-tổ Cao Hoàng-đế; vì cớ đó cho nên nước Đại-Pháp phải Bảo-hộ ta mà ta cũng nhận là nước Đại-Pháp Bảo-hộ, sự lầm của ta từ đó mới rõ; song sự lầm ấy cũng tại bách-quan của nước ta, tuy nước ta vẫn là quân-chủ, song những sự gì quan-hệ lớn ở trong nước thời vua ta giao hạ Đình-nghị, không phải là một mình Vua mà định đoán; sau qua đến năm giáp-thân, Kiến-phước nguyên-niên, tây-lịch năm 1884, lúc đó mới lập lại hòa-ước nhất-định là nước Đại-Pháp Bảo-hộ xứ Bắc-kỳ và Trung-kỳ cho ta để mà giữ biên-cảnh cho ta quyết không cho ngoại-quốc xâm-chiếm nước ta; mà lại bảo-thủ quyền-lợi cho vua ta được tự xưng Hoàng-đế Đại-Nam không phải tùng-phục nước nào nữa, thời những các điều hòa-ước của nước Đại-Pháp mà rộng cho ta như vậy, là triều-đình ta cũng nên khâm-phục mà thủ ân-nghĩa với nước Đại-Pháp cho lâu dài mới phải; tuy tờ hòa-ước năm Kiến-phước nguyên-niên giáp-thân, tây-lịch năm 1884 đó đã nhất-định rồi các khoản, nhưng mà chưa kịp thi-hành, vừa đức Kiến-phước Giản-tôn Nghị Hoàng-đế băng, lúc ấy tại triều-đình có quyền-thần là Tôn-thất Thuyết với Nguyễn Văn-Tường tôn đức Hàm-nghi kế-thống, Ngài vẫn còn xung-linh, cho nên hai quyền-thần ấy mới chuyên-chế quyền Ngài, sinh ra sự chiến-tranh, lại sự chiến-tranh đó không ra gì, rồi lại phò đức

Hàm-nghi ta mà chạy, lúc đó Tôn-thất Thuyết giả là phò Vua, song vì sợ một mình thời phải vong-thân, cho nên mới đem đức Hàm-nghi theo là để lấy chữ hiệp Thiên-tử dĩ lịnh Chư-hầu, sự lỗi ấy tại quyền-thần làm mà đức Hàm-nghi ta phải chịu, thiệt là lấy làm thương xót : một là mất đi một ngôi Vua An-nam lối đó, hai là lỗi với nước Đại-Pháp về trong sự giao-thiệp, nhưng mà may nhờ Liệt-Thánh ta trước có thâm-nhân hậu-trạch, cũng là nước Đại-Pháp có nhân-từ quảng-đại, biết rõ triều ta rất có công-nghiệp nhứt với dân-tộc An-nam trong sự mở-mang bờ-cõi rộng-rãi cho nước An-nam mới thành được một nước lớn, vả lại nước Đại-Pháp cũng giữ lời giao-ước với ta không khi nào thay đổi, lúc đó mới nghinh đức Tiên-hoàng-khảo Cảnh-tôn Thuần Hoàng-đế mà lập lại để cho dân An-nam có chủ, lúc đức Tiên-hoàng-khảo ta tức Hoàng-đế-vị, năm ất-dậu, tây-lịch năm 1885 mới nhất-định kỳ tờ hòa-ước trong năm 1884 rồi mới thi-hành từ đó ; đức Tiên-hoàng-khảo ta rõ biết nước Đại-Pháp là văm-minh phú-cường nhất tại Âu-châu, vả lại nước Đại-Pháp lấy sự nhân-đức mà đãi nước ta có nhiều điều rất là vinh-dự, cho nên Ngài mới ngự-giá thân-chinh, dẹp an những các đảng loạn trong nước, từ ấy đức Tiên-hoàng-khảo ta mới lấy sự thành-tín giao-hảo với nước Đại-Pháp và Bảo-hộ Chánh-phủ rất là thân-ái, sự thân-ái với nước Đại-Pháp của đức Tiên-hoàng-khảo ta, là Ngài chủ-ý trông cậy nước Đại-Pháp dắt-dìu nước ta lên đàng văn-minh cho khỏi sự thua kém trong các nước Á-đông đã cường-thạnh, thời sự cao-minh, sự thành-tín, và sự công-nghiệp của đức Tiên-hoàng-khảo ta, nước Đại-Pháp đã biết rõ-ràng cho nên qua năm Đồng-khánh mậu-tý tam niên, tây-lịch năm 1888 đã sắc-hạ qua năm Đồng-khánh tứ niên, kỷ-sửu, là 1889 thời ngự-giá qua nước Đại-Pháp để mà tỏ sự giao-hảo của nước ta đối với Đại-Pháp đã lâu dài, sau nữa ngài tỏ ra sự thành-tín với nước Đại-Pháp, lại nhân đó đặng Ngài khảo-cứu những các sự văn-minh của nước Đại-Pháp, rồi khi Ngài hồi-loan, đặng mà hợp-đồng với Bảo-hộ Chánh-phủ để mà tiến-dẫn dân ta lên đàng văn-minh ; nhưng chẳng may trong nước ta vì vận-hội chưa đi tới được, cho nên năm Đồng-khánh tam-niên mậu-tý, về tháng chạp ngày 27 là tây-lịch 1889 tháng giêng ngày 28, Đức Tiên-hoàng-khảo ta Long-ngự thượng-tân, thành ra việc Ngài ngự giá qua nước Đại-Pháp không được như-nguyện của Ngài mà cũng mất sự hi-vọng của dân ta hồi đó.

Năm đức Tiên-hoàng-khảo ta băng, thời ta đang còn xung-ấu, chỉ mới 4 tuổi, nên chi hai Nhà-nước phải lập qua dòng khác lên ngôi kế-thống, là vua Thành-thái, song Vua Thành-thái làm vua 19 năm không giữ theo thạnh-đức, không lo phụng Tôn-miếu cho chí-thành, không chăm nom đến các việc quốc-chánh, dân-chánh, nên chi hai nhà-nước bỏ vua Thành-thái mà lập vua Duy-tân, lúc lập vua Duy-tân chỉ mới 8 tuổi, Bảo-hộ Chánh-phủ cũng có ý tập rèn cho đủ tư-cách để mà cai-trị trong nước khi lớn-khôn, ai ngờ lại gặp lấy câu hữu thị phụ tất hữu thị tử, vua Duy-tân sinh lòng tàn-hại mà phiến-biến, một thì nữa Tôn-miếu Xã-tắc của ta gần khuynh-nguy, nhơn cũng may Bảo-hộ Chánh-phủ dẹp yên đảng đó, rồi thời bỏ vua Duy-tân, hồi đó là năm 1916 bính-thìn, lúc ấy nước Đại-Pháp với Bảo-hộ Chánh-phủ biết rõ nước ta làm gì cũng phải có quân-chủ mới hiệp lòng dân, mà lại giữ theo lối đã ý-ước với nước ta khi trước, nên chi Đại-Pháp Bảo-hộ Chánh-phủ với triều-đình nghinh ta nhập-thừa đại-thống, lúc ta tức

Hoàng - đế - vị cải Khải - định nguyên-niên, năm bính-thìn tháng tư ngày 17, là Tây-lịch năm 1916 tháng 5 ngày 17.

Thử-thời ta lên ngôi Hoàng-đế, lúc đó nước Đại - Pháp đương hữu-sự, ta vẫn nối theo gương của đức Tiên-hoàng-khảo ta trước, cho nên ta phải giữ theo thanh-đức của ta để mà phụng Tôn - miếu, ngự thiên-hạ mà lại rất thành-tín với nước Đại - Pháp cũng như đức Tiên - hoàng - khảo ta, cho nên lúc ta lên ngôi ta vẫn tận-hành nghĩa-vụ với mẫu - quốc mà lo những các sự mẫu-quốc đã cần dùng đến ta : là về sự mộ-binh, mộ-thợ đem qua mẫu-quốc, làm những công-trái để giúp chỗ chiến-trường.

Còn việc triều-chánh ta vẫn chăm lo chấn-chỉnh lại, từ triều - nội cho đến chư địa - phương, tuy là chưa được mười phần chấn-chỉnh, song quốc-chánh với quan-trường cũng đã chỉnh-đốn hơn hai triều vua mới rồi.

Bởi thế cho nên nước Đại-Pháp và Bảo-hộ Chánh-phủ thấy ta rất là tiêu-y hãng-lực, lo chữ mục-lân cho tận kỳ thành-tín, và lo Tôn - miếu triều-đình được chấn-chỉnh lại, lo cho quốc-dân ta cho được tấn-bộ về tương-lai, nên chi Đại-Pháp với Bảo-hộ Chánh-phủ rất tin dụng ta, mà thương kính ta, lại giúp cho ta đủ các tư-cách theo lối quân-quyền, cho nên phần ta mà đối với nước Đại-Pháp Bảo-hộ Chánh-phủ, thiệt là khi nào nghĩa-bất-khả-khứ.

Ngày nay nước Đại-Pháp với Bảo-hộ chánh-phủ tín-ái ta, mà giúp ta có được sự danh-giá là ta cũng nhờ thần-dân có lòng ái-đái ta, mà nghe theo lời ta đều thảy trung-thành với nước Đại-Pháp, mà tận-thành nghĩa-vụ như ta, vậy là ta rất vinh-hạnh về sự ta nhờ quốc-dân ta làm cho ta được sự danh-vọng, vả lại từ ta tức-vị cho đến bây giờ đã 7 năm, nhưng mà mấy năm trước có việc Âu-chiến, nên chi hoàn-cầu thảy đều xao-động cả, nước thời phiến-loạn cách nầy, nước thời phiến-loạn cách khác, chỉ duy một nước An-nam là được bình-an vô-sự, không hề xao-động một thứ gì, là cũng nhờ quốc-dân có lòng trung-thành với ta, biết nghe lời ta hiểu-thị cho nên nước ta mới được yên ổn nhứt trong hoàn-cầu từ đó cho đến nay, xem quốc-dân ta như vậy thời rõ biết ta rất có nhiều hạnh-phước, mà nước ta cũng có hạnh-phước lớn lao vậy.

Nhơn nay nước Đại-Pháp là Bảo-hộ ta mới thắng-trận khải-hoàn, trên hai năm nay, lại với trong nước ta gặp lúc thừa-bình, cho nên ta ngự-giá qua nước Đại-Pháp để mà chúc mừng nước Đại-Pháp về sự thắng-trận khải-hoàn và sau nữa dặng mà tỏ những các sự giao- hảo với nước Đại-Pháp đã hơn 100 năm nay, trong lối thân - ái mật-thiết của hai nước Pháp Việt để-huệp và lại yết đức Giám - quốc Đại-Pháp; quốc-trưởng với triều-đình các bậc đại-thần và các bậc triết-học danh-sĩ của nước Đại-Pháp mà cám ơn những các việc Đại-Pháp bảo-hộ thi-thố cho nước Nam ta công-trình rất là trọng-đại ở tại nước ta ; sau nữa dặng cho ta mục - kích những các lối văn-minh tài-trí của nước Đại - Pháp đã sắp truyền-bá cho nước ta ; rồi ta lại đi thăm tất cả các chỗ chiến-trường vừa rồi ; ta lại đến các lăng-mộ những kẻ nghĩa-sĩ của nước Đại-pháp vị-quốc-vong-xu ; rồi Ta lại đến mộ tiền quân-lính ta cho qua giúp nước Đại-Pháp vì chữ đại-nghĩa mà táng-thân tại đó, khi ta tới đó ta sẽ thắp một nén hương để mà an ủy linh-hồn những kẻ nghĩa-sĩ của nước ta, vì ta mà muôn ngàn năm hài-cốt vẫn táng tại đất Đại-Pháp.

Sự ta ngự-giá qua Đại-Pháp đã nhứt-định đến trung-tuần tháng 4 thời khải-loan, song về ngày nào sẽ có thông-lục theo sau, ta ngự-giá xuất-dương chuyến

nầy, Ta chiếu theo lối các Vua văn-minh Âu-châu, Ta không đem quan quân đi hộ-tùng nhiều, ở bên Bảo-hộ thời có quan Khâm-sứ PASQUIER hộ-giá và quan Kiểm-đốc chư-phòng hội-lý D'ELLOY tùy-giá; còn quan triều ta thời chỉ có một Cơ-mật đại-thần với hai quan văn-thần, hai quan võ-thần, với ba bốn tên Nội-các và thị-vệ tùy-giá thị-hậu.

Khi ta ngự-giá qua Đại-Pháp, ta đem Hoàng-thái-tử Vĩnh-Thụy đi theo đặng ta ký-thác cho Pháp-đình mà học-hành để cho được sự quảng-kiến-văn, may đặng ngày sau có đạt-đức thành-tài, để trước chủ-sưởng Tôn-miếu sau nữa trị nước, trị dân cho hiệp thời theo lúc ấy, mà lại thêm một sự thâm-giao với nước Đại-Pháp lại càng vững bền lâu dài ra nữa; Hoàng-thái-tử Vĩnh-Thụy đã được 10 tuổi, Ta vẫn giáo-dục lễ-nghi, cũng đã đủ khuôn phép, Ta lại cho phụ-đạo dạy học chữ Hán đã hơn 4 năm rồi, nay Ta đem Hoàng-thái-tử đi theo Ta qua học ở tại Qui-quốc thời Ta có cho phụ-đạo đi theo đặng mà dạy-giữ theo lối cang-thường luân-lý của nước ta và tập rèn thêm trong lối nho-học để ngày sau cho hiệp chánh-lịnh trong nước ta.

Còn sự Ta ngự-giá qua Pháp-quốc chuyến nầy thời Ta tưởng cũng có sự ảnh-hưởng cho quốc-dân ta bây giờ, mà lại ảnh-hưởng cho cuộc tương-lai, thời khi Ta đã khải-loan rồi, những các việc điển-lễ và quốc-chánh, dân-chánh đã có Cơ-mật các đại-thần thương-đồng với quan quyền Khâm-sứ Kinh rồi tấu đạt Lưỡng-cung thỉnh-chỉ rồi lục-hành; còn những sự chi quan-trọng mà cần kíp phải làm, thời do quan quyền Khâm-sứ điện qua Qui-quốc cho quan Khâm-sứ PASQUIER hộ-giá thương bàn với Ta đều hiệp ý, khi ấy điện phúc chuẩn y, rồi mới được thi-hành. Còn những sự gì quan-trọng mà không cần kíp thời sẽ đợi khi Ta hồi-loan sẽ định làm. Còn những các hạng Bửu, Tỷ thời Ta chỉ đem theo: Một cái Đại-nam-hoàng-đế chi-tỷ, một cái Hành-tại-chi-tỷ, một cái Khải-định-thần-hàn, một cái Ngự-tiền-chi-bửu, một cái Văn-lý-mật-sát, một cái Vương-mạng-bài, một cái Ngự-tiền-sắc-mạng-bài; còn bao nhiêu Bửu Tỷ dâng lại Lưỡng-cung hoặc khi nào Bộ Nha nào phải hành-dụng Bửu Tỷ gì thời phụng-phiến ký-tấu Lưỡng-cung lãnh toản hàm hội-đồng dương-văn-võ-trực-thần với khoa-đạo, nội-các, thị-vệ phụng-khai kim-qũi mà hậu-dụng, xong rồi trích hoàng-phong niêm chỉ cẩn-mật, đệ toản-hàm mà tấn-nạp. Còn theo lệ thời khi Ta hành-tại phải mạng lưu-kinh đại-thần, nhưng mà Ta ngự-giá qua Đại-Pháp đến trên 5 tháng mới hồi-loan, thời Ta chuẩn cho các Cơ-mật đại-thần, luân-chuyển cùng với văn-võ, khoa-đạo trực-thần mà túc-trực; còn Điện-đài thành-trì ở ngoài đã có Đề-đốc hộ-thành suất quân tuần-phòng canh-thủ, còn tại Nội thời do thống-quản thị-vệ đại-thần suất thân-binh, tuần-binh canh-thủ nghiêm-mật; và trước khi Ta khải-giá trước bộ Lễ nên nghĩ nghi-chú và chỉnh-bị lễ-phẩm mà kỳ-cáo Triệu-miếu, Thái-miếu, Hưng-miếu, Thế-miếu, và lễ bái-yết Lưỡng-cung.

Những các lời dụ ngữ của ta đây, trước thông-lục nội ngoại thần-dân đều tuân-tri. Khâm thử.

Năm Khải-định thứ 7 tháng 2 ngày 15

Cơ-mật-viện cung-lục

Cuộc công-thải Đông-Pháp. — Trong số báo 55 Bản-chí đã nói tường về cách phát-hành cuộc công-thải kỳ tháng ba tây vừa rồi. Nay đã thành-hiệu, thấy kết-quả một cách rực-rỡ, cũng không lấy gì làm lạ. Chánh-phủ định vay có 6 triệu 18 vạn để làm nốt con đường xe-lửa từ Vinh tới Đông-hà. Thế mà số tiền thu-nhập được tới 10 triệu 28 vạn 9 nghìn đồng ; mới đến ngày 20 tháng ba tây đã phải đình-chỉ việc mộ-trái, nghĩa là phải thôi trước hạn 5 ngày, vì Chánh-phủ định vay có hạn, thu quá số rồi lại phải trả lại thì cũng thêm phiền. Cuộc mộ-trái bắt đầu từ mồng 5 tháng ba tây, trong khoảng 15 ngày thu được gần gấp hai cái số định vay, giá mà cứ để thu luôn đến ngày 25 thì có lẽ được quá số gấp hai. Cái kết-quả rực-rỡ về cuộc công-thải này thực là một cái tang-chứng rằng dân Đông-Pháp nhất là dân Việt-nam ở ba kỳ đã thâm-hiểu về cái ích-lợi cuộc công-thải này ; lại là một cái tang-chứng rằng nước ta ngày nay tài-nguyên đã thấy phong-phú. Này ta hãy xem như 50 năm về trước : Trừ ra tiền kẽm, bạc nén cũng chả được bao, ngoại-giả tiền-tệ lưu-thông có gì nữa đâu ? Về thời bấy giờ, dân ta phần nhiều là nghèo mà đường sinh-nhai cũng khó ; hoặc-giả dân-gian có người giàu, nếu đem tiền lên cửa quan, thì chẳng qua chỉ vì sự tư, chứ không bao giờ vì sự công. Ta thường nói « *Tiền-tài lưu-thông, bất tại quan tắc tại dân* », nhưng dân nghèo thời nước cũng chẳng lấy đâu mà giàu. Số tiền toàn-quốc công-nhu khi trước sánh với số tiền toàn-quốc công-nhu bây giờ thực ít-ỏi. Khi trước của công thượng-số mỗi tỉnh được vài mươi lẫm thóc, vài vạn quan tiền, chả đủ cấp-lương cho quan-lại, quân-lính, bây giờ của công chia làm nhiều khoản ; những một khoản tiền dự-toán chi về việc công-chính như năm 1922 này đã tới 15 triệu 58 vạn (đấy là số tiền trong sổ dự-toán Đông-Pháp về việc đê-đường, cầu, cống, trường-học, nhà thương vân. vân.), thêm số tiền công-thải 6 triệu 18 vạn vào, được tới 21 triệu 76 vạn đồng, ấy là mới có năm 1922 mà thôi. — Nhân nói về cuộc công-thải, mà lại đem hai trạng huống xưa nay mà sánh với nhau, như thế thời độc-giả chư-tôn cũng lấy làm lạ, song có sánh thế mới biết rõ sự thực mà xét-đoán. Nói bình-tĩnh ra, thì cái chính - sách của nhà nước Bảo-hộ không những đem cái tư-tưởng học - thuật sang khai-hóa cho ta, lại đem cả các cách kinh-tế mà khai-khẩn cho xứ ta làm ra nhiều cuộc công-ích, muốn cho xứ này trở lên một xứ giàu mạnh trong cõi Á-Đông này. — Cuộc công-thải vừa rồi phát-hành ra là để lấy tiền làm xong đường xe-lửa Vinh — Đông-hà, đường ấy làm xong thì ta có thể đi suốt từ Bắc-kỳ vào Kinh-đô, rồi sau mươi năm nữa lại đi từ Kinh-đô vào Sài-gòn : thế là đã bước một bước lên đường tiến-bộ, thế là tam-kỳ có đường liên-lạc, thế là có hi-vọng về cái chủ-nghĩa An-nam thống - nhất. Lại nên biết trong cái công-cuộc lớn lao của Chánh-phủ định làm ấy thì lợi nhất là dân Trung-kỳ, vì làm ở Trung-kỳ tất phải cần đến nhân-công vật-liệu ở Trung-kỳ, mà trong Trung-kỳ thì thứ nhất Hà-tĩnh Đông-hới thấy lợi ngay. Đó là cả cõi Đông-Pháp đem góp lại một món tiền to để làm mối tiểu-lợi cho một xứ mà lại làm mối đại-lợi cho cả các xứ, ấy nghĩa bảo-trợ, tình liên-lạc là thế đó.

.˙.

Cuộc công-thải vừa rồi thực-hành một cách rất giản-dị, nên kết-quả được bội-thường, bởi vậy ngày 21 tháng ba tây quan Toàn-quyền có thông-tri cho quan Phó Toàn-quyền, quan Thống-đốc Nam-kỳ, quan Khâm-sứ,

Trung-kỳ, quan Thống-sứ Bắc-kỳ, quan Khâm-sứ Cao-miên, quan Khâm-sứ Ai-lao, quan Thủ-hiến Quảng-châu - loan, quan Chánh sở Tài-chính, quan chánh sở Kho-bạc, quan Chánh sở Bưu-điện, quan Đại-lý Dalat, bức điện-văn sau này :

« L'emprunt, couvert dès le 11e jour de la souscription, a dû être clos par anticipation. Nous allions être débordés par un courant qui, du onzième au quinzième jour, nous apportait encore plus de quatre millions de piastres.

« C'est un beau succès, un grand résultat. L'avenir en dégagera-les conséquences.

« Mais je sais ce qu'il a fallu d'efforts et d'initiative, et surtout de foi et de dévouement à l'idée directrice pour mener une telle œuvre à sa réalisation pratique. Aussi je vous prie de recevoir pour vous-mêmes et de transmettre à tous vos collaborateurs, avec l'expression de ma haute satisfaction, mes remerciements les plus sincères. »

Signé : LONG

« Cuộc công-thải Đông-Pháp, mới đến ngày thứ 11 đã thu-nhập đủ số, bởi thế phải đình chỉ trước cái kỳ-hạn đã định; từ ngày thứ 11 đến ngày thứ 15, người mộ-trái vẫn đông như nước chảy, lại được thêm hơn 4 triệu nữa.

« Cái sự đắc-thắng ấy thực là một cái thành-hiệu rực rỡ, một cái kết-quả lớn lao; cuộc tương-lai sẽ nảy ra nhiều sự hay.

« Bản-chức cũng biết rằng phải tốn bao nhiêu công-phu, bao nhiêu sự khởi-ý và nhất là phải có lòng tin cậy, tận-tâm về cái chủ-đích của ta định theo, mới thực-hành được công-cuộc ấy. Vậy bản-chức lấy làm rất bằng lòng, mà cám ơn các quan một cách thành-thực và xin các quan lại chuyển đạt cho tất cả các hàng viên-chức đã giúp đỡ các quan trong cuộc công-thải này ».

Ký-tên : LONG

. . .

Số tiền tổng-cộng về việc công-thải

Nam-kỳ.....	5.343.250 đồng.
Bắc-kỳ.....	2.596.550 —
Trung-kỳ.....	1.267.750 —
Cao-miên....	918.450 —
Ai-lao.....	92.600 —
Quảng-châu-Văn.	45.800 —
Ngoại-quốc....	24.600 —
	10.289.000 đồng.

. . .

Danh-sách các nhà mua nhiều trái-phiếu

Nam-kỳ :

Đông - Pháp ngân - hàng (Sài-gòn)....	100.000 $
M M. Huỳnh Đình-Khiêm (Gò-công)....	70.000 $
Quách Văn-Dau.....	70.000
Châu Văn-Quoi.....	63.000
Quách Dam et sa femme. Lê Thị-Dau (Sài-gòn)..	60.000
Tjamayen (Chợ-lớn)..	50.000
Trần Trinh-Trach (Bắc-liêu)...	50.000
Lưu Văn-Lau (Gò-công).	44.000
Trần Công-Hiên.....	40.000
Huỳnh Ngọc-Kiêm (Bến-tre)...	22.500
Quan Phủ Nguyễn Văn-Hai (Gò công)..	20.000
Quach Dam (Chợ-lớn)..	20.000
NguyễnVăn-Ha (Gò công)	20.000

Nguyễn Văn-Hoi (Chợ-lớn)	20.000 $
Lưu Muoi (Sài-gòn). . . .	20.000
Hồ Văn-Ngan (Bến-tre)..	20.000
Lý Cao-Cung (Gò-công).	20.000
Lý Cao-Cuong (Gò-công).	20.000
Me. Monnier née Lam Thị-Thanh (Vĩnh-long). .	20.000
Ngô De-Lai (Gò-công). .	19.000
Thái Văn-Bon (Trà-vinh).	17.000
Nguyễn Duy-Hinh (Gò-công). .	15.000
1 người vô-danh (Sa-đéc).	15.000
Phạm Văn-Thanh.	15.000
Lam Quan-Thoi (Trà-vinh).	15.000
Lê Văn-Nuoi (Vĩnh-long).	15.000
Maison Bansoonan (Chợ-lớn). . . .	15.000
Trần Văn-Nham (Vĩnh-long). . .	14.000
Lê Ngọc-Huê (Trà-vinh). .	12.000
Nguyễn Tân-Thanh (Trà-vinh) . . .	12.000
Hà The-Dai (Vĩnh-long) .	12.000
La Thanh-Co (Cần-thơ) .	12.000
Huỳnh Như-Cang (Gò-công).	11.000
Diệp Văn-Giáp (Gò-công)	11.000
2 người vô-danh (Sa-đéc) mỗi người.	10.000
1 người vô-danh (Sài-gòn)	10.000
Thái Viêm-Thanh (Sa-đéc)	10.000
Huỳnh Huân (Sa-đéc) . .	10.000
Nguyễn Văn-Yên (Trà-vinh).	10.000
Trần Khắc-Nhượng (Bến-tre).	10.000
Nguyễn Hữu-Thương (Thủ dầu-một).	10.000
Lê Phát-An (Gia-định)	10.000
Nguyễn Hưu-Le (Vĩnh-long).	10.000
Nguyễn Văn-Duoc (Sài-gòn).	10.000
Trương Ngọc-So (Cần-thơ).	10.000
Nguyễn Văn-Yên (Cần-thơ)	10.000
Ly-Hoach (Gò-công)	10.000

Bắc-kỳ :

M. M. Bạch Thái-Bưởi	30.000
Nguyễn Hữu-Nghi	20.000

Trung-kỳ:

1 Người vô-danh (Sông-cầu).	2.000
1 Người vô-danh (Sông-cầu).	1.250
1 Người vô-danh (Sông-cầu).	600
1 Người vô-danh (Sông-cầu).	550
1 Người vô-danh (Sông-cầu).	500
1 Người vô-danh (Đồng-hới).	1.000
3 Người vô-danh, mỗi người..	600
1 Người vô-danh (Tourane)..	1.000
2 Người vô-danh, mỗi người.	750
2 Người vô-danh. mỗi người..	600
1 Người vô-danh.	500
M. Chánh-tổng (Kong-tum). .	600

Cao-miên :

Nội-phủ vua Cao-miên.	10.000

Ai-lao :

M. Guis (Hin boun).	4.000

. . .

Cứ xem các số kể trên này thì trong số tiền nhà nước định vay, chỉ một Nam-kỳ đã được quá một phần sáu (1/6), sánh với các xứ là đứng đầu, vì lẽ rằng Nam-kỳ là xứ ruộng đất phì-nhiêu, nhân-dân trù-phú hơn các xứ khác; mà trong Nam-kỳ thì địa-hạt Gò-công nhiều nhất, những một Gò-công cho vay tới số 50 vạn, nghĩa là được non một phần mười hai (1/12) trong cái số tiền nhà-nước định vay. Cái kết-quả về cuộc công-thải này thực là một cái biểu-chứng rằng cả quốc dân ta, nhất là Nam-kỳ đều hiểu sự lợi-ích mà hết lòng giúp về việc công-nghĩa.

.·.

Chánh-phủ đương trù-tính về việc phân-phối các trái-phiếu để giả lại 4 triệu đồng là cái số thặng quá món tiền định vay. Vậy thì phải giả lại bớt các nhà mua nhiều trái-phiếu, vì trong đạo luật cho phép mộ-trái định rằng ai mua nhiều phiếu quá thì Chánh-phủ sẽ trả lại... vân vân (xem bài xã-thuyết của Bản chí số 55, về mục bán-phiếu).

.·.

Chánh-phủ lại mới đặt ra một hội-đồng vừa có Pháp-quan vừa có Nam-quan, để chiếu chương-trình mà xếp-đặt về sự rút-số. Đến mồng một tháng sáu tây này sẽ mở kỳ rút-số đầu tiên.

.·.

Chủ ý của quan Toàn-quyền. — Quan Toàn-quyền Long, lo-liệu về việc Công-thải vừa xong, nhân qui-thể bất-an, ngài phải ra nghỉ dưỡng-sức tại Cap saint-jacques, định đến độ 15 tháng tư tây này, ngài sẽ xuống tầu về Đại-Pháp. ngài lưu tại qui-quốc độ bốn tháng để bày-tỏ các công-việc của ngài định làm với hai nghị-viện và bàn-bạc mọi việc với quan Thuộc-địa Tổng-trưởng, như việc định tổ-chức lại Hội-đồng Chánh-phủ, việc định nghênh - tiếp Hoàng-thượng ta sang ngự-du Đại-Pháp vân vân. — Xem như thế thì chuyến này quan Toàn-quyền về qui-quốc có lẽ trù-tính được nhiều sự hay cho xứ ta. Trước kia ngài định đến tháng bảy tây mới về Đại-Pháp mà nay lại về ngay tháng tư này là sở-dĩ để kịp kỳ hội-nghị của hai Nghị-viện.

Giới-thiệu sách mới. — Bản-chí mới tiếp được của ông Lê Văn-Hiền, tham-tá ở Hà-đông một quyển sách nhan-đề là *« Hộ luật giải nghĩa »*. Sách ấy là gồm cả những bài giảng nghĩa luật của ông dạy ở trường Thư-ký tỉnh Hà-đông, mà tức là những bài chú-thích về bộ Dân-luật quyển thứ nhất của Chánh-phủ đang thí-nghiệm ở tỉnh Hà-đông để sẽ thi-hành cả trong xứ Bắc-kỳ. Xét về hình-thức, thì quyển *« Hộ luật giải nghĩa »* ấy làm theo lối rất vắn-tắt dễ hiểu ; nhiều chỗ ông đặt ra danh-từ mới rất khéo; nhưng cũng có tiếng còn khiếp, song ai cũng biết rằng tiếng ta chưa đủ, dùng nhiều chữ Hán sợ khó hiểu, bởi thế phải đặt ra chữ mới mới có thể tả được cái ý-nghĩa uyên-thâm về luật-học. Xét về tinh-thần thì quyển ấy ông làm rất công-phu, vì mục-đích là cốt giải nghĩa quyển Dân-luật, nên phải xếp đặt có thứ-tự, giảng-giải cho phân-minh ; nhiều chỗ ông lại mượn trong sách Pháp hoặc trong luật cũ, để cho độc-giả dễ hiểu, mà nhất là nhiều chỗ thí-dụ lấy ngay sự thực hằng ngày, ai xem cũng hiểu. Tiếc rằng phải mấy chỗ ông nói đến một vài luật-ý như « các cách biện-luận » ông nói khí lược khiến cho độc-giả đọc đến chỗ ấy còn muốn thâm-hiểu nữa, mà phải chịu thôi ; song chắc là những bài của ông dạy học phải theo chương-trình không có thể nói rộng quá được nữa. Nhưng cứ lấy toàn-thể mà xét, thì quyển Hộ-luật giải nghĩa của ông Hiền là một quyển sách có giá trị và có ích cho sự học luật bằng tiếng ta, mà thực là một quyển sách thiết-yếu cho các nhà làm việc quan vậy.

Cách ngôn

1o Kẻ đi học chẳng tự bụng mình thành-thực suy nghĩ, chỉ theo những lời bàn nói ở khẩu-đầu người ta, vì thế cho nên học-vấn không giỏi lên được. Lại những khi làm văn đặt ra một câu một chữ phải nên xét đi xét lại cho kỹ, nếu xét lẽ này chẳng được lại xét lẽ khác, muốn cho đến nơi đến chốn, mọi lẽ phân-minh; ngày khác hoặc đem ra hỏi người, hoặc nghe người bàn, hoặc xem xét một vật gì, tự-nhiên có cái đạo-lý nó cảm-súc mà phát-sinh ra.

Lục Cửu-Uyên

2o Đọc sách để mà sửa sang lấy con tâm, cũng như uống thuốc để tiêu-trừ lấy cái bệnh; bệnh tuy chửa thật khỏi, nhưng mà thường để dược-lực thắng, thời cái bệnh tự-nhiên nó bớt dần; con tâm tuy chửa thật hay, nhưng mà thường ngấm-nghía thư-vị luôn, thời con tâm tự-nhiên nó hóa; lâu lâu thì cái bệnh khỏi cả mà con tâm hay cả.

Hạ Y-Lư

3o Cái lời chê mình thì nên nghe, cái người chê mình thì không nên trách; nếu mình có sự xấu thật, thì người ấy chẳng nói người khác cũng nói; mình được nghe mà mình đổi đi thế là mình được một ông thầy không phải thụ-nghiệp; nếu mình không có sự xấu thật, mình tuy chẳng cãi, chắc rồi cũng có người cãi cho, nếu nghe tiếng mà vội giận, thế là mình lại thêm một cái lỗi chẳng phục lời.

Kim Bá-Ngọc

4o Một điều thiện ở mình, lúc bé mình làm, lúc lớn mình chẳng dám bỏ, thì điều thiện ấy có thể tự mình, rồi hay cả đến người, hay cả đến con cháu; một điều ác ở mình, lúc bé mình làm, lúc lớn mình chẳng chịu đổi, thì điều ác ấy có thể tự mình rồi dở cả đến người, dở cả đến con cháu; nên cẩn-thận lắm thay!

Trương Lý-Tường

5o Suốt ngày ngồi yên, chửa đói mà cơm đã bưng lên, chửa rét mà áo đã đem mặc, uống rượu ăn thịt, sai gọi kẻ đầy người tớ, ở thường có nhà đẹp, bước ra có ngựa xe, nếu chẳng nhân dịp ấy làm những sự hẳn hoi, lại còn để cho tính-khí kiêu-căng, mừng giận phóng-túng; có sự gì nên làm thì chẳng chịu khó, thậm-chí lại làm những việc tội-ác oan-nghiệt, há chẳng đáng tiếc lắm thay! Người ta thường nên nghĩ đến thế, dần dần tự-nhiên ít điều cản.

Sử-điền-tập

6o Bấy lâu nay các người đời hay nghị-luận cao-kỳ lắm, xét đến thực-hành, phần nhiều không xứng ý người; xem như ông Lam-sơn tiên-sinh làm người chỉ nhất-vị trung-thành mà thôi, ví với người khác, bớt được bao nhiêu khí-khái, bao nhiêu công-phu, mà tiếng hay lừng-lẫy khắp thiên-hạ, mới biết rằng trung tín là hơn, kiêu-căng là hỏng, lời ấy có ý-vị lắm.

Hạ Đông-Nham

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI - TRÍ TIẾN - ĐỨC »

Hội-đồng nhà Hội-quán (Cercle). — Hồi 8 giờ tối hôm thứ sáu 17 Mars 1922. Các ông hội-viên coi việc tổ-chức nhà Hội-quán là M. M. Hoàng Quang-Hương, Nguyễn Thành, Nguyễn Quí-Toản, Nguyễn Văn-Tâm, Phạm Văn-Duyệt, có quan cai-trị Marty và M. Nguyễn Văn-Nho đã họp để nghe tờ trình của M. Tâm và bàn định các điều-lệ cách thức mở hội-quán (Cercle) và bầu mấy vị hội-viên khác để thay những ông đi vắng hay là bận việc. Hội-đồng có những ông này:

M. Trần Văn-Thông, Chánh hội-đồng.
Nguyễn Thành, thủ-quĩ.
Nguyễn Văn-Tâm, thư-ký.
Nguyễn Văn-Nho, coi thư-viện.
Phạm Mạnh-Xứng, hội viên
Hoàng Quang-Hương,
Nguyễn Quí-Toản,
Phạm Văn-Duyệt,
Trần Thọ-Huy,
Lê Văn-Thụy, và Dương.

Lại định rằng đến 9 giờ sáng hôm chủ-nhật mồng 9 tháng tư tây thì nhận đơn xin thầu việc quản-lý nhà hội-quán (Gérant du Cercle).

Hội-đồng quản-trị. — Hồi 9 giờ tối 31 tháng ba tây, Hội-đồng quản-trị hội Khai-trí Tiến-đức họp tại nhà hội-quán phố hàng Trống để bàn những việc đã ghi vào giấy mời. Có những ông này đến hội-đồng:

M. M. Hoàng Trọng-Phu, Chánh-hội-[trưởng.
Trần Văn-Thông.
M. M. Từ Đạm,
Nguyễn Hữu-Thu,
Nguyễn Tất-Tế,
Lê Văn-Phúc,
Bùi Huy-Tín,
Đỗ-Thận,
Hoàng Quang-Hương.
Nguyễn Quí-Toản, giữ việc thư-ký.

Những ông sau này có giấy kiêu:

M. M. Vũ Ngọc-Oánh.
Hoàng Hữu-Đôn.

Quan cai-trị Marty, Danh-dự hội-trưởng cũng có đến dự hội-đồng.

1o — *Việc vay tiền nhà Ngân-hàng.*

Quan Chánh hội-trưởng trình với hội-đồng rằng hội ta còn tiền gửi ở nhà Thực-nhgiệp ngân-hàng không có thể lấy ra được, mà bây giờ phải cần đến tiền để giả ông Aviat là nhà lĩnh-trưng làm nhà hội-quán. Ngài xin hội-đồng thuận để hội vay độ 6000 $00. cả hội-đồng cùng thuận và cử quan Chánh hội-trưởng Hoàng Trọng-Phu, quan Phó hội-trưởng Trần Văn-Thông, và ông Chánh thủ-quĩ Lê Văn-Phúc thay mặt Hội vay nhà Đông-Pháp Ngân-hàng 6000$00 lãi đồng-niên năm phân.

2o — *Tờ trình của ông chánh thủ-quĩ về việc quĩ năm 1921.*

Ông Lê Văn-Phúc là chánh thủ-quĩ của Hội trình việc quĩ năm 1921 như sau này:

Chi thu năm 1921

Tiền thu

Tiền còn lại ở quĩ đến 31 tháng chạp tây 1920. . .	33$43
Tiền lấy ở nhà Ngân-Hàng về	17.000.00
Tiền phụ-cấp { của Chánh-phủ Đông-Pháp. . . .	10.000.00
Tiền phụ-cấp { của Chánh-phủ Bắc-kỳ.	5.000.00
Tiền của 112 ông chủ-trì hội-viên đóng 20 ¢ × 112.	2.240.00
— 36 « hội-viên đóng 2 × 36.	72.00
— 22 « thường — 2 × 22.	44.00

Tiền lạc-quyên	1 người	2.000 $	.... 2.000$	6.696$00
	2 «	1.000	.... 2.000	
	1 «	300	 300	
	1 «	250	 250	
	2 «	200	 400	
	9 «	100	 900	
	8 «	50	 400	
	4 «	30	 120	
	9 «	20	 180	
	3 «	15	 45	
	9 «	10	 90	
	1 «	6	 6	
	1 «	5	 5	

Tiền bán 10 insignes .. 1 × 10 =	10.00
Tiền thu vào cộng là	41.095$43

Số tiền còn ở Ngân-hàng :

Gửi ở nhà Ngân-hàng năm 1919	3.522$14	25.721.80
« « « 1920	4.199 66	
« « « 1921	18.000 00	
Đã lấy về năm 1921.		17.000$00
Trừ rồi còn		8.721.80
Tiền lãi đến 26 tháng 7 năm 1921 .		100.85
Còn gửi ở Ngân-hàng đến 26 tháng 7 năm 1921.		8.821$65

Tiền tiêu

Tiền phí-tổn gửi thư từ	56$33
Gửi nhà Ngân-hàng { ngày 7 tháng tư tây 15.000 / ngày 8 » « 3.000 }	18.000.00
Giả ông Aviat { giả lần thứ nhất ngày 7 tháng giêng tây 1921 .... 4.000 / giả lần thứ nhì ngày 11 tháng tư tây 1921 ..... 6.000 / giả lần thứ ba ngày 15 tháng sáu tây 1921 ..... 7.0 / giả lần thứ tư ngày 6 tháng tám tây 1921 ..... 1.000 / giả lần thứ năm ngày 29 tháng mười tây 1921 ... 2.000 }	20.000.00
Giả tiền công những người làm cho hội..	170$00
Tiền mua phần thưởng cho các trường Pháp-việt...	50 00
Tiêu vặt.....	13.11
Giả lại tiền của ông Nguyễn Kim-Lân, Lý Thiên-Miêu	20.00
Mua đồ đạc.....	303.00
Tiêu về việc diễn kịch ngày tháng giêng 1922. .	1430.00
Tiêu về lễ nghênh - tiếp quan Thống-chế Joffre..	400.00
Cộng là . .	40.469$64

Số tiền còn ở quĩ :

Tổng cộng tiền thu..	41.095.43
Tổng cộng tiền chi.....	40.469.64
Còn ở quĩ.....	625$79

Hội-đồng nghe đọc tờ trình ấy xong, thì định cử M. M. Trần Văn-Thông, Bùi Huy-Tín, và Phạm Văn-Duyệt xét lại sổ sách và giấy má và làm tờ trình đại-hội-đồng. Còn việc xét sách-vở đồ-đạc thì giao cho hội-đồng nhà hội-quán phải xem xét và cũng làm tờ trình đại hội-đồng.

3° — *Định ngày đại hội-đồng.*

Hội-đồng quản-trị định đến sáng ngày chủ-nhật 14 tháng năm tây, tức là 18 tháng tư ta thì họp đại-hội-đồng thường-niên.

Quan cai-trị Marty nói rằng đến ngày đại-hội-đồng sẽ xin quan Thống-sứ cho phép các hội-viên hội Khai-trí Tiến-đức làm việc quan ở các tỉnh về dự hội-đồng cho đông.

4° — *Vấn đề Tạp-chí Nam-Phong.*

Quan Chánh hội - trưởng trình hội-đồng rằng ông Phạm Quyền là sáng-lập kiêm chủ-nhiệm và chủ-bút Tạp-chí Nam-Phong xin với hội ta quản-trị cho tờ Tạp-chí ấy. Ngài lược đọc tờ dự thảo hợp-đồng của ông Phạm Quỳnh sẽ ký với Hội ta.

Ngài nói rằng từ trước đến nay Chính-phủ Đông-Pháp vẫn quản-trị cùng trợ-cấp cho tờ Tạp-chí ấy.

Nếu hội ta bảo-thủ Tạp-chí ấy, thì chắc Chính-phủ cũng cứ cho tiền trợ-cấp. Vả lại Nam-Phong vẫn có công cổ-động việc Hội ta, như ý ngài mà nhiều ông hội-viên cũng cùng ý với ngài, thì Hội ta nên nhận quản-trị lấy Tạp-chí ấy để làm cơ-quan cho Hội, mà sau này sẽ có giá-trị thêm lên, nếu khoáng-trương thêm ra, mà thêm một mục Pháp-văn nữa thì Nam Phong ắt là một Tạp-chí hoàn-toàn vậy.

Quan Marty lại nói rằng hiện ngay bây giờ Tạp-chí Nam - Phong đăng những bài có tư-tưởng có học-thức lại nhờ cách in khéo và đẹp của nhà Đông-kinh ấn-quán, thì Nam-Phong đã có thể tỉ với những Tạp-chí lớn ở các nước văn - minh, so với Tạp-chí ở các nước văn-minh, so với Tạp-chí ở Trung-hoa ở Nhật-bản cũng chẳng kém gì.

Hội-đồng bàn định một lúc rồi đều cùng thuận nhận quản-trị Nam-Phong. Việc này sẽ trình đại-hội-đồng biết để đại-hội-đồng cử một hội đồng kiểm duyệt.

5° — *Duyệt sổ thầu trưng nhà hội-quán (Cercle).*

Hội đồng duyệt-y sổ thầu trưng nhà Cercle. Sau ông tổng-thư-ký đọc những danh-sách các ông hội-viên đã được cử ngày 17 tháng ba trước (đã nói ở trên) hội-đồng quản-trị công-nhận.

Ông chánh thủ-quĩ M. Lê Văn-Phúc, xin với hội-đồng cho phép giao cho ông thủ-quĩ nhà Cercle một món tiền là 200 $ 00 để sắm sửa những đồ đạc thiết-dụng ở nhà Hội-quán, hội y lời ông chánh thủ-quĩ.

6° — *Cải mấy khoản điều lệ Hội.*

Hội đồng quản-trị định trình đại-hội-đồng xin đổi mấy khoản như sau này :

Điều thứ 8. — Nói về hội-đồng bảo trợ hội Khai-Trí Tiến-Đức.

Điều thứ 27. — thêm ra nhiều khoản nói về việc tổ-chức trong nhà Hội-quán (cercle).

Điều thứ 30. — Đặt thêm một người coi thư-viện nhà cercle.

Trong thiên thứ bốn. — Điều thứ 40. — Nói về hội-đồng bảo-trợ và chức-vụ các hội-viên hội-đồng ấy.

Điều thứ 40. — Dịch xuống làm điều thứ 41 v. v.

Những điều sửa đổi cũng thêm vào điều-lệ Hội, hễ khi đại-hội-đồng duyệt rồi sẽ đăng vào mục kỷ-yếu việc Hội để các ngài xem.

Hội-đồng công-nhận đặt hiệu Hợp-

lợi làm đồ bát đĩa chén, theo kiểu mẫu riêng của Hội để dùng ở nhà Hội-quán. Còn đồ đạc bằng gỗ thì giao cho hiệu Phúc-lợi làm.

Đúng 11 giờ, Hội-đồng giải tán.

Quyền tổng-thư-ký ký.

Quyên tiền giúp Hội. — Những ông có tên sau này có lòng tốt quyên tiền giúp Hội :

M. M. Nguyễn Hữu - Nghi, Huyện honoraire.	1.000$00
Nguyễn Hữu-Tiệp, Entrepreneur. .	200 00
Nghiêm Thụy-Ứng, tri-phủ Từ-sơn. . . .	100 00
Dr. Le Roy des Barres.	100 00
Jeambrau, Chef des services de la Sûreté et des Renseignements politiques. . .	100 00
Nguyễn Đình - Phẩm, commerçant. .	100 00
Tổng cộng	1.600$00

. . .

Giấy xin vào hội

Trong tháng Mars có những ông kê tên sau này xin vào Hội, hạn trong hai tháng, trong các hội-viên ngài nào có điều gì dị-nghị xin viết thư cho Hội biết :

Xin vào chân chủ-trì :

1. M. M. Monet Paul. Directeur du Foyer des Etudiants Annamites, 21 Bd. Rialan Hà-nội.

2. Ưng Ngọc-Thư, Travaux publics, 13 Rue du Lac Hà-nội.

3. Thái Văn Toản, Ngự tiền-thông sự Huế.

4. Vương Tứ-Đại, Thừa-thiên phủ-đoãn Huế.

5. Tôn Văn-Cơ dit Huyện Cơ, Directeur de l'Exploitation de charbon de Đông-triều, 19 Rue des Eventails Hanoi.

6. Ngô Văn-Hóa, Cửu-phẩm bá-hộ, 19 Rue des Eventails Hanoi.

7. Trần Văn-Chinh, Cecrétaire-interprète à la Direction de la Justice Hanoi.

8. Lê Quang-Tiếu, Commis indigène à la Direction de la Justice Hanoi.

9. Nguyễn văn-Kính Commis indigène à la Direction de la Justice Hanoi.

10. Trần Tất-Đại. Secrétaire-interprète à la Direction de la Justice Hanoi.

11. Ngô Văn-Nhã, Secrétaire-interprète à la Direction de la Justice Hanoi.

12. Phùng Văn-Thanh, Secrétaire-interprète à la Direction de la Justice Hanoi.

13. Trần Duy-Kỳ, Entrepreneur des Travaux publics Vĩnh-yên.

14. Đặng Đình-Tiệp, Thư-ký tòa Công-chánh Fort Bayard.

15. Vũ-Gian Giáo-viên trường Pháp-Việt Pháp-hoa Fort Bayard.

16. Kiều Tất-Cường, Tùng-cửu-phẩm văn - giai, 18 Bd. Amiral Courbet Hanoi.

17. Hoàng Thế-Nguyên, buôn bán, 21 Bd. Amiral Courbet Hanoi.

Xin vào chân thường - hội - viên: M. Nguyễn Trọng Phủ cựu lý trưởng ở làng Thế-thạch tổng Qui-hóa, huyện Hoài - an tỉnh Bình-định Trung-kỳ. (Do ông Lê Văn-Phúc giới-thiệu).

Đổi chỗ ở. — Xin các ngài có chân hội-viên hội Khai-trí Tiến-đức, khi các ngài đổi chỗ ở hoặc thăng-hàm hoặc thăng-chức, làm ơn viết giấy về cho tòa thư-ký Hội biết để gửi thư từ cho tiện, nhất là kỳ đại-hội-đồng sắp đến lại cần phải gửi giấy mời các ngài. Nếu không cho biết trước, cứ theo hiệu đề cũ mà gửi thư từ thì sợ thất-lạc.

Vậy có lời kính-cáo để các ngài rõ.